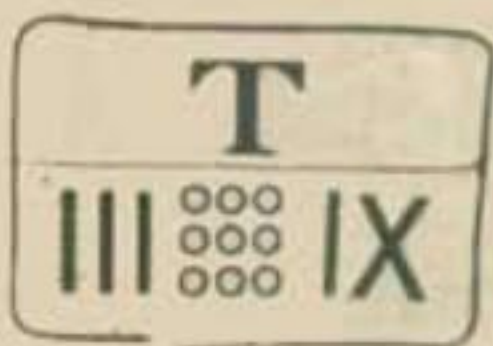
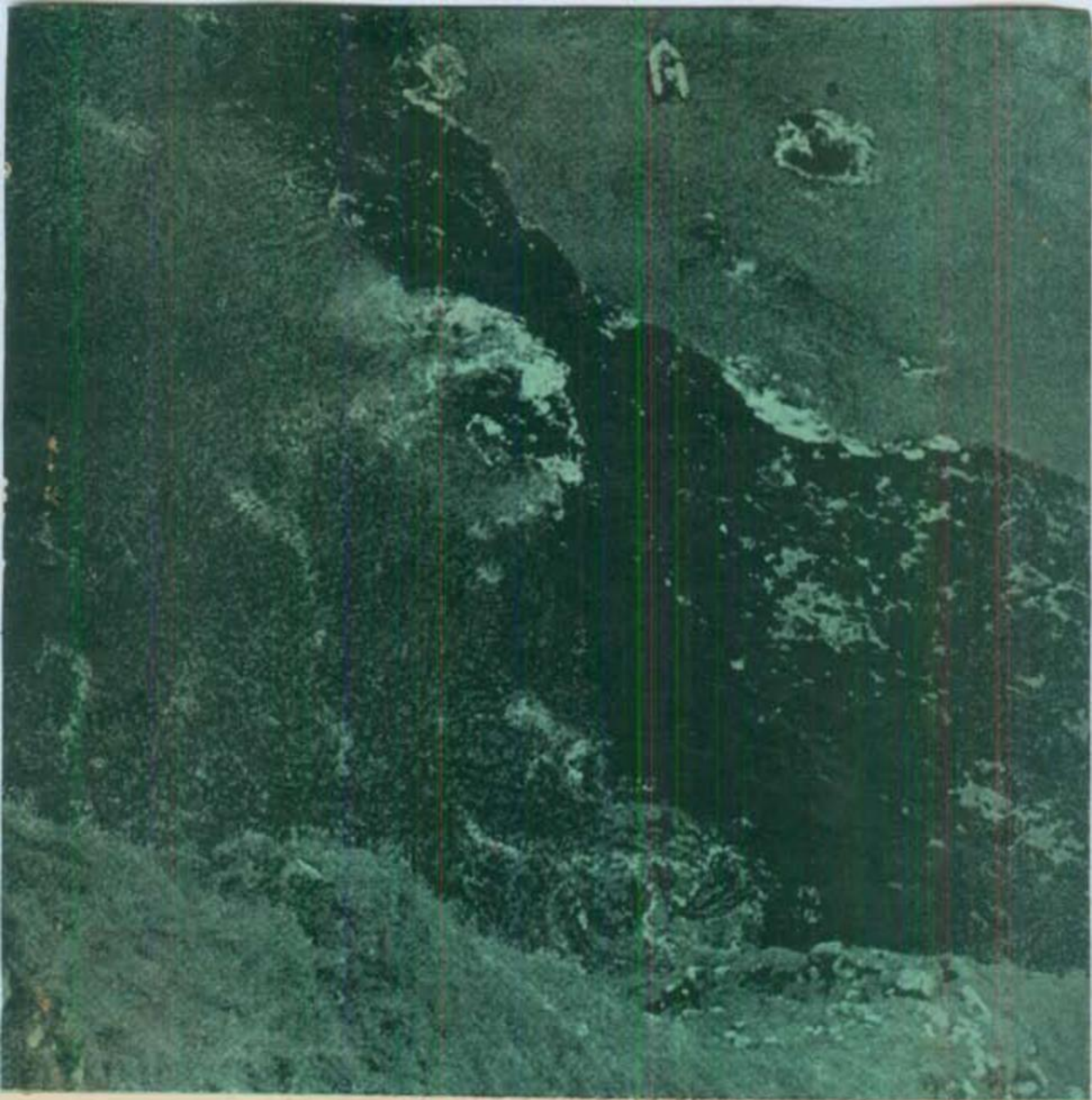




Dầu hỏa : chính trị hay kinh tế ? Di truyền, mật mã và ám hiệu — Hội nghị các nhà Đông-phương-học tại Ba-lê.

BACH KHOA

G I A I P H Ầ M

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.300đ.

MỘT NĂM

2.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 600đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 35đ.

— Ai-lao : 50đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v..) : 100đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 150đ.

— Âu-châu, Bắc Phi Trung

Đông Đại-dương-châu Úc,

Tân-Tây-Lan v.v... : 275đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 325đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIẾU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

T:

NGUYỄN GIA TƯỜNG <i>Uốn nắn tâm hồn theo truyền thống dân tộc, mục tiêu thiết yếu của nền Giáo dục quốc dân V.N.</i>	05
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC <i>Dầu hỏa: khí giới chính trị hay khủng hoảng kinh-tế?</i>	19
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>những vấn đề của thời đại: sự bộc phát của nhân số và nạn đói</i>	23
VÕ QUÁNG YẾN <i>thuốc chủng trừ bệnh Cúm</i>	27
TRẦN VĂN TÍCH <i>di truyền, mật mã và ám hiệu</i>	31
VÕ LONG TÊ <i>đàm thoại với Bách Khoa về hội nghị các nhà Đông-phương-học thứ 29 tại Ba-lê</i>	37
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	51
TRẦN HOÀI THƯ <i>người trở về (truyện ngắn)</i>	55
TẠ TỶ <i>vọng âm</i> (thơ)	64
TỤÊ MAI <i>tạ ơn</i> (thơ)	65
THU HIPPIY <i>chuyện trong tháng</i>	67
SINH HOẠT	
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>thời sự thế giới</i>	71
THẾ NHÂN <i>nụ cười Việt nam tại Hoa-kỳ</i>	77
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83
Họa sĩ VĂN-THANH <i>trình bày bìa</i>	

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ: 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại: 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ: 120\$ Công sở: 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 25-10-73

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Cơ cấu Việt ngữ của Trần Ngọc Ninh, do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 180 trang là quyển I của Bộ Cơ cấu Việt ngữ, khảo sát ngôn ngữ V.N. theo tự nhiên « nghĩa là từ lúc phát sinh ở đứa trẻ và được phân tích từ những đơn vị có-cơ-cấu lớn nhất của lời nói, là câu. Bản đặc biệt. Giá bán thường 400đ.

— Kinh nghiệm lĩnh sử và phát triển quốc gia của Nguyễn Hòa Hiệp bi danh Giang Đông, Việt Tiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 246 trang gồm 2 phần lớn : Xã hội văn minh Tây phương và những nguyên tắc định chế từ Tây phương ; Xã hội văn minh V. N. từ thời lập quốc đến ngày nay. Giá 160đ

— Hitler và lò thiêu sống dân Do thái, nguyên tác của Serge Miller, bản dịch của Người Sông Kiên và Lê thị Duyên do Sông Kiên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 412 trang.

— Hitler và những sứ-mạng bí mật của Skorzeny, nguyên tác của Otto Skorzeny, bản dịch của Người Sông Kiên và Lê thị Duyên do Sông Kiên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 354 trang. Giá 650đ.

— 10 ngày cuối cùng của Hitler nguyên tác của Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên do Sông Kiên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang. Giá 390đ.

— Mười hai sứ tức «Thập nhị sứ quân» của Vũ Ngọc Đình. Dân-Tộc chiến-đấu-sử tiểu thuyết cuốn 2, Cơ sở xuất bản Nhân Chủ ấn hành và gửi tặng. Sách dày từ trang 327 (Hồi thứ 18) đến trang 792 (Hồi thứ 46). Giá 840đ

— Giữa hai dòng nước tập truyện của Hoàng Hải Thủy do Tân Văn xuất và gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm 3 truyện ngắn. Giá 150đ

— Bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu, tập truyện của Nguyễn xuân Hoàng do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 102 trang gồm 9 truyện ngắn. Giá 150đ.

— Vết chàm truyện dài của Nguyễn thị Vinh do Anh Em xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 8 được xuất bản của tác giả dày 300 trang. Giá 680đ.

— Nghiên cứu Việt-nam niên san nghiên-cứu Văn-minh V. N. Tập I do Nhà Sùng-Chính Huế xuất bản, Nguyễn-Hữu Châu-Phan chủ trương. Sách dày 248 trang, khổ 16×24 in trên giấy blanc fin dày, gồm các phần nghiên cứu, tài liệu và diễm sách, do các giáo sư Đại-học và những cây bút biên-khảo có uy tín phụ trách. Giá 1.100đ

— Mưa nguồn và Lá hoa còn tập thơ của Bùi Giáng có thêm phần «Mưa nguồn Hòa âm», do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 412 trang in rất đẹp trên giấy blanc fin dày. Giá 900đ.

— Kẻ lạ ở Thiên đường, nguyên tác của Simone Weil bản dịch của Phùng Thăng, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 280 trang. Giá 400đ.

Uốn nắn tâm hồn theo truyền thống dân tộc

Mục tiêu thiết yếu của nền Giáo dục quốc dân Việt-Nam

LTS.— Cụ Nguyễn Gia Tường, tác giả bài này, là một nhà giáo lão thành miền Bắc. Cụ tốt nghiệp trường Cao-đẳng Sư-phạm Hà-nội năm 1922 và là Giáo-sư trường Bưởi từ cách đây 50 năm cho đến khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Cụ cũng là một trong những vị Hiệu trưởng người Việt đầu tiên — thay thế người Pháp — khi Trường Bưởi được đổi thành Trường Trung học Chu-văn-An. Trước kia ở Trường Bưởi Cụ chỉ dạy về môn Vạn-vật nhưng vào Nam Cụ lại dạy thêm môn Luân-lý chức-nghiệp — một môn học hoàn toàn mới mẻ — tại trường Sư-phạm Saigon 8, 9 năm liên tiếp. Bởi vậy những thế hệ học sinh nối tiếp nhau theo học Cụ cho tới nay rất là đông đảo và có mặt ở khắp nơi trong nước.

Trải qua những biến cố trọng đại của xứ sở và từng chứng kiến những đau thương của đồng bào trong hàng mấy chục năm khói lửa, Cụ không thể không có những khắc khoải ưu tư về sự tồn vong của dân tộc. Cũng do đó mà dầu đã 80 tuổi, Cụ vẫn còn cố gắng viết bài sau đây nêu lên một số suy tư và nhận định trước hiện tình đất nước.

VÀI NÉT ĐẶC THÙ

Khoảng trên mười năm gần đây tập san « *Sélection* » có đăng một bài nhan đề : « Tại sao cha mẹ hiền hòa lại có khi sinh con khó tính, khó dạy ? » Câu hỏi nêu lên một bí ẩn lớn của Thiên nhiên, mà Khoa học, mặc dầu rất tiến bộ về nhiều mặt, vẫn chưa biết được bao nhiêu. Nhà tâm lý học trứ danh C.G. Jung được tác giả bài báo trên phỏng vấn đã trả lời : « Cha mẹ tốt nhưng khó được hoàn toàn, lại càng khó được lúc nào

cũng hoàn toàn. Một đứa trẻ từ khi mới sinh ra đã có cá tính của nó, cũng như cá tính của một nhạc cụ (dương cầm, vĩ cầm, phong cầm). Vấn đề là (cha mẹ) phải tập cho biết khéo sử dụng nhạc cụ ấy (chớ vội than phiền). »

Ngoài ra người Âu-Mỹ nào còn giữ được niềm tin Thiên-Chúa thì quan niệm : Con nào cũng là con Chúa ban cho, đã đẻ ra thì phải nuôi, phải dạy, được đến đâu hay đến đó.

Đông-phương cũng có câu : «Cha mẹ sinh con, Trời Phật sinh Tính». Câu nói đề an ủi người làm cha mẹ tội phận không dạy được con. Nhưng đi vào Đạo lý chút đỉnh được biết ngay có thuyết «Luân hồi», có lý «Nhân duyên sinh nghiệp quả».

Một cá thể «đầu thai» vào làm con một đôi cha mẹ, chẳng phải là sự ngẫu nhiên, may rủi vô lý ; mà là «Duyên nghiệp Quả báo». Nghĩa là hậu quả của một mối liên hệ sinh hoạt từ một kiếp trước xa xưa. Ngày nay, «đầu thai» gặp lại nhau là để tiếp tục dòng nhân duyên sinh hoạt xưa. Nhưng ngày nay được thêm một trợ-duyên mới bởi dưỡng : ấy là cái tình nghĩa gia đình, giữa vợ chồng và con cái. Lại từ kiếp trước của đứa trẻ đến nay, trong hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh xã-hội quốc-gia, quốc-tế cũng đã có nhiều biến đổi, đó đều là những cơ hội cho tâm-hồn nó được uốn nắn thêm theo chiều hướng nào đó.

Trong môi-trường đời mới như thế, nếu bản thân con người có công phu hướng thượng cho sinh hoạt giữ được ưu thế càng ngày thêm vững mạnh, tất có ngày đạt tới mức độ «Giải thoát». «Giải thoát» nghĩa là không còn vướng phải «Bả» danh-lợi mà mặt trái là phiền não. Sau khi chết sẽ thoát khỏi hẳn vòng «sinh tử luân hồi». Như vậy, không kể những sa-đọa làm chậm trễ, (cả trăm ngàn kiếp), theo nguyên-tắc thì mỗi lần «đầu thai tái sinh » là một cơ duyên mới để tâm hồn được uốn nắn thêm cho kỳ hoàn toàn, viên mãn. Đúng như

lời Kinh dạy : « Chúng sinh (sớm muộn) là Phật sẽ thành ».

Đành rằng quan niệm được cái Hạnh phúc «Giải thoát» phải là những tâm hồn đã được uốn nắn phải chiều đến một trình độ khả quan. Đại đa số người đời chỉ biết đề cao Danh và Lợi, cho nên lối sống yên-nhiên tự tại, không tham vọng quyền thế, tiền tài, tình cảm, thường bị coi là gàn dở, không thực tế. Nhưng trong bất cứ một cộng đồng sinh-hoạt nào, nhỏ như một gia đình, xã ấp ; lớn như một xã hội quốc gia, quốc tế, bao giờ cũng phải có trong giới lãnh đạo một số tối thiểu biết quý trọng lý tưởng «Giải thoát». Có sự hiện diện của số tối thiểu đó, cộng-đồng mới được nhờ ảnh hưởng tốt lành mà xây dựng và duy trì được một nếp sống lành mạnh và yên vui.

Tác dụng của ảnh hưởng ấy ra sao? Đó là «duyên lành» có tác dụng biến cải lành mạnh giòng sinh hoạt của chúng sinh. Kinh nghiệm truyền thống Tồ-tiên cho thấy—hầu như hiển nhiên—phạm tai họa xảy ra thường do tham lam (những lạm) gây nên, không trực tiếp thì gián tiếp, hoặc gần hoặc xa. Rồi, tham lam mà được thỏa mãn tất sinh kiêu mạn si mê, không được thỏa mãn thì sinh sân hận oán thù. Lòng tham sân si, vốn tự nhiên, có được chế ngự bớt đi bằng lý tưởng «Giải thoát», con người có trách nhiệm mới ý thức được trách nhiệm và biết chuẩn-bị để chu đáo phận sự. Giới lãnh đạo (cùng cả thân quyến) mà không thấy trách nhiệm, hay thấy mà lẩn trốn, thì sớm muộn cộng

đồng được họ lãnh đạo chẳng sao tránh khỏi cảnh rối loạn điều linh.

Đó là đại cương triết lý sống còn của dân tộc V.N. từ ngàn xưa, trước khi chịu ảnh hưởng của văn minh Tây phương. Thiết nghĩ những tư tưởng tóm lược trên có thể dùng mà trắc nghiệm mức độ nông sâu, căn bản vững bền của bản thân mình cũng như của tha nhân. Đồng thời triết lý ấy cũng khuyến cáo rằng muốn được thông cảm với tối đại đa số quần chúng V.N. thì sự uốn nắn tâm hồn, tức là đường lối giáo dục quốc dân, phải quy định làm sao cho triết lý sống còn của Dân tộc không bị phá phách mà còn có cơ hội phát triển lành mạnh hơn.

Sau đây sẽ tìm hiểu sự uốn nắn tâm hồn tự nhiên trong tiềm thức cá nhân, sự uốn nắn theo lịch sử cho cả Dân tộc, và sau cùng là sự uốn nắn theo «Chính nghĩa quốc gia» tức là cái «Nghĩa sinh tồn của Dân tộc». Căn cứ vào «Nghĩa sinh tồn của Dân tộc» mới có được những nhận định và những hành vi đúng chính nghĩa Quốc gia, sáng suốt và vững mạnh.

Đối với những sắc tộc thiểu số, họ cần được diu dắt cho «đúng-nghĩa», không bị khai thác như nông-nô. Họ sẽ đóng góp vào Chính nghĩa Quốc gia của Đại Dân tộc Việt-nam, không bằng những cuộc nổi dậy ly khai mà cũng theo «Luân-hồi» và «Nhân duyên sinh Nghiệp quả».

UỐN NẮN TỰ NHIÊN TRONG TIỀM-THỨC CÁ NHÂN

Bạc tôn trưởng sống trong khung cảnh gia đình, luôn luôn có dịp quan sát con cháu về tâm lý từng đứa một. Không đứa nào giống đứa nào. Ngoài những nét di truyền trong nội ngoại gia tộc còn có những đặc điểm bất thường. Chẳng hạn có đứa mới ngồi vững (7-8 tháng) mà mỗi khi nghe tiếng sấm vang nó liền nằm nhoài ra, áp tai xuống chiếu. Đâu ai đã kịp dạy nó làm như vậy? Phải cho rằng kiếp trước nó đã từng lăn lộn nhiều nơi chiến trường. Có đứa mới bập bẹ nói tiếng một, cứ lăn lộn đều các dấu: sắc với huyền, hỏi với ngã; có khi hạ giọng chót dấu nặng, mặc dầu cả nhà nói giọng Bắc: phải cho là kiếp trước nào đó nó đã ở ngoài Trung. Có đứa cha mẹ là Việt chính

thống mà nói sôi rỗi vẫn có lúc nói nhịu văn B ra P, văn Đ, T ra L, dường như muốn nhắc lại dấu tích minh-hương (Tầu lai) của nó.

Vì «Luân hồi» với những gốc tích tập hợp từ nhiều nơi khác nhau các kiếp trước như thế vào một gia đình, gia đình phải đã có tập tục khá vững mới đỡ bị giằng co, sinh hoạt tập thể gia đình mới uốn nắn tâm hồn từng đứa theo cùng đường hướng cho chúng cùng sống được hòa thuận, yên vui với nhau. Sự uốn nắn đó được thể hiện tự nhiên hàng ngày trong tiềm thức, chẳng cần thuyết lý giảng dạy bao nhiêu. Bình thường, dầu khi còn nhỏ có hay tranh dành cãi cọ, rồi lớn lên cũng dễ thông cảm

được với nhau. Lại vì nếp sống xưa đơn giản, nên cả sau khi đã trưởng thành, dầu xung khắc tính tình có bị khơi sâu bởi những thành bại riêng tư, chỉ một số tập tục Lễ-giao «Hiếu Hỷ», «Giỗ-Tết»... cũng tạm đủ ràng buộc được các thành phần họ hàng thân thích, giữ được «nghĩa» đồng tông.

Mặt khác, sinh hoạt gia-đình còn giúp cho kẻ làm cha mẹ tôn trọng được nhờ con cái mà bồi bổ đức tính xả-kỷ vị-tha. Trong phạm vi gia-đình, vị-tha được nương tựa vào tình thương dồi dào nên đức tính xả-kỷ ở đây không mấy khó nhọc, có thể coi như tự nhiên. Nhưng đừng đề mất đi mà uổng. Tây phương có quan niệm lập gia đình là làm «lễ táng đời trai» vì những ràng buộc tạo ra. Nào để con, nuôi con; nào dạy con, diu dắt con, biết bao nhiêu là bổn phận và trách nhiệm! Một đứa trẻ ra đời có thể làm đảo lộn cả quân bình tâm lý, kinh tế, tham vọng... của gia đình. Nhưng chính những cố gắng lập lại quân bình mọi mặt lại có thể là những sự kiện giúp cho đời sống gia đình phát triển viên mãn, trong Thiên-nhiên. Như cây cỏ sinh chồi nảy lộc, đơm hoa kết quả mới đầy đủ.

Lại nếu nghĩ đến những khi trẻ đau yếu, lâm bệnh nan y hay gặp tai họa khủng khiếp, cha mẹ gồng mình mà chịu đựng, quên mình mà chạy chữa, mới thấy lòng thương con quả thực cao cả. Người xưa có nhận định rất đặc biệt: có nuôi con mới biết lòng cha mẹ (xưa thương

mình thế nào). Cho hay chăm nom con cái còn là sự kiện giúp cho người làm cha mẹ ý thức được sâu xa mối liên hệ thiêng liêng đối với Tổ tiên giống nòi.

Trẻ đến tuổi đi học lại có những vấn đề mới được đặt ra cho con trẻ và cả cho cha mẹ nữa. Đối với con trẻ, Nhà trường là cả một thế giới mới, rộng lớn hơn gia đình nhiều. Lần đầu tiên chúng được xếp vào hàng ngũ với trẻ khác, và được thấy rõ có sự bắt buộc phải theo đúng một khuôn khổ, gọi là kỷ luật Học đường. Ở đây các vị tôn trọng có vẻ cũng dễ thương, nhưng nhất định không dễ cảm thông như cha mẹ ở nhà. Một nếp sống mới buộc phải tự mình biết đối phó với một hoàn cảnh xa cách hẳn với gia đình là nơi nương tựa êm ấm đã quen. Tất nhiên đến đây tâm lý trẻ bước vào một giai đoạn tiến triển mới. Chính vì cảm thấy tính cách nghiêm ngặt của tình thế (không còn nhõng nhẽo được) tự mình phải giải quyết lấy mọi việc mà khi có mâu thuẫn giữa thầy hay bạn một bên và gia đình một bên, thì trẻ sẵn sàng gác lại lời dạy bảo của cha mẹ nếu không quyết liệt. Gia đình phải thấy rõ tình trạng ấy và biết chia sẻ ảnh hưởng với Học đường để tránh cho con trẻ đỡ phân vân lạc lõng. Đồng thời cũng phải lo chuẩn bị cho chúng có khả năng tự vệ cho đỡ bị lôi cuốn vào các trào-lưu vọng ngoại.

Đối với người làm cha mẹ, giao dịch với Nhà trường còn mở cho tâm hiểu biết thêm rộng, rộng ra

khỏi cả phạm vi Học-đường. Trước hết được biết Nhà trường là một cơ sở không phải có toàn quyền giáo dục, mà chỉ có một chương-trình đã được ấn định từ thượng cấp và phải thi hành trong phạm vi quyền hạn của mình. Thứ là chương-trình ấy nặng phần khoa học kỹ thuật đại cương, nhiều lý thuyết ít thực hành (1). Sau kỹ thuật mới đến các môn Sử ký, Địa lý, Nhân văn nước nhà. Cuối cùng là môn Công dân giáo dục, nói về quyền lợi và bổn phận lý thuyết của người công dân. Còn Đạo-lý Luân-thường là môn độc đáo của Nhà trường cổ học thì ít khi được bàn tới. Có kẻ hài hước bảo rằng đó là những « xa xỉ phẩm » tuyệt vời, hay những bảo-vật chỉ còn để trưng bày trong viện Bảo-tàng.

Sự thực có đúng Đạo lý cổ truyền đã hết giá trị thực tiễn đến thế không? Sự thực đó chỉ là quan điểm thời tiền chiến, do Thực dân gieo rắc, hầu dập tắt cho kỳ hết lý do của người V.N. mong có ngày phục hồi những mất mát tâm lý đã lần lần lồi cuốn theo cả chủ quyền Quốc gia lúc nào không biết! Nhưng ngày nay, sau ngót 30 năm chiến tranh tàn phá, tuy khuynh hướng trí thức thực dân chưa chịu đổi mới, nhưng quan điểm kia nhất định chẳng thể còn toàn vẹn. Con đường sinh tồn của Dân tộc VN chắc chắn không phải là hàn gấn lại cái xiềng xích đã bị đập tan!

Con đường sinh tồn là tìm về Đạo-lý đã nuôi sống Dân-tộc và đã

bao phen giúp cho Dân-tộc chống thẳng xâm lăng, không bị tiêu diệt cứ lăm lăm tồn tại. Nếu một cá nhân tự thấy có bản lãnh lãnh-đạo quốc dân tất phải ráng xuất hiện kịp thời để thể hiện một giai đoạn Lịch-sử. Dầu kết quả ra sao cũng là chuẩn bị cho một giai đoạn mới. Còn nếu tự thấy không đủ tư cách hướng dẫn được ai, đâu có thể coi thời loạn là cơ hội « băng vàng » để mưu danh cầu lợi « thả dàn », nếu còn vắng nghe thấy lời khuyên: « quốc gia hưng vong thất phu hữu trách »?

Trách vụ gì? Lời khuyên kể trên là tiếng nói của Dân-tộc từ « Tạng thức » (2) ngàn xưa vọng về, ai chưa vọng bản tất có lúc còn được vắng nghe thấy trong thâm tâm. Có thể giải thích: « Không dẫn dắt được ai cũng phải tự kiểm soát lấy mình. Nghĩa là tự uốn nắn lấy tâm hồn mình làm sao cho không tổn thương mà còn nuôi dưỡng được sinh mạng của Dân-tộc trong bản thân mình cho thêm lành mạnh. Không làm nổi việc lớn cũng phải tự chuẩn bị để hưởng ứng vang âm của Chí-lớn. Sự chuẩn bị trong quốc dân có khả quan thì Chí-lớn mới có điều kiện thuận tiện thể hiện được. »

(1) Phải lên Đại-học mới có Chuyên nghiệp. Gần đây đã có « Trung học kỹ thuật ». Rồi có lẽ còn có « Đại học địa phương » để tản bớt quyền Trung ương.

(2) Nơi chứa đựng những « chủng tử » (hạt giống) của tiềm thức, trí thức, tích trữ từ ngàn xưa của sinh hoạt Dân tộc Nhân loại. (Theo Phật-giáo và Phân-tâm-học).

Tâm hồn cá nhân có được uốn nắn đề tự túc tự cường, Quốc dân mới có thể đồng lòng chịu khó tiến tới Tự chủ và Độc lập.

SỰ UỐN NẮN CỦA LỊCH-SỬ CHO CẢ DÂN-TỘC.

Ngay từ khi Hoa-kỳ mới tham chiến tại Việt-Nam đã có những ý chí biểu lộ đòi Hòa-bình. Hồi 66-67 khi phong trào của Sinh viên Học sinh đòi Hòa-bình đang lên cao, một số thanh niên phản chiến Hoa-kỳ sang Việt-Nam tìm hiểu tại chỗ ý nghĩa của Phong trào ấy. Họ nhiệt thành tham gia các cuộc biểu tình, hăng say vác biểu ngữ đi hàng đầu... Rồi, trước khi rời Sài Gòn về nước, họ có để lại cho sinh viên V.N lá tâm thư ca ngợi lòng yêu nước của Thanh niên V.N. Trong thư có câu đại ý : Nhưng ngoài việc biểu tình, các bạn có làm gì tương tự như Phong trào « Đông-Kinh Nghĩa-Thục » của bậc đàn anh chưa ? Chắc câu hỏi phải làm cho giới thanh niên suy nghĩ. Ai chưa biết phải tìm hiểu xem « Đông kinh nghĩa thực » là cái gì.

Đông-Kinh Nghĩa-Thục.

Đông-Kinh Nghĩa-Thục là một phong trào chống Pháp hồi đầu thế kỷ 20, bằng phương sách giáo dục, lấy Đông-Kinh làm mẫu mực. Sở dĩ kinh đô nước Nhật được đề cao là vì Nhật Bản vừa đại thắng Nga-la-tư (1905), trong khi các quốc gia Á Châu khác đang còn rên siết dưới ách đô hộ của Tây phương, dưới sự khai thác của kỹ thuật thuộc địa. Phong trào bí mật tuyển mộ thanh niên cho xuất ngoại du học, và đồng thời công khai mở trường trong nước cách-mạng-hóa nền giáo dục do Thực

dân chủ trương có tính cách giổ giết và chỉ nhằm mục đích đào tạo lấy người sai mà thôi.

Nhắc đến « Đông Kinh Nghĩa Thực » với thanh niên V.N. phải chăng người Hoa-kỳ muốn thanh niên V.N. « sờ tay thấy » nếu có sự gián đoạn nào giữa thế hệ Đông Kinh Nghĩa Thực đàn anh và thế hệ đang đòi Hòa bình bây giờ, gián đoạn vì chính sách đồng hóa của Thực dân. Dĩ nhiên đó là một yếu tố cần thiết để cho Hoa-kỳ dự liệu chiến lược của họ ở Đông Dương và cả ở Đông-Nam-Á nữa. Đối với người dân V.N. lẽ nào sự gián đoạn ấy lại không phải là vấn đề cần tìm hiểu hơn cả ? Vì làm sao chịu tìm ra được thuốc chữa bệnh nếu không ý thức được căn bệnh của mình ?

Tối thiểu Lịch sử cận đại cho biết, sau thời Trịnh Nguyễn phân tranh, nhờ sự giúp đỡ của quân đội Pháp, nhà Nguyễn Gia-Long đã dành được uy thế thống nhất đất nước từ tay Triều đại Nguyễn Tây Sơn (quá ngắn ngủi). Nhưng cũng từ đấy nước V.N. mất dần quyền thống nhất và luôn cả chủ quyền vào tay người Pháp, trong suốt 80 năm đô hộ.

Đất nước V.N. không còn chia làm Nam và Bắc Triều nữa mà chia ra làm ba Miền : Nam, Trung, Bắc, được cai trị theo ba chế-độ khác

nhau : Miền Nam là « Thuộc-địa », trực thuộc Chính quốc (Nước Pháp); Miền Trung được « Bảo hộ », vẫn còn Vua và Triều đình, nhưng đặt dưới quyền kiểm soát của một vị Khâm-sứ Pháp ; và Miền Bắc có một vị Thống-sứ Pháp, cai trị vừa như một Thuộc-địa vừa như xứ Bảo-hộ. Người dân V.N. muốn từ xứ nọ qua xứ kia phải có chiếu khân thông hành như sang một nước khác vậy.

Thực-dân

Nhờ trình độ kỹ thuật tương đối vượt bậc thời bấy giờ, Thực dân Pháp chinh phục VN bằng quân sự chẳng mấy khó khăn. Nhưng việc bình định bằng tổ chức kinh tế, ổn định xã hội cho có an ninh trật tự chẳng phải dễ. Dem « Lợi » và « Danh » làm mỗi câu con người và thúc đẩy nó quá thì rất hiệu nghiệm, cho nên một tình trạng kinh tế mới được thiết lập, một trật tự xã hội mới cũng được phô trương mạnh mẽ. Nhưng còn giai đoạn dùng « Danh » và « Lợi » mà nhận chìm chữ « Nhân » giữa dân chúng với nhau và chữ « Nghĩa » giữa đồng bào với Tổ-tiên chung, còn phải nhiều thời gian. Cho nên chưa bao giờ có sự Bình-định hoàn toàn bất cứ ở đâu.

Mặc dầu vậy, chủ-nghĩa « Thuộc địa đồng-hóa » (Colonie d'assimilation) cũng đã sớm được bắt đầu với con cháu những gia đình công thần công tử V.N. thời sơ khai thuộc địa. Đó là những thành phần V.N. ưu tú được Mầu quốc chăm nom đặc biệt.

Được đưa sang du học Mầu quốc, rồi một số chọn lọc được nhập tịch Mầu quốc. Đó tức là những mầm non, những hạt giống một « Hoàng phái » mới, một giai-cấp lãnh-đạo tương lai.

Nhưng với hai thế chiến, cả hai lần nước Pháp cùng phải nhờ đồng minh cứu giúp mới khỏi mất nước, chính-sách đồng-hóa cần được đẩy mạnh và mở rộng phạm vi ra nhiều. Vì vậy mới được thành lập trên đất nước này những bậc học cao cấp như « Cao đẳng », « Đại học », đề lời cuốn cho bằng được lòng tin cậy và sự trung thành của giới Tây học và thanh thiếu niên. Đồng thời nền cò-học được chính thức chấm dứt với sự bãi bỏ hẳn các khóa thi Hương, thi Hội, thi Đình để tuyển Cử-nhân, Tiến-sĩ Nho học. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đã đình chỉ vì hết lý do từ lâu trước khi « Trục Ý-Đức-Nhật » bại trận năm 1945.

Cộng-sản

Chiến tranh lại chuyển sang hướng tranh chấp giữa Cộng sản với Tư bản khi Nga không chịu rút quân chiếm đóng

Ở Đông Dương, sau trận Điện-biên-phủ, Thực dân Pháp chìm vào bóng tối,

Đến giai đoạn hiện nay : Quân Mỹ đã gần hoàn toàn rút hết khỏi Đông Dương, tiếng súng chưa dứt, thì đã lại thấy

chính khách Pháp từ từ xuất hiện trên chính-trường VN mỗi ngày thêm nhiều trên địa hạt Kinh-tế và Văn-hóa. Nếu đồng ý đây là «giai đoạn chánh trị» thì tất phải công nhận thái độ của Pháp cũng như thái độ của Hoa kỳ là chờ xem phản ứng của quốc dân Việt Nam sẽ ra sao trước sự đe dọa tiếp tục tấn công của Cộng sản Bắc-Việt và Việt-Cộng. Phản ứng ấy tất nhiên là phản ánh trình độ trưởng thành của Dân-tộc về mọi lãnh vực sinh hoạt.

Những mất mát

Đứng về phương diện vẹn toàn của sự nghiệp quốc gia, đề bảo-vệ mạng sống của Dân tộc V.N. trình độ trưởng thành phải tính từ căn bản truyền thống với cả những mất mát qua gần một thế kỷ Thực dân đô hộ và chiến tranh tàn khốc mà vẫn chưa kết thúc được.

Mất mát đáng kể trước hết là về lý tưởng giáo dục xưa: «Tu, Tề, Trị, Bình». Có nghĩa cái gốc là bản thân. Bản thân có tu cho phải Đạo mới biết giữ cho gia đình được «chính tề». Có biết tề gia mới có tư-cách giúp việc «trị an» đất nước, và cao hơn nữa là lo việc «hòa bình» cho Thiên hạ. Thực dân phá cái thuyết ấy bằng thuyết «Đời công đời tư vô can». Người công chức chỉ cần phục vụ đặc lực đối với chánh quyền (Thực

dân), không cần biết đến gia đình: vợ con, cha mẹ, anh em; và cả đối với bản thân nữa. Trong thực tế, công chức đặc lực được hậu đãi, tự nhiên có đầy đủ điều kiện tiền tài, danh vọng, thế lực đề san bằng nhiều nỗi bất bình. Rõ ràng kinh tế có sức mạnh thắng cả Giáo dục và Văn hóa. Tâm hồn người dân do đó bị áp lực uốn nắn của quyền thế và tiền tài. (Can chi bàn tới tu trì đạo đức cho mệt!)

Mất mát quan trọng nữa là về «Giao tế xã hội»: Ngoài luật-pháp (kỳ thực tác dụng rất hạn chế), bốn chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, thường chỉ được dùng đề trang trí cho sinh hoạt thêm màu mè. Bởi thế chữ «Lễ» được tô điểm thành xa xỉ, đến lỗ lã, phát ngượng cho người bàng quan. Chữ «Nghĩa» được đem ra thả luận, tranh tài hơn thua có khi bất chấp luận cứ bất-nghĩa nơi tâm hồn. Còn chữ «Liêm» là tư cách sáng suốt của Lý-trí và chữ «Sĩ» là tư cách tế nhị của lương tâm, vì là tư cách nên phải có tu trì mới đạt. Không tu trì nên phải «lướt qua», cho đó là những thành kiến và mặc cảm (mà thôi). Có lẽ đúng; nhưng đó là những «thành kiến» và «mặc cảm» mà Tồ tiên đã mất cả hàng triệu năm mới kinh nghiệm được, và nhờ vậy mà xã hội Con Người đã từ từ chậm chạp được nâng cao lên khỏi những tác phong man rợ và luật rừng rú của muông thú.

Có những mất mát quan hệ nữa thuộc về tín ngưỡng và tôn giáo. Đối với kẻ đi chinh phục, các lãnh

vực ấy thường là những chiến trường rất khó giải quyết. Ở xứ ta, Thực dân đã có thái độ rất khôn khéo. Ngoài việc biệt đãi Thiên Chúa giáo (mà các giáo sĩ gọi là Công giáo), Thực dân đề cao «Tự do tín ngưỡng» đồng thời cũng có nghĩa là «Tự do vô tín ngưỡng». Mặt khác, với cái nếp sống của giới trí thức mà họ đào tạo và hướng dẫn, nếp sống đầy buông thả vị kỷ, nặng hưởng thụ tinh thần cũng như vật chất, mà tập quán thờ phụng Tổ tiên và tôn sùng Anh hùng liệt sĩ dân tộc vẫn còn duy trì được trong dân gian, thì đây quả thực là một điểm phúc tiềm tàng còn sót lại trong vận mạng của Dân-tộc.

Niềm tin nơi giáo-lý nhà Phật cũng vậy. Suốt thời kỳ giới thượng lưu thuộc địa ngạo nghệ thực hành Tự-do vô tín-nguỡng thì chỉ có dân quê là còn nghĩ đến Phật. Chùa chiền chỉ còn là những danh lam thắng cảnh được chiếu cố trong mùa hội hè đình đám địa phương. Du khách cũng nhân cơ hội thăm viếng ngoạn cảnh và nghiên cứu phong tục «thờ dân». Đạo Phật chỉ mới bắt đầu được học lại từ hồi thế chiến thứ hai. Không chắc vì cái dấu hiệu Đức Quốc-xã (1) giống như chữ «VẠN» Nhà Phật, mà có lẽ người ta cảm thấy bất-an trong tâm trước sự tàn bạo của chiến tranh «Quốc xã». Ở Việt-Nam thực sự có phong trào «trở lại Đạo» chỉ từ hồi chiến tranh bắt đầu lan tràn tàn phá trên đất nước và con người Vô-Đạo thấy hết sức bơ vơ.

Những mất mát của Dân-tộc V.N.

(1) Chữ thập ngược

do Thực dân Pháp gây nên rất nhiều, không sao kể cho hết được. Đây là sự chen lấn hàng ngày, từng bước một của những yếu tố ngoại lai vào nếp sống tâm lý từng cá nhân. Thực là những vết thương tâm-lý khiến cho con người còn nhiều bản chất Dân-tộc cảm thấy đau đớn tủi hổ vì nạn mất nước. Nhưng với thời gian chung sống, sự đồng hóa xâm nhập tâm hồn càng nhiều thì nạn nhân càng dễ quên đi. Cuối cùng khi mức độ đồng hóa đã sâu xa, đương sự không còn thấy đau đớn tủi hổ gì mà trái lại còn lấy sự đồng hóa với kẻ mạnh làm hãnh diện, là một sự tiến bộ cho giống nòi mình.

Thảm trạng

Chính vì cái hiểm họa đồng hóa của Thực dân có hậu quả như vậy cho nên trên đất nước này, khi họ không còn đủ sức chống nổi xâm lăng Cộng-sản mà phải rút lui, họ để lại một lớp trí thức hết sức phân hóa. Một số được giao trọng trách cầm quyền nhân danh Quốc gia, nhưng trong những Chính phủ kế tiếp nhau được thành lập, thường có những giằng co vô tận. Từ những kẻ trung thành với «Mẫu quốc», nuôi hy vọng có ngày tái thiết uy quyền xưa cho vững, đến những kẻ tự cho là tiến bộ nhất cứ chăm lo lấy điểm với «bên kia», qua đủ mọi màu sắc hỗn độn các nhóm chánh trị. Trong quần chúng thì có những vận động quy mô, mong tiến tới những thể lực quần chúng. Thành công nhất là những tổ chức tôn-giáo. Đồng thời Hoa-kỳ đã can



thiếp mạnh mẽ và đã thành lập được một cơ cấu có thực lực trội hơn cả: ấy là Quân lực V.N.C.H.

Sau một cuộc đảo chính, quyền hành được chuyển sang giới lãnh đạo Quân-đội. Từ đấy những tranh chấp nội bộ có bề lắng dịu và công tác chống Cộng tỏ ra hữu hiệu hơn. Tiếp đến những biến chuyển quốc tế giữa Hoa-kỳ và khối Cộng-sản Nga Tàu; rồi bằng một hội nghị quốc tế 13 thành phần tại Ba-lê, phe Hoa-kỳ ký kết với phe Cộng-sản V.N. hiệp-định đầu năm 73 để tái lập Hòa-bình, tại Việt-Nam. Theo đó Bắc Việt đã trả hết tù binh cho Hoa-kỳ và Hoa-kỳ đã rút hết quân ra khỏi Nam Việt-Nam. Nhưng trên đất Nam Việt-Nam này vẫn còn mấy trăm ngàn quân Bắc Việt, họ cùng với Việt Cộng Miền nam tiếp tục chiếm đất, dành dân. Hội nghị giữa hai bên Miền Nam từ mấy tháng vẫn cứ dậm chân tại St. Cloud bên Pháp.

Hy vọng

Tuy nhiên vì trong căn bản Dân tộc có những Triết lý và Đạo giáo cao siêu (Phật, Lão, Nho) người dân còn bản chất vẫn dễ tin: Dầu là chiến tranh hay Hòa bình đều do lý « Nhân duyên sinh nghiệp quả » đem đến một biến cố xảy ra, bằng phản ứng gây truyền có thể lôi cuốn theo chiều này hay chiều khác, cả trăm ngàn biến cố khác. Thực khó lường đấy,... nhưng tựu trung vẫn theo định luật của Đạo-lý.

Đứng về phương diện sống còn của Dân tộc, mà quốc dân phải bảo vệ, ta có thể đơn-giản-hóa mọi hành

vi đối nghịch nhau trong thể hỗn loạn

tác dụng của ngoại viện thế nào phần lớn cũng tùy thái độ tiếp nhận của chúng ta. Trong thái độ này, đối với ngoại viện cũng như đối với mọi vấn đề khác, chỉ có ba loại đặc biệt:

1) Thái độ thiên cận, chỉ thấy có Danh Lợi trước mắt, là « xông vào » bất chấp hậu quả ra sao.

2) Thái độ kín đáo hơn, cũng vụ lợi ích kỷ nhưng trong tương lai xa, qua phe phái riêng tư của mình. Tức là một « lối đầu tư » khá dễ biện minh.

3) Thái độ có đượm hoặc ít hoặc nhiều tính chất « vì NGHĨA » chính đáng quốc gia Dân tộc.

Trong ba thứ, loại 2 phổ biến hơn cả vì dễ « trình bày ». Cho nên 2 loại kia nhiều khi cũng nương tựa vào đấy để được phổ biến theo. Tuy nhiên, sau cả trăm năm vận mạng cá nhân cũng như vận mạng Dân tộc đã phải trao phó cho Thực dân, đến ngày nay Quốc gia đã trải qua gần 30 năm chiến tranh tàn phá và còn đe dọa; thế mà Miền Nam V.N này vẫn không chết cứ tiếp tục ghi được những thắng lợi có tiếng vang về quân sự và chánh-trị. Tình trạng đó nhất định phải nhờ sự tăng cường của thái độ loại 3.

Cho nên phải tìm hiểu cho rõ thế nào là « Chính nghĩa quốc gia » và tìm mọi cách phát triển Chính nghĩa đó, dân tộc mới khỏi bị tiêu diệt.

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

...2

Kỳ tới: Cách uốn nắn theo « Chính nghĩa quốc gia »

Dầu hỏa: *khí-giới chính-trị* *hay khủng-hoảng kinh-tế ?*

Cùng với cuộc chiến tranh Trung Đông đã thực sự bùng nổ ở một mức độ dữ dội vào thượng tuần tháng 10-1973, vấn đề dầu hỏa cần phải được đặt lại trên cả hai bình diện chính trị và kinh tế. Cho đến cuối tháng 9, nhân những cuộc tiếp xúc với báo chí ngoại quốc, Quốc vương Faisal của Arabie Saoudite và lãnh tụ Libye, Đại-tá Muammar Kaddafi — hai nhân vật chủ chốt của cuộc khủng hoảng — vẫn tiếp tục phủ nhận một cách khéo léo sự xâm nhập của dầu hỏa vào lãnh vực chính trị. Nhưng tình thế đã thay đổi ngày một. Dù muốn dù không, đề ngăn chặn ảnh hưởng sự trợ giúp của Hoa Kỳ đối với lực lượng Do Thái, Khối Ả Rập bắt buộc phải sử dụng đến cái áp lực duy nhất của họ : dầu hỏa. Áp lực ấy thành công hay không, và nếu có, hữu hiệu đến mức nào ? Đó lại là một vấn đề khác.

Mở đầu từ Tripoli

Kể châm ngòi cho cuộc “Khủng hoảng dầu hỏa” là vị lãnh-tụ 31 tuổi của Libye, đại tá Kaddafi. Nhân ngày kỷ niệm đệ tứ chu niên cuộc Cách mạng lật đổ vua Idris, 1-9-1973, Đại tá Kaddafi loan báo cùng dân chúng món quà tặng mới nhất của ông ta là quyết định quốc-hữu-hóa 51% tích sản của các

đại công ty dầu hỏa trên lãnh thổ Libye.

Thật ra, đây không phải là biện pháp đầu tiên áp dụng đối với các công ty dầu hỏa ngoại quốc. Tháng 12-1971, chính phủ Tripoli đã bắt đầu quốc-hữu-hóa các công ty British Petroleum. Sau công ty Anh-cát-lợi này, liên tiếp những công ty độc lập khác được chiếu cố tới : Bunker Hunt, Occidental, Continental, Marathon, Amerada, trong tập thề Oasis. Như vậy, từ dạo đó, chính quyền Libye đã kiểm soát khoảng 60% việc sản xuất dầu hỏa. Nay, với biện pháp quốc hữu hóa mới nhất nhằm vào những công ty thuộc loại lớn nhất thế giới : Exxon (Ex-Esso Standard), Standard Oil of California, Texaco, Mobil Oil và Shell — có thể nói chính phủ Tripoli đã kiểm soát được tất cả guồng máy sản xuất, bởi lẽ còn lại hai công ty nhỏ Aquitaine và Amoco thì sản lượng chỉ đạt đến 2% trên toàn quốc mà thôi.

Ai cũng nhận thấy với quyết định của vị lãnh tụ Libye, dầu hỏa vô hình chung đã được thực sự sử dụng như một thứ khí giới chính trị. Rõ ràng là Kaddafi mâu thuẫn với chính mình khi ông vừa cảnh cáo người ta “không nên lẫn lộn kinh tế với chính trị”, vừa công khai tuyên bố : “Chỉ có kẻ khờ dại và ngây thơ mới cho

rằng dầu hỏa trong tương lai không thể được dùng như một áp lực đối với Hoa Kỳ. Nhưng trước hết, chúng tôi phải kiểm soát nó đã. Do đó, ngay bây giờ, mỗi đe dọa một cuộc chiến tranh dầu hỏa bắt đầu được đặt ra. Còn mỗi đe dọa ấy có thành sự thực hay không thì hoàn toàn tùy thuộc thái độ của chính phủ Nixon».

Sử dụng dầu hỏa để làm áp lực thúc đẩy Hoa Kỳ chuyển hướng chính sách ngoại giao về phía Do Thái chẳng phải là trò xảo thuật độc quyền của Libye. Kaddafi biết như thế và ông cũng thừa biết luôn rằng trong số những kẻ lăm le làm lãnh tụ khối Ả Rập một cách sáng giá nhất, tay cự phú về dầu hỏa không phải là Kaddafi hay Tổng Thống Ai Cập Anwar Sadat, mà là Quốc vương Faisal của Arabie Saoudite. Vì thế, cùng một lúc với quyết định quốc-hữu-hóa các công ty dầu hỏa ngoại quốc tại Libye, Kaddafi không ngừng vận động một cuộc liên kết giữa ông và một trong hai nhân vật kia. Anwar Sadat sẵn sàng đặt bút ký với Kaddafi bản hiệp-định-thư nhằm dẫn đường tiến đến việc hợp nhất hai quốc gia (một viễn ảnh còn quá cách biệt với thực tế); cũng như đã khôn khéo cùng một lúc ký với Quốc vương Faisal một thỏa ước viện trợ kinh tế và quân sự quan trọng.

Vậy thì rõ ràng là tầm mức quan trọng của vấn đề vẫn còn nằm trong tay nhân vật chính: vị lãnh tụ Arabie Saoudite.

Quốc vương Faisal,

nhân vật chủ chốt

Ngay cả đến giới cầm quyền Hoa

Kỳ cũng không ngần ngại coi Quốc vương Faisal là nhân vật chủ chốt của cuộc chiến tranh dầu hỏa. Cầm đầu một quốc gia mà mức độ phát triển kinh tế ở hàng đầu thế giới (16% một năm) chỉ nhờ một nguồn sản xuất duy nhất, lẽ dĩ nhiên Quốc vương Faisal hiểu hơn ai hết vai trò quan trọng của dầu hỏa, và cũng thừa biết cách khai thác cái vai trò ấy trên lãnh vực chính trị. Arabie Saoudite có lẽ chẳng bao giờ trở thành một siêu cường quốc, nhưng nó đang tự tạo lấy một vị trí nào đó khiến cho ngay cả những siêu cường quốc cũng phải lắng tai nghe tiếng nói phát xuất từ thủ đô Riyadh. Làm cách nào tạo dựng cái vị trí đó? Rất giản dị và dễ hiểu: Hoa Kỳ và tất cả các quốc gia kỹ nghệ hóa Tây Âu mỗi ngày một đòi hỏi thêm dầu hỏa như nguồn nhiên liệu căn bản, chỉ có một mảnh đất duy nhất có đủ khả năng cứu thoát cuộc khủng hoảng năng lực ấy — đó là Arabie Saoudite. Nơi đây hiện đang sản xuất cỡ 8 triệu thùng (1) dầu một ngày, và theo các chuyên viên ước lượng, thì vào năm 1980 sẽ phải sản xuất ít nhất 20 triệu thùng một ngày mới đủ cung ứng cho khối Tây phương, ngõ hầu thế giới không lâm vào cảnh khủng hoảng nhiên liệu trầm trọng. Con số ước lượng ấy lẽ dĩ nhiên không vượt quá khả năng của Arabie Saoudite. Nói cách khác, Quốc vương Faisal có thể thỏa mãn

(1) 1 thùng (U.S. Barrel petroleum) bằng 158,97 lít.

nhu cầu nhiên liệu đó. Nhưng vấn đề là ông có chịu làm như thế hay không. Trả lời một câu phỏng vấn của báo Newsweek vào thượng tuần tháng 9, ông khẳng định rằng ông vẫn tin tưởng số dầu hỏa do Arabie Saoudite sản xuất sẽ tiếp tục chảy đến các thị trường quen thuộc từ trước đến nay trong những giới hạn thích ứng đối với nền kinh tế quốc nội. Nhưng còn việc tăng gia số sản xuất ấy để đáp ứng nhu cầu của Hoa Kỳ và Tây phương, thì lại phải tùy thuộc sự thỏa mãn hai điều kiện ; «Thứ nhất, Hoa Kỳ và Tây phương phải hỗ trợ hữu hiệu Arabie Saoudite trong việc kỹ-nghệ-hóa ngõ hầu tạo phát một nguồn lợi thay thế cho dầu hỏa sẽ cạn dần vì mức tăng gia sản xuất nói trên, cũng như để thu hút số lợi tức thặng dư gây nên bởi mức sản xuất ấy, Thứ hai, một không khí chính trị thích hợp cần phải thể hiện, để cải tiến bầu không khí từ trước đến nay vẫn luôn luôn vẩn đục bởi cuộc khủng hoảng Trung Đông và bởi những tham vọng bành trướng lãnh thổ của Do Thái.»

— Nhưng nếu Hoa kỳ không đáp ứng những điều kiện này?

Quốc vương Faisal trả lời một cách khôn khéo : «Vậy thì chúng tôi đành phải nhìn vấn đề với một quan điểm có tính cách hoàn toàn tự lợi. Trong trường hợp đó, sự tăng giá của dầu hỏa sẽ đưa tới một sự lãng gia lợi tức khiến chúng tôi phải giảm bớt mức sản xuất. Hai yếu tố này ràng buộc lẫn nhau:

Khi mức sản xuất bị giảm bớt thì chắc chắn giá dầu hỏa sẽ lại tăng vọt một cách đột ngột và quan trọng»,

Phản ứng của giới tiêu thụ

Trước hết, các quan sát viên đều đồng ý với nhau rằng Arabie Saoudite không phải đang chơi trò tháu cáy — họ rất có thể sẽ làm thật. Mặc dù Quốc vương Faisal vẫn luôn luôn minh định rằng việc chiết giảm mức sản xuất dầu hỏa không được coi như một biện pháp «trừng phạt», mặc dù ông vẫn coi Hoa Kỳ, Nhật Bản và các quốc gia Tây Âu là bằng hữu, ông đã dứt khoát tuyên bố rằng sự hợp tác thân thiết mà ông muốn thiết lập với các quốc gia đó đòi hỏi những hành động hỗ tương thích ứng, vì lẽ «không thể nào chỉ có những sự hy sinh về một phía trong khi phía bên kia thì lại bày tỏ những thái độ thụ động nếu không muốn nói là thù nghịch.»

Vấn đề đặt ra là nếu lời đe dọa của Arabie Saoudite trở thành sự thật, chuyện gì sẽ xảy ra? Để trả lời câu hỏi này, những chuyên viên về nhiên liệu tại mỗi quốc gia tiêu thụ bắt buộc phải nhìn thẳng vào tầm mức quan trọng của dầu hỏa đối với quốc gia họ.

Trước hết là Hoa Kỳ. Những con số được ước lượng cho thấy một thực trạng đáng ngại : sự tùy thuộc của kinh tế Hoa Kỳ đối với nguồn nhiên liệu phát xuất từ Arabie Saoudite. Năm 1980, Hoa Kỳ dự trù tiêu

thụ mỗi ngày 24 triệu thùng dầu. Vậy mà sản xuất trong nước thì có vẻ khó mà vượt trên mức 11 triệu thùng một ngày.

Điều khó tin nhất đã bắt đầu xảy ra : tình trạng khan hiếm nhiên liệu tại một quốc gia mà mức sản xuất dầu hỏa đứng vào hàng đầu thế giới (gần gấp đôi mức sản xuất của Ba Tư). Người ta vẫn thường nói với dân số chỉ bằng 6% toàn thể dân số thế giới, Hoa Kỳ đạt đến mức tiêu thụ năng lực bằng một phần ba hoàn cầu) và số năng lực này có thể coi như nằm sẵn trong lòng đất của họ. Nhưng sự thật đã đổi khác kể từ năm 1859 khi mỏ dầu đầu tiên được khám phá tại tiểu bang Pennsylvania, cho đến sau cuộc khủng hoảng kinh tế tháng 10-1929. Một ảnh hưởng dây chuyền được ghi nhận : Các tiểu bang ban hành biện pháp hạn chế cung lượng những giếng dầu ngõ hầu những giếng nhỏ cũng có thể sinh lợi, đối phó với tình trạng thiếu người bỏ vốn sản xuất. Nhưng chính vì thế mà giá dầu tăng vọt, và dầu hỏa vượt thoát khỏi mọi luật lệ thị trường. Kể đó, hay nói cho đúng, 24 năm sau, đến lượt gaz cũng theo chân dầu hỏa. Ủy hội Liên bang về năng lực liên quyết định vào năm 1954 áp dụng biện pháp định giá gaz thiên nhiên do Tiểu bang này bán cho Tiểu bang khác. Chính sự qui-chế-hóa giá nhiên liệu như vừa nói đã bị ngành kỹ nghệ dầu hỏa buộc tội là nguyên do chính yếu của cuộc khủng hoảng ngày nay. Giá gaz hạ thấp đã khuyến

khích một số tiêu thụ ghê gớm : 30% nhu cầu năng lực. Và rồi chính gaz cũng trở nên khan hiếm. Người ta chỉ còn một giải pháp đối với cuộc khủng hoảng : nhập cảng. Từ 1954, Hoa-Kỳ đã bắt đầu mua khoảng 10% dầu hỏa từ ngoại quốc. Tỷ lệ nhập cảng này từng bị hạn chế vào năm 1959 bởi chính phủ Eisenhower, cuối cùng đã được chính phủ Nixon nới rộng vào ngày 18-4 vừa qua, đề bổ sung cho sản lượng quốc nội đã khai thác tối đa từ 1971. và như thế, Hoa-Kỳ cũng như Âu-châu không còn lý do gì để quay lưng với những quốc gia Á-Rập. Một thứ áp lực bất đắc dĩ đã tìm được cơ hội đề xuất hiện, lẽ dĩ nhiên không phải chỉ trên bình diện kinh tế mà thôi.

Áp lực đó không nhằm riêng Hoa Kỳ Thái độ của Libye và Arabie Saoudite là dịp để một số quốc gia tiêu thụ dầu hỏa trên cả lục địa Âu-châu lẫn Á-châu nhìn nhau lo ngại. Anh-quốc chẳng hạn, tuy đã cố gắng giảm bớt mức liên hệ về dầu hỏa với Libya trong mấy năm nay, vẫn còn duy trì một tỷ lệ 14 % dầu hỏa nhận từ các giếng của Đại tá Kaddafi, và nếu kể chung cả khối Á-Rập thì tỷ lệ nhập cảng này lên đến 65% nhu cầu hàng năm của Anh-quốc. Trong khi chờ đợi tỷ lệ đó giảm bớt nhờ sự khai thác những vùng có dầu hỏa ở Bắc-Hải, nghĩa là ít nhất cho đến năm 1980, Anh-quốc vẫn còn có lý do để lo ngại về thái độ của Libye trong lúc này.

(xem tiếp theo trang 83)

Sự bộc phát của nhân số và nạn đói

Cuộc cách mạng xanh

Không tăng diện tích trồng trọt được thì còn một cách nữa là tăng năng suất trồng trọt. Gần đây người ta đã khua chiêng gõ mõ rất ồn ào về cuộc «cách mạng xanh», nghĩa là về việc dùng nhiều phân bón, nhất là dùng những giống lúa mới, năng suất cao.

Dùng phân hóa học để bón thì có lợi thật, năng suất tăng lên mạnh nhưng cái hại của nó cũng lớn lắm: lúa, trái cây, rau cỏ, ngay cả đất đai sông ngòi cũng có thể bị nhiễm độc, do đó gà vịt, trâu bò, cá tôm cũng bị nhiễm độc lây (chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này).

Có những giống lúa mới như lúa Thần Nông một năm có thể trồng ba mùa, mà nhiều hột hơn các giống cũ. Năm sáu năm trước một nông dân ở Cần-Thơ trồng thử năm sáu công Thần Nông trong hai năm mà làm giàu, mừng quá, treo trong nhà bốn chữ đại tự «Thần Nông gia bảo». Nhưng mấy năm nay người ta đã bớt hăng hái rồi: thứ lúa đó không phải trồng ở đâu cũng được, nó đòi nhiều nước, nhiều phân, bắt ta phải trông nom rất kĩ, lại dễ bị sâu ăn, nên phải dùng nhiều thuốc trừ sâu, mà những thuốc này rất

độc, chất độc nhiễm vào rễ, lá, hoa và hạt lúa, có hại cho người tiêu thụ. Lại thêm lúa ăn không ngon bị nhiều người chê (1).

S. Gouchtchev và M. Vassiliev trong cuốn *La vie au 21e siècle* (Buchet Chastel-1964) còn kể những chất kích thích sự sinh trưởng của cây cối, chẳng hạn làm cho những cây cà chua, lê, táo đâm rễ nhiều, mau lớn, mau có trái và trái mau chín. Những chất ấy hình như chỉ mới thí nghiệm ở Nga, kết quả chưa biết ra sao — có tốn tiền quá không, có hại gì không, trái cây có kém ngon không, cây có mau tàn không... — nhưng có điều chắc chắn là năm nay Nga vẫn phải mua nhiều lúa mì của Mỹ.

oOo

Biến, cứu tinh của nhân loại ?

Khoảng hai chục năm trước, khi xét nạn đói của nhân loại, một số báo chí khuyên chúng ta cứ vững tâm: khi đất không còn đủ sức nuôi chúng ta nữa thì còn có biển mà diện tích rộng gấp ba đất, biển là một

(1) Các dân tộc kém phát triển mà có văn hóa từ lâu thường kém ăn, nếu có phương tiện thì họ muốn ăn cho ngon; còn Mỹ trái lại chỉ muốn ăn đồ hộp, uống nước trái cây cho đỡ tốn công mà đủ chất bổ, để rồi hùng hục làm việc.

kho thực phẩm vô tận, tha hồ cho chúng ta vớt lên mà ăn, nó sẽ là cứu tinh của nhân loại. Nhưng đó cũng là một huyền thoại nữa.

Nguồn lợi thứ nhất của biển là cá: chúng ta có thể thu hoạch tới 150 triệu tấn cá mỗi năm. Trăm triệu tấn cá thì được bao nhiêu triệu tấn thức ăn? 50 hay 100 triệu tấn? Chia cho sáu bảy tỉ người vào cuối thế kỉ này thì mỗi người được bao nhiêu kí thức ăn mỗi năm? Còn như muốn thu hoạch được hơn số 150 triệu tấn thì phải bắt cả những cá nhỏ, những plancton—sinh vật nhỏ li ti trong biển. Bắt những loại ấy chẳng những không bổ công mà còn làm cho số cá lớn giảm đi vì chúng là thức ăn của loài cá lớn.

Hiện nay vài loài cá như cá voi màu lam (baleine bleue) và loài jubarte (1) đã gần tuyệt chủng vì bị săn quá. Biển không phải là một kho vô tận, cần phải hạn chế hoặc kế hoạch hóa sự đánh cá thì số cá mới không giảm, cũng như từ đời thượng cổ, Mạnh Tử đã khuyên dân tộc Trung Hoa hạn chế sự đốn rừng và bắt cá nước ngọt vậy.

Còn việc «trồng trọt» ở biển thì đã thí nghiệm rồi nhưng kết quả chưa đáng kể. Ở Nhật người ta đã nuôi sò, một số cá biển, và một hải tảo (rong) ăn được; phí tiền còn cao quá mà món hải tảo ăn lại không ngon. Rốt cuộc không phải là một giải pháp trong một tương lai gần đây được.

Thức ăn tân tạo

Các nhà bác học đã tìm cách lấy những cơ thể rất đơn sơ có một tế bào thôi (organisme monocellulaire) trên một thực thể là dầu lửa, mà sản xuất được những chất có nhiều *protéine*, rất cần cho sự dinh dưỡng.

Người ta còn hy vọng từ dầu hỏa rút ra được cả mỡ, đường và nhiều thức ăn khác nữa. Nghe nói bèo Nhật Bản (lục bình) cũng chứa *protéine*, không rõ đã có cách rút ra chưa.

Một số nhà bác học còn nuôi cái mộng tìm ra được phép *photosynthèse* (2) của hóa công mà biển không khí, nước và thán khí thành thức ăn như thiên nhiên vậy. Chuyện đó còn xa vời quá mà nạn đói thì lại gấp. Chỉ trong hai chục năm nữa sẽ đe dọa cả nhân loại.

Những tài nguyên khác của địa cầu

Tôi chắc có nhiều vị độc giả theo triết lí «trời sinh voi, trời sinh cỏ» và cứ vui vẻ hưởng thụ, tới đâu hay đó. Triết lí ấy với triết lí «đời cua cua ngoáy, đời cáy cáy đào» giúp chúng ta đỡ được những chứng mất ngủ, đau tim, đau bao tử của người phương Tây. Nhưng làm voi, chúng ta cũng nên biết trong khu

(1) Một thứ cá voi rất lớn có bướu, có mỏ, ở các biển gần Bắc Cực.

(2) Do tác động của ánh sáng, thán khí bị phân tích mà sinh ra các chất *hydrate de carbone* trong lá cây...

rừng của chúng ta còn bao nhiêu cỏ, và làm cua, chúng ta cũng nên biết tới đời cây còn chỗ nào để đào không. Vì nếu không nghĩ tới những chuyện ấy mà tìm cách giải quyết thì thế giới sẽ lộn xộn lắm, ăn ngủ không yên đâu, chứ đừng nói tới chuyện hưởng thụ.

Hiện nay hai phần ba nhân loại thiếu ăn, rồi đây khắp thế giới sẽ thiếu những tài nguyên căn bản. Vì không có một tài nguyên thiên nhiên nào là vô tận, có lẽ chỉ trừ không khí, mà không khí, do sự phát triển của khoa học, cơ giới, lại đang bị nhiễm uế.

Chúng ta hiện chưa thiếu các nguồn năng lực nhưng đã tới lúc phải hạn chế bớt, đừng phí phạm quá, đừng « ăn vào vốn » nữa. Chỉ chừng ít trăm năm nữa, các mỏ than, mỏ dầu lửa, mỏ hơi-tự-nhiên sẽ kiệt. Mỏ dầu lửa sẽ kiệt trước hết và chúng ta phải lấy dầu thừa ở một thứ điệp thạch (schiste bitumeux), cách đó sẽ khó khăn, tốn kém lắm.

Năng lực do các luồng thủy điện (courant hydroélectrique) có thể còn dùng được lâu, nhưng như tôi đã nói, muốn có năng lực đó, phải xây đập, mà hồ nhân tạo ở phía trên đập trong vài trăm năm sẽ bị bùn cát lấp cạn.

Mặt trời là một nguồn năng lực vô tận thật, nhưng lại bất tiện ở điểm phải có những kính lớn quá để tập trung tia sáng mặt trời: người ta đã tính muốn có một luồng điện đủ dùng cho một thị trấn một triệu

rười người (bằng nửa Saigon-Chợ-lớn) phải có một cái kính lõm diện tích là ba mươi hai cây số vuông!

Thủy triều cũng tạo được năng lực nhưng không thấm vào đâu, chỉ để dùng tạm ở bờ biển thôi.

Người ta hy vọng có thể dùng năng lực hạch tâm, nhưng tạo ra năng lực ấy là một việc rất tốn kém, và bất đắc dĩ lắm mới phải dùng. Và lại còn phải xét những nhà máy tạo năng lực hạch tâm một khi phổ biến, sẽ làm cho đất đai, không khí nhiễm uế ra sao nữa.

Nguy nhất là nhân loại sắp có thể thiếu nước. Điều ấy chắc làm cho nhiều độc giả ngạc nhiên. Nước là một tài nguyên dồi dào mới hoài, làm sao mà thiếu được? Biển là cái hồ chính để chứa nước. Người ta tính mỗi ngày biển bốc hơi thành 875 cây số khối (km³) nước. Khoảng 775 cây số khối nước đó thành mưa lại trút xuống biển; còn khoảng 100 cây số khối do gió đưa vô đất liền. Nhưng các sông lớn sông nhỏ lại đổ vô biển mỗi ngày 100 cây số khối, như vậy không khác gì hơi nước bốc ở trên đất thôi, số này vào khoảng 160 cây số khối mỗi ngày.

Nhưng nước ngọt tuy luân lưu trên đất và dưới đất, mà số lượng dự trữ không phải là bất tận. Con người dùng nhiều nước kinh khủng. Thức ăn nào của ta cũng do cây cối mà ra: sâu bọ ăn cây, cỏ; cá lại ăn sâu bọ, rồi người lại ăn cá. Trâu bò ăn cỏ, rồi người lại ăn thịt bò, uống sữa bò. Cho nên có người đã bảo:

«Thịt nào cũng là cỏ hết», nghĩa là nguồn gốc do cây cỏ cả.

Cây cỏ cần rất nhiều nước: một bông lúa mì hút từ đất rồi làm cho bốc hơi 200 lít nước trong thời gian nó sinh trưởng. Muốn sản xuất một kí lúa mì phải mất khoảng 500 lít nước; một kí gạo cần gấp 3, gấp 4 số nước ấy, từ 1.500 tới 2.000 lít nước; một kí thịt cần từ 20.000 tới 50.000 lít nước. Kỹ nghệ còn cần nhiều nước hơn nữa: để chế tạo một chiếc xe hơi, từ trước tới sau, trực tiếp hay gián tiếp, phải cần tới 400.000 lít nước. Năm 1.900 mỗi người Mi dùng trung bình 2000 lít nước mỗi ngày (kể cả số nước cần để chế tạo các máy móc đồ dùng...), năm 1960 số đó tăng lên 6.000 lít, mà còn tăng lên nữa, sẽ tới 8.000 lít năm 1980.

Tiêu thụ nhiều nước như vậy, nên số nước lưu trữ đã giảm rồi. Georg Bergstrom tính rằng người Âu tiêu thụ nước tới 3 thì thiên nhiên chỉ hoàn lại cho được 1. Nghĩa là họ tiêu lạm vào vốn. Tình cảnh ấy sẽ xảy ra trong nhiều miền khác vì dân số tăng lên thì việc trồng trọt cũng tăng lên. Như Ấn Độ chẳng hạn, phải đào thêm giếng để có nước trồng lúa. Trong một năm, từ tháng 7 năm 1968 đến tháng 6 năm 1969, chính phủ Ấn đào thêm 2000 cái giếng, tư nhân đào thêm 76.000 cái. Lại thêm nổi trong thời gian ấy, họ đặt thêm 246.000 máy bơm. Như vậy thì nguồn nước lưu trữ trong lòng đất làm sao chẳng cạn dần. Rồi đây, nhân số

cứ tăng theo mức ngày nay, 35 năm lại gấp đôi, thì chẳng bao lâu nhân loại sẽ đói và khát nước. Bà mẹ của chúng ta — trái đất — không đủ sức nuôi chúng ta nữa. Lúc đó mới làm sao?

Chúng ta sẽ phải dặt dứu nhau lên ở cung Trăng, Hỏa tinh, Kim tinh chẳng? Cứ cho rằng những hàng tinh ấy ở được, hoặc khoa học làm cho ở được đi, thì cái việc di dân lên đó cũng không phải là dễ dàng. Bây giờ mỗi chiếc thuyền không gian chỉ chở được ba bốn người. Thí dụ sau này nhờ tiến bộ nó có thể chở được 100 người, muốn chở hết số người dư trên trái đất — khoảng 70 triệu người mỗi năm — phải phóng 2000 chiếc thuyền không gian mỗi ngày, năm này qua năm khác.

Ngay cái việc di dân từ nước này qua nước khác trên trái đất cũng tốn kém kinh khủng rồi, huống hồ là di dân lên các hành tinh. Chúng ta đừng nên mơ ước chuyện đó nữa. Không có cách nào giải quyết được hết các nỗi khó khăn, nguy nan do luật tăng gia nhân số gây nên đâu. Chỉ có cách này: phải làm sao cho nhân số tới một lúc nào đó đứng sừng lại, đừng tăng nữa.

Đó là cái hại thứ nhất do khoa học mà chúng ta phải đối phó trước hết.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

BỘ BÁCH KHOA đóng tập từ 1957 đến nửa năm 1973.

Giá 33.000đ.

Thuốc chủng trừ bệnh cúm

Gởi anh L.N.C.

Lần đầu tiên trong lịch sử y khoa, thuốc chủng trừ bệnh cúm được chế tạo, có hiệu lực cho đến năm 1978! Thật là một thuốc chủng cách mạng. Cự trùng bệnh cúm có đặc tính luôn thay đổi cấu tạo, hoặc chút ít mỗi năm, hoặc hoàn toàn ngẫu biến sau một chu kỳ nhiều năm. Vì vậy, nếu những năm gần đây, thuốc chủng trừ các bệnh sởi, quai bị, rubéole, poliomyélite,... lần lượt ra đời cứu nhân độ thế, thì thuốc chủng trừ bệnh cúm đến nay luôn bị chậm trễ, trừ khi chưa được bao lâu cự trùng bệnh cúm thì chúng đã thay đổi biến hình, thoát khỏi vòng lưới bủa vây của các nhà sinh vật học.

Thành tích của Viện Pasteur ở Paris, thành công theo dõi được tiến triển của cự trùng bệnh cúm để rồi kiểm cách đôn ngừa được chúng trước đến vài ba năm, là kết quả của một khảo cứu lâu dài, đồng thời đã đưa đây kiến thức về cuộc sống của cự trùng lên một mức độ tối cao.

Thường hễ một cự trùng được khám phá thì ở các trung tâm khảo cứu các nhà sinh vật học kiểm cách chế thuốc phòng ngừa chống đối cự trùng ấy. Thuốc chủng dựa lên một nguyên tắc khá giản dị. Người ta cho vào cơ thể con người chính ngay cự trùng muốn trừ khử nhưng đã

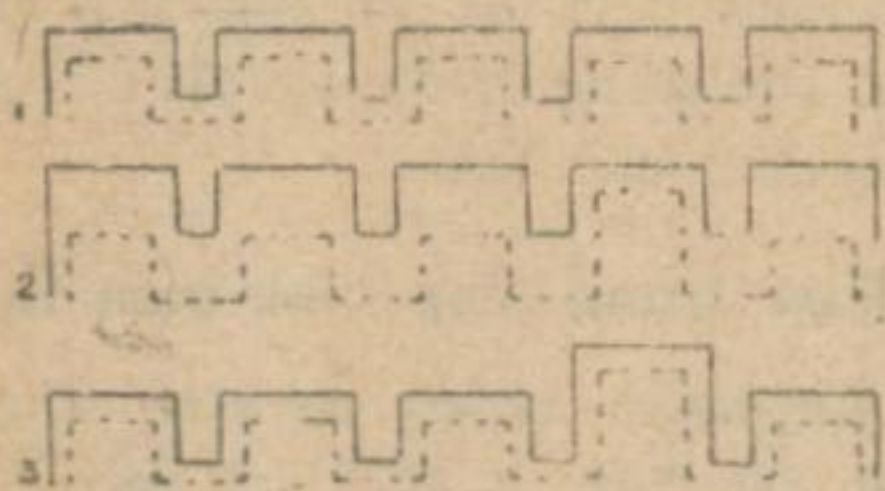
làm cho suy yếu đi. Vì suy yếu cực trùng không gây nên bệnh trong cơ thể mà chỉ cho phát khởi một hệ thống phòng thủ, đặc biệt là cho phát khởi cuộc chế tạo kháng thể (anti-corps). Kháng thể là một dãy phân tử globuline miễn dịch mà cấu tạo đặc sắc là ráp đúng với cấu tạo cự trùng để phong tỏa không cho nó phá phách. Sau này, khi có cự trùng thực sự xâm nhập cơ thể thì cơ thể đã có sẵn hệ thống phòng thủ, chỉ có việc bủa lưới bao vây cự trùng và tiêu diệt nó. Nhưng thường phải cần khoảng hai năm mới biết rõ được cự trùng, nuôi nấng nó và làm cho nó yếu đi để chế thuốc chủng. Đối với bệnh cúm thì hai năm thật quá lâu, cự trùng đã có dư dật thì giờ thay hình biến thể.

Cự trùng thay hình biến thể.

Vậy muốn kháng cự bệnh cúm, việc đầu tiên là phải tìm hiểu cho được tiến triển của cự trùng bệnh cúm. Các nhà sinh vật học Viện Pasteur ở Paris đã bỏ công theo dõi cách biến thể hay cuộc ngẫu biến của cấu tạo cự trùng. Họ đã tìm ra được hai cách thay hình của cự trùng bệnh cúm. Thứ nhất là một cách thay đổi nhẹ nhưng đều đều hàng năm các kháng nguyên (anti-gène) trong cấu tạo cự trùng. Như vậy, sau vài năm, cự trùng biến

chuyển ra thành một cực trùng khác. Người ta hiểu ngay vì sao khi bị bệnh cúm một lần, các kháng thể được chế tạo ra trong cơ thể chỉ có thể che chở cho cơ thể được một mùa vì qua mùa sau cực trùng đã biến đổi thì kháng thể hết còn có hiệu lực.

Cách thay hình thứ nhì là một cuộc ngẫu biến mỗi một mười, mười lăm hay mười tám năm. Ngẫu biến thế nào? Mỗi một cực trùng có ít nhất là ba kháng nguyên, nghĩa là ba protéine đặc biệt làm thành ba khí giới tấn công của cực trùng. Trong số ba kháng nguyên này, một chiếc nằm bên trong cơ thể cực trùng, luôn ổn định, còn hai chiếc kia đóng đô tới trên màng cực trùng, dễ thay đổi, khác nhau từ cực trùng này qua cực trùng khác. Đây là hai kháng nguyên hémaglutinine và neuraminidase. Mỗi



Kháng nguyên và kháng thể

Kháng thể (đường thẳng) trong cơ thể ta có cấu tạo ăn rập với kháng nguyên (đường chấm) của cực trùng nên phong tỏa không cho cực trùng quấy rầy (1). Khi cực trùng biến đổi, kháng nguyên thay hình thì kháng thể của ta bị bất lực (2). Nhưng nếu kháng thể đủ lớn, đủ phức tạp (do thuốc chủng từ cực trùng « ổn định » gây ra) thì nó lại phong tỏa được mọi kháng nguyên (3).

Hình trích Sciences et Avenir

khi mà hai kháng nguyên này thay đổi thì ta đứng trước một cực trùng mới, ta bất lực, mặc sức để cho cực trùng đánh phá hoành hành. Đặc biệt, chúng tấn công vào những người già cả, có tim yếu hay bộ phận hô hấp kém cỏi...

Trước cuộc biến chuyển mau chóng của cấu tạo cực trùng, cuộc đề phòng cơ thể chống lại chúng không thể là một cuộc chạy rượt theo mà phải là một cách đón đường chặn trước đánh úp địch thủ khi nó vừa mới đến. Muốn vậy, nhóm khảo cứu viên do giáo sư Hancun điều khiển, sau ba năm tìm hiểu định luật tiến triển của cực trùng bệnh cúm, đã nuôi nấng và cho gia tốc cuộc nảy nở của chúng, để biết trước được cấu tạo của chúng trong tương lai.

Từ đây người ta mới chế tạo được thuốc men phòng ngừa.

Nhưng làm sao thực hiện được một cuộc tiến triển? Các nhà sinh vật học đã biết được mỗi protéine kháng nguyên của cực trùng gồm có sáu acide aminé. Từ năm này qua năm khác, cơ quan điều khiển cơ chế di tính cực trùng buộc một acide aminé phải được thay thế. Hai định luật cũng đã được khám phá ra trong lãnh vực này: chỉ một acide aminé luôn được thay thế vào chiếc acide mới phải phức tạp hơn chiếc cũ. Cuộc thay thế này diễn biến cho đến lúc một acide aminé vô cùng phức tạp hiện ra: cuộc tiến triển lúc ấy bị dừng đứng, cực trùng trở nên « ổn định » và một chu kỳ thay

thể khác lại bắt đầu từ cực trùng mới kia.

Nhận xét này cho ta thấy mỗi một cực trùng miễn dịch cho cơ thể chống lại tất cả các cực trùng trước trong chu kỳ thay thế, nhưng chẳng có hiệu lực đối với các cực trùng sau của chu kỳ. Đây là vì mỗi kháng nguyên của cực trùng nhờ cấu tạo phức tạp nên gây ra được kháng thể đủ lớn, đủ phức tạp, đề phòng tủa được những kháng nguyên ít phức tạp hơn. Tất nhiên cực trùng sau cùng của chu kỳ hay là cực trùng « ổn định » là trội hơn cả các cực trùng khác : một kháng thể do cực trùng này gây ra ắt phải trị được mọi cực trùng trong chu kỳ.

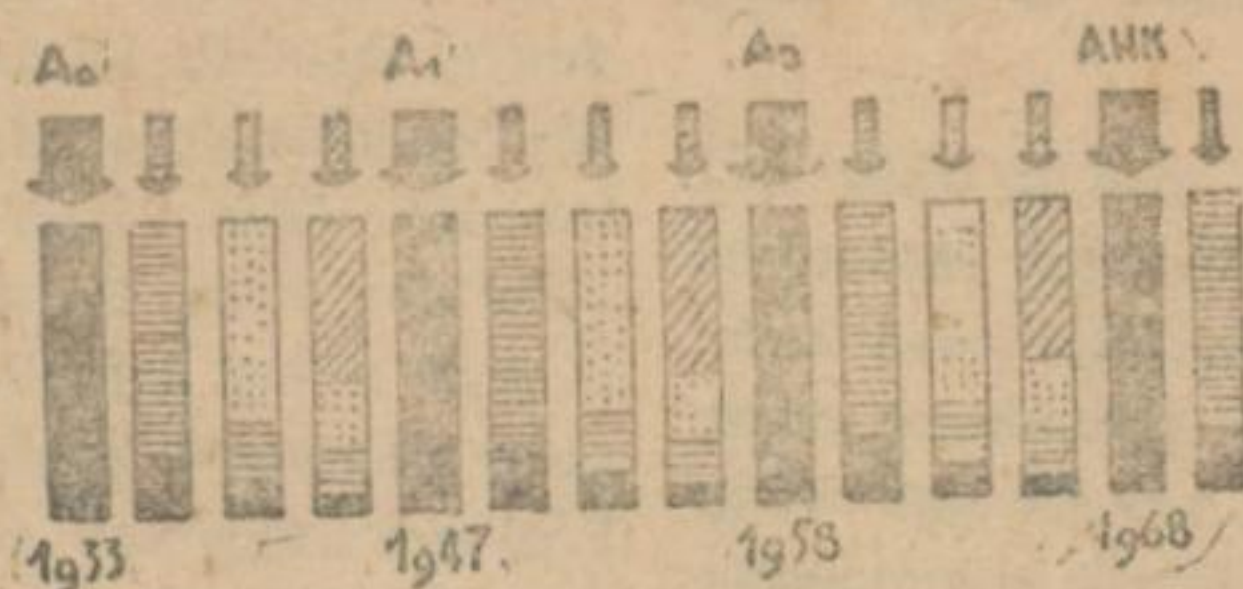
Gia tốc tiến triển cực trùng.

Mạnh với kiến thức này, các khảo cứu viên lấy một loại cực trùng bệnh cúm Hồng-kông, cho đặt vào những kháng thể đặc biệt và gây ra được 60 loại cực trùng mới, sắp hạng thành 6 nhóm (mỗi một acide aminé bị thay thế thì khởi đầu một nhóm). Dựa theo thiên nhiên, người ta chọn một trong 6 nhóm kia và thúc đẩy tiến triển cho đến lúc đạt được cực trùng « ổn định ». Như vậy người ta đã nhân tạo gây ra được một dãy cực trùng sắp theo thứ tự phức tạp so với thời gian. Sau này, trong thiên nhiên, khi giống cực trùng England 42/72 từ cực trùng Hồng-kông ngẫu biến ra được thức biệt, các nhà sinh vật học ở Viện Pasteur rất vui mừng thấy đó là giống 29C mà họ đã đạt được ở phòng thí nghiệm một

năm trước. Như vậy nghĩa là con đường khảo cứu họ theo dõi đi đúng với con đường ngoài thiên nhiên. Biết bao phần khởi ! Loại cực trùng « ổn định » đạt được, họ đặt tên là 30C, ắt phải là loại cực trùng mà thiên nhiên sẽ đưa lại khoảng 1977-1978. Loại cực trùng này tất nhiên được dùng để làm thuốc chủng trị bệnh cúm từ đây cho đến 1978.

Để chứng minh một cách thiết thực khám phá này, một cuộc thử thuốc chủng đã được thực hiện ở bên Úc châu. Một khảo cứu viên ở bên ấy, ông Fazeka de Saint-Groth, đã từng cộng tác với Viện Pasteur ở Paris, cho chế tạo hai loại thuốc chủng từ hai loại cực trùng 29C và 30C. Cho thử lên chuột, ông thấy thuốc chủng 30C trừ khử được mọi cực trùng còn thuốc chủng 29C thì bất lực trước cực trùng 30C. Đăng khác ở một bệnh viện ở thành phố Rennes ở Pháp, đem thuốc chủng mới cho tiêm vào 150 cụ già, người ta nhận thấy họ chịu đựng dễ dàng, đồng thời kháng thể tăng lên 80%.

Như vậy, ta được phòng ngừa chống bệnh cúm cho đến năm 1978. Sau đó thì sao ? Các khảo cứu viên phải đợi một cực trùng mới xuất hiện (như từng luôn từ Á đông qua, như người ta đã nhận thấy từ thời thượng cổ), cho phát khởi một loại cực trùng mới để tìm cho được cực trùng « ổn định », căn bản của thuốc chủng tương lai được dùng cho đến hết chu kỳ thay đổi của cực trùng.



Tiến triển của cực trùng

Cứ mười, mười lăm năm thì một cực trùng mới ngẫu biến hiện ra, có những đặc tính di truyền hoàn toàn khác hẳn những cực trùng trước cho nên cơ thể không biết kháng cự. Trong hai loại cực trùng A và B, loại A nguy hiểm nhất, chính chúng đã gây nên những cơn dịch. Người ta đã theo dõi được biến chuyển của cực trùng A₀ (năm 1933) qua các cực trùng A₁ (1947) A₂ (1958), A Hồng Kông (1968) ... Giữa hai ngẫu biến, cực trùng tuần tự thay hình biến thể, mỗi lần thay thế một acide aminé trong cơ thể của nó và mỗi lần lại làm cho kháng thể của ta hết còn hiệu lực đề phòng.

Nhưng đừng tưởng cuộc khảo cứu đến đây là hết còn mới lạ. Các khảo cứu viên còn phải tìm cho ra nguyên do cuộc ngẫu biến kia. Theo hai nhà khảo cứu người Áo, Laver và Wabster thì sự hỗn hợp các vật liệu di tính của cực trùng con người và cực trùng thú vật nơi các bộ lạc ở các đồng cỏ khirgize, nơi mà điều kiện sinh sống rất thiếu vệ sinh, có thể là nguyên do kia. Vậy còn phải khảo sát tại chỗ. Dù sao, trừ diệt bệnh cúm là một việc cần kíp. Ai cũng còn nhớ cơn dịch

năm 1918-1919 đã giết hơn hai mươi triệu người trên thế giới. Ngày nay mỗi lần một cơn dịch lướt qua là một thiệt hại lớn. Về mặt kinh tế, bên Hoa-kỳ, riêng năm 1968-1969, người ta tính đã mất 4600 triệu Mỹ kim và 35 triệu nhật công. Và ở Bách Khoa bệnh cúm cũng cần được diệt trị nhanh chóng cho anh Chủ Trương mau lại bình phục để phục vụ văn hóa.

VÕ QUANG YẾN

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nới : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Truong-muc Bưu-chiến SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUAN

Di-truyền, mật-mã và ám hiệu

L.T.S.— Trong loạt bài " Khoa-học thực-nghiệm và y-lý cổ-truyền " đăng trên hai số Bách-Khoa 397 và 398 gần đây, tác-giả Kim-Dịch đã trình-bầy sự liên-hệ giữa một bên là những học-thuyết âm-dương, bát-quái trong y-lý cổ-truyền và một bên là các ý-niệm codon, anticodon của y-học hiện-đại. Tác-giả đã nói đến các con số 2 trong âm dương, 3 trong mỗi quẻ (có ba hào), 64 trong bát quái...

Bài sau đây của Bác sĩ Trần Văn Tích khi đề cập đến môn di-truyền-học tân tiến cũng nhắc tới các ý-niệm codon, anticodon và các số 2 (cặp bazơ-azôt), 3 (nhóm 3 bazơ trong mỗi codon), và 64 (64 loại codon)... nên Ban Chủ trương Bách-Khoa cố ý nhấn mạnh vào các con số này trong bài đề lưu ý bạn đọc.

Được đăng ký vào chương-trình chính-thức đào-tạo y-sĩ của các quốc-gia tiên-tiến chưa đến mười năm, môn di-truyền-học y-khoa đến nay đã tiến được những bước dài. Phần lớn các y-sĩ hiện đang hành nghề ở Pháp chẳng hạn, nhất là những y-sĩ trình luận-án trước năm 1960, đã không được trang-bị những vốn liếng tri-thức mới-mẻ ấy. Di-truyền-học đối với họ là một giang-sơn kỳ-bí ở đây, như những hồn ma bóng quế, xuất-hiện loạn xạ, mông lung, huyền ảo những đám ruồi giấm, lúc-nhúc và những mớ hạt đậu lộn-nhộn (1). Thuở ấy, đây là đất cấm của loài người. Đây là chuyên-khoa của một số người cò mò, chuồng lạ... Tuy vậy, lúc bấy giờ y-giới cũng đã biết đến nhiều bệnh-tật di-truyền, và đối với một số bệnh khác, thì tuy ngại-ngờ

bản-chất truyền tử lưu tôn, người ta vẫn thường ưa nhìn qua lăng-kính cơ-địa, thể-tạng hơn. Bởi đây là những từ rất tiện-lợi, vì lẽ chúng chẳng chỉ gì rõ-rệt cả: " cơ-địa đài đường ", " cơ-địa phong-thấp ", và lắm khi, có cả " cơ-địa ung-thư " nữa !

Cách-mạng bùng nổ khi y-giới quán-triệt được cơ-chế tổng-hợp các acid nuclêic và các prôtêin và gần

(1) Để khảo-sát các định-luật về di-truyền-học, giới nghiên-cứu dĩ-nhiên phải chọn đối-tượng là những sinh-vật, sinh-sản nhanh chóng và phong-phú, đồng thời, có đời sống tương-đối ngắn. Vì vậy, trong thế-giới động-vật, loài ruồi giấm rất được ưa chuộng và trong thế-giới thực-vật, người ta thường nhờ đến những cây đậu " petit pois ". Nhưng hiện nay, giới sinh-học chọn một tập-thể lý-tưởng hơn nữa : vi-tang.

như đồng một lúc, người ta phát-giác ra phương-thức tác-dụng của các gen, tức là các yếu-tố di-truyền, người ta bắt đầu thấu hiểu cơ-cấu của các diều tố. Kết-quả là người y-sĩ mỗi ngày phải tiêu hóa thêm một số danh-từ xa lạ, quái đản : 21-hydroxylase, glucose-6-phosphate-déshydrogénase... Kết-quả là bộ môn tế-bào-di-truyền-học được khai sinh. Nhưng nhất là những chuyên-khoa đã sẵn có như huyết-học, ung-thư-học, miễn-nhiễm-học v.v.. bị đặt trước những dữ kiện mới-mẻ, đe dọa lật đổ những nền-móng căn-bản của chúng.

Hiện nay, di-truyền-học y-khoa được giảng-dạy cho các sinh-viên năm thứ hai học-kỳ II ở Pháp, trong khuôn-kho các khoa học sinh-lâm-sàng, bao gồm những môn cơ-thể bệnh-lý, vi-sinh-học, ký-sinh-học, ký-sinh-trùng-học, dược-học và di-truyền-học.

oOo

Đây là một con colibacille, một con vi-trùng ưa sinh-sản trên một môi-trường ngọt. Tính hảo ngọt ấy là do cấu trúc của các prôtêin trong chất sống của con colibacille. Để cho dễ hiểu hơn, chúng ta có thể lấy ví-dụ chẳng hạn ngôi chùa một cột thân yêu mà lối kiến trúc độc-đáo ai cũng biết. Mới đây, ở Thủ-đức, chúng ta có xây một ngôi chùa một cột "di-cư". Sự sắp-xếp của các cột, kèo, sự phối-trí giữa các đường cong của mái, của nóc đã tuân theo một quy-luật nhất-định : có như vậy, ta mới

có được hai cảnh chùa một cột, nhưng giống hệt nhau. Quy-luật kiến-trúc ấy áp-dụng vào chất sống gọi là mật-mã di-truyền. Những người kiến-trúc-sư có phận-sự theo đúng mật-mã để xây chất sống là các acid nucléic. Giới nghiên-cứu đã phăng ra được mật-mã của các acid nucléic trong con colibacille đã có thể thay-đổi được hệ-thống mật mã ấy, tức là thay-đổi được cấu-trúc các prôtêin của nó, khiến con vi-trùng trở nên hảo ngọt nhiều hay ít đối với một thứ đường nào đấy, chẳng hạn.

Prôtêin là những phần-tử tổ-thành căn-bản của chất sống. Prôtêin do những acid amin kết-hợp tạo nên. Nhưng những acid amin cấu-tạo nên các prôtêin được sắp xếp theo một thứ-tự bất-biến, tiền-định. Cương-lĩnh sắp xếp các acid amin trong cấu-trúc prôtêin bị chi-phối bởi thứ tự kế-tiếp của các bazơ azôt trên những dải dài acid đêsoxyrribônuc-lêic (ADN) nằm trong các nhân tế-bào, và nhất là trong các nhiễm-thể.

Để cho sáng-sủa hơn, chúng ta cần nhắc lại rất sơ-lược một vài ý-niệm tế-bào-học. Cơ thể con người do những tế-bào kết-hợp tạo thành, trong các tế-bào có nhân và trong nhân có những thành-phần quan-trọng mệnh-danh là nhiễm-thể.

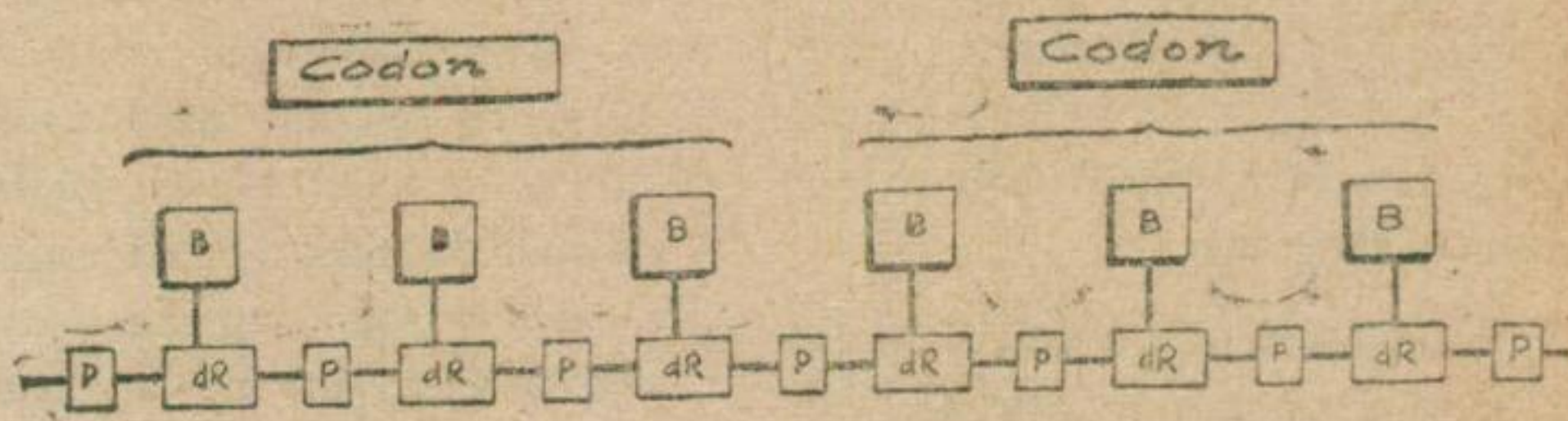
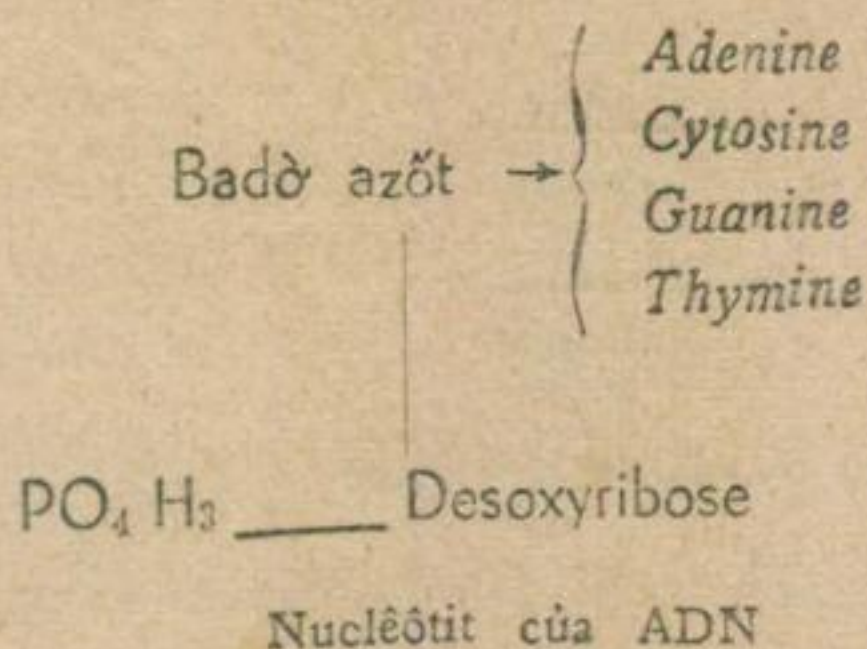
Quan-sát các nhiễm-thể qua kính hiển-vi điện-tử, người ta thấy những sợi rất nhỏ, do các acid nucléic tạo nên, chủ-yếu là ADN. ADN là một phức-hợp do những

Yếu-tố đơn-giản tạo thành, các nucleôtit. Chính các nucleôtit lại do sự phối-hợp của một acid, một ôzơ và một bazơ azôt tạo nên.

Acid ở đây luôn luôn là acid phốt-phoric.

Ôzơ là một glucôzơ, désoxyribose.

Bazơ azốt là một trong bốn bazơ sau đây — và chỉ có bốn bazơ ấy mà thôi — : hoặc *adénine*, hoặc *cytosine*, hoặc *guanine*, hoặc *thymine*.



Cấu-trúc theo đường thẳng của ADN và ý-niệm Codon (1)

Vậy ta có bốn bazơ azôt, sắp xếp theo từng nhóm ba bazơ trong mỗi codon. Toán học chứng minh rằng sự phối-hợp, trong những điều-kiện như vậy, cho sáu mươi bốn lời giải, nghĩa là ta có thể có sáu mươi bốn loại codon, trong khi số acid amin trong chất sống chỉ có hai mươi. Chất sống phải lựa chọn, như ta sẽ thấy sau.

Các nuclêôtit liên-kết với nhau như những mắt xích, và tập hợp lại làm thành những phân tử acid nucleic. Như vậy mỗi một phân tử là một chuỗi dài những nuclêôtit trên đó ta thấy lôm chôm hằng trăm triệu bazơ azôt. Chính thứ-tự sắp xếp các bazơ azôt ấy tạo thành hệ-thống truyền tin di-truyền. Chẳng hạn, các bazơ azôt sắp theo một lẽ-lối nào đấy thì đưa trẻ sơ-sinh mắt xanh, theo một phương-thức khác thì đưa trẻ sơ-sinh mắt nâu, theo một thứ-tự khác nữa, thì đưa trẻ cận-thị, nếu sắp xếp hỗn-loạn thì đưa trẻ tật-nguyên về mắt v.v... (Thực ra thì vấn đề rắc rối hơn, nhưng chúng ta tạm giản-lược như vậy cho dễ hiểu).

Hệ-thống truyền tin ấy có những đơn-vị truyền-tin, mỗi đơn-vị gồm ba bazơ azôt, mà trong thuật-ngữ y-khoa người ta gọi là *codon* :

Mặc khác, ta biết rằng ADN là một dải dài, nhưng không phải thẳng băng, mà xoắn theo hình tròn ốc. Hơn nữa, đây là một vòng tròn ốc đôi, nghĩa là có đến hai băng dài, hai băng dài ấy xoắn quít vào nhau.

Thiên-nhiên không phải đã vô tình
mà cho hai băng ADN quấn vào

(1) B : bazò azòt ; P : acid phòtphôníc ;
dR : désoxyribose.



Vòng tròn ốc đôi của ADN và sự sắp xếp các bazơ.

nhau, bởi thực ra thì giữa hai băng ấy có những cầu *hydro*. Những nhịp cầu ô-thước này có nhiệm-vụ bắc mối liên - hệ tri-âm cho hai bazơ tương-đồng của hai băng ADN. Tuy nhiên các nhịp cầu thông-cảm ấy, trong trường-hợp các ADN, chỉ có thể thiết-lập giữa hai cặp bazơ azôt, và chỉ giữa hai cặp ấy mà thôi. Cặp thứ nhất là adénine-thymine, cặp thứ hai là guanine-cytosine.

Cầu Hydro

Adénine	.	.	.	.	.	.	.	Thymine
Guanine	.	.	.	.	.	.	.	Cytosine

Bốn bazơ azôt sắp thành 2 cặp nối với nhau do những cầu hydro

Đề cho dễ hiểu, ta có thể quan niệm rằng mỗi cuộn băng ADN, trên các vòng xoáy tròn ốc của nó, mang tất-cả hệ-thống truyền-tin di-truyền nhưng cuộn băng này là “âm bản” của cuộn băng kia.

Vậy thì ADN và mật-mã di-truyền trú đóng trong các nhĩm-thể, tức là trong nhân tế-bào. Nhưng sự tổng-hợp các prôtêin thì lại tiến-hành trong tế-bào-chất, tức là ở bên ngoài nhân. Có một người *phụ trạm* được ủy-thác mang bản tin từ nhân ra tế-bào-chất, mà chân-đúng, đã được Jacob và Monod mô-tả rõ-ràng. Đây, là một acid ribonucleic (ARN), được đặt tên là ARN sứ giả (ARN do từ ARN messenger). ARN sứ giả là một loại phân tử trung gian giữa ADN và prôtêin.

nhĩm-thể, và vì vậy, ARN sứ-giã, cũng mang trên thân-xác mình trọn khối mật-mã di-truyền như ADN. Sự trao hõn đôi xác giữa ARN và ADN—gọi là sự *chuyển-tổ* ARN-ADN—diễn-biến theo một tiến-trình rất phức-tạp, nhưng cũng rất ly-kỳ, mà chúng tôi không thể mô-tả thêm chi tiết.

Nhưng ai đọc các bức mật-điện truyền-tin? Chúng ta hãy quay trở lại với các cuộn băng ADN mà như ta đã biết, trên những cuộn băng ấy có ghi một số bản tin di-truyền. Trong các máy phát âm, các băng nhạc—nhạc trẻ, nhạc già, nhạc thanh. Thúy, nhạc *Saxorguns*—phải chạy qua một bộ-phần gọi là “cát cát”. Chính cái đầu ấy là bộ-phần “đọc”

băng nhựa, khiến phát ra lời ca điệu nhạc. Trong tế-bào, cái đầu liên-hệ được gọi tên là *ribosome*, và một thành-phần cấu-trúc của tế-bào-chất, mà chúng ta có thể nhìn thấy được qua kính hiển-vi điện-tử.

Ngoài ra, nếu các bazơ azôt của hai băng ADN luôn luôn được những nhịp cầu hydrô kết nối, thì cũng có một số nhỏ những bazơ azôt tự-do, không bị Nguyệt-lão hydrô buộc chỉ xích-thằng. Những bazơ độc-thân ấy, kết hợp thành từng nhóm ba bazơ — như ba nucleôtit trong codon — tạo thành một cấu-trúc đặc-biệt có tên là *anticodon*. Tương-đương với mỗi *anticodon* ấy — *anticodon* luôn luôn nằm nơi vùng

cực của một băng ARN — có một trong số hai mươi acid amin, và chỉ một acid amin mà thôi. Acid amin này nằm trên cực đối-xứng của phân tử prôtêin.

Codon, anticodon giữ những vai-trò tối-yếu trong di-truyền-học. Ngoài ra, cũng có những hiện-tượng phức-tạp hơn nữa, như khuếch-đại mật-điện (giống như ta dùng «ampli»), như cistron, như operon, và cũng có những trường-hợp bệnh-lý, khiến mật-điện bị diễn-dịch nhầm hay không diễn-dịch được v.v...

...2

Kỳ tới: Áp-dụng vào thực tiễn Y-học hiện-đại.

TRẦN VĂN TÍCH

thuốc ho viên

Pectal FORT

trị các chứng **HO**



ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm-suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Nhà SÙNG CHÍNH, HUẾ vừa phát hành
1000 ấn bản đặt biệt

NGHIÊN CỨU VIỆT NAM

Niên san 1973. tập I

Niên san nghiên cứu văn minh Việt Nam qua
nhiều khía cạnh sử học, địa lý học, dân tộc học,
giáo dục, khoa học, văn chương...

- với một hình thức sang trọng
- với một nội dung súc tích
- xứng đáng được lưu giữ trong tủ sách
gia đình quý vị

Gồm các tác phẩm nghiên cứu của: Nguyễn thể
Anh, Nguyễn hữu Đính, Nguyễn văn Hai, Nguyễn
hữu Châu Phan, Nguyễn Phương, Nguyễn Toại,
P. J. Honey, Phạm cao Dương, Phan thuận An,
Sơn hồng Đức, Tạ chí Đại Trường, Tôn thất
Hanh, Trần anh Tuấn, Trần đức Tường, Trương
ngọc Phú, Vũ Khánh.

Chủ biên: NGUYỄN HỮU CHÂU PHAN

Nhà xuất bản Sùng Chính

8 bis Nguyễn Huệ — Huế

hay 68/12 Trần quang Khải (Đakao) — Saigon I

Đàm thoại với nhà văn **VÕ LONG-TÊ** về Hội-nghị Quốc-tế các nhà Đông- phương-học lần thứ 29 tại Paris



Võ-Long-Tê dưới mắt Họa sĩ Tạ-Tỵ
phần mới nhất : *L'expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn-Mạc Tử* (1972).

Ngoài ra ông còn là : Thông-tin hội viên Trung-tâm Văn-hóa Arthur Rimbaud (Pháp), ở trong Ban Trị-sự Hội Nghiên cứu Trung-Ấn (Saigon), Ban Trị sự Phong trào Trí thức Công giáo V.N. thuộc Pax Romana. Ông đã tham dự nhiều hội nghị Quốc tế.

— **BÁCH KHOA**: Do bài sinh-hoạt văn học của anh Trần-Công-Sung, ở Paris gửi về đề cập đến « Hội nghị Quốc-tế các nhà Đông-phương-học » lần thứ 29 ở Paris, phần đông độc giả Bách-Khoa mới biết có Hội-nghị này và có anh tham dự. Nhân gặp anh hôm nay, xin anh vui lòng cho biết thêm chi tiết về hội nghị nói trên.

Ông Võ Long-Tê sinh ngày 28-6-1927 ở Phồ-đông (Thừa Thiên) đã làm các công việc : Dạy học, viết văn, viết báo, dịch sách.

Nguyên Giáo sư Trường Trung học Khải-Định Huế, 8 năm ở quân đội, 2 năm ở Tòa Đại sứ Việt-nam Cộng-hòa tại Paris.

Hiện là Tổng Thư-ký Ủy-ban Dịch-thuật, Bộ Văn-hóa Giáo-dục và Thanh niên.

Giáo-sư Thâm-mỹ-học Trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật Saigon.

Đã xuất bản trên 10 tác phẩm (Việt và Pháp văn) : tác phẩm đầu tiên : *Việt văn độc bản* (1950) tác

Trước hết chắc anh đã đọc qua bài nói trên đây ?

— **VÕ LONG TÊ** : Tôi có được đọc bài của anh Trần công Sung trên Bách-Khoa

— Chúng tôi biết có một vài vị được mời mà không đi dự được hội-nghị này như các Giáo-sư Nghiêm

Thăm, Đỗ Trọng Huề v.v... Anh tham dự được Hội nghị chắc vì anh là đại biểu chính thức?

— Tất cả các tham-dự-viên, thỉnh giả hay diễn-giả, đều tham-dự với tư-cách cá-nhân. Trường-hợp tôi cũng thế. Có lẽ anh Trần Công Sung biết tôi là Công-cán Ủy-viên Bộ Văn hóa Giáo-dục và Thanh-niên nên ngộ-nhận tôi là đại-diện chính-thức của Bộ này tại Hội-nghị. Thời-gian liền trước Hội-nghị này, tôi và anh Nguyễn Ngọc Bích là đại-diện chính thức trong phái-đoàn nước ta tham dự Hội-nghị « Ủy-ban Chuyên-viên Chính-phủ kỳ 3 về các vấn-đề tác-quyền và bảo-vệ các nghệ-sĩ diễn-viên, các nhà sản-xuất ký-thanh-độ và các cơ-quan vô-tuyến truyền-thanh sử dụng hệ-thống vệ-tinh viễn-thông » do UNESCO và OMPI triệu-tập tại Nairobi (Kenya) từ 2 đến 11.7.73. Từ Nairobi tôi đến Paris tham-dự Hội-nghị Đông-phương-học với tư-cách cá-nhân, nhưng với sự chấp-thuận của Phủ Thủ Tướng chiếu đề nghị của Bộ Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên và được Khối Văn-hóa Bộ này đài-tho các phí-khoản. Tôi đã làm đơn xin, nêu rõ tầm quan-trọng của Đông-phương-học đối với công cuộc bảo-tồn và phát-huy văn-hóa dân-tộc. Kèm theo đơn xin có các bài thuyết-trình của tôi dự định đóng góp vào sinh-hoạt của Hội-nghị. Ông Đỗ văn Rỡ, phụ-tá Đặc-biệt đặc-trách Văn-hóa và ông Ngô Khắc Tinh, Tổng-trưởng Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên đã cứu xét đơn xin của tôi với hảo-ý theo chủ-trương

thiết-thực giúp-đỡ các hoạt-động văn-hóa của tư-nhân. Hai ông cũng không hề đòi hỏi tôi phải sửa chữa gì về nội dung các bài thuyết trình của tôi cả. Ban Tồ-chức chỉ mời tư-nhân tham-dự Hội-nghị, chứ không xin các quốc-gia cử đại-diện tham-dự.

— Anh có biết Ban Tồ-chức dựa theo tiêu chuẩn nào để mời các tham dự viên không? Và tại V.N.C.H. những vị nào đã được mời tham dự?

— Theo tôi phỏng đoán thì họ mời những ai mà họ có thể biết là chuyên về Đông-phương học. Trong ban Tồ chức có những học giả chuyên trách về từng bộ-môn hay biệt-môn Đông-phương-học tôi xin kể theo trí nhớ: Á-thuật-học, Ai-cập học, Xê-mít học, Đông-phương Ky-tô-giáo, Hy-bá-lai-học, Ả-rập và Hồi-giáo-học, Ba-tư học, Trung-Á và Thượng-Á học với các biệt-môn Văn-minh cổ-đại Trung-Á, Mông-cổ học, Tây-tạng học, Thồ-nbĩ-kỳ học, Ấn-độ học với các biệt môn Ấn-độ cổ-đại, Ấn-độ hiện-đại. Đông-Nam-Á học với các biệt môn Đông-Nam-Á đại-lục và Đông-Nam-Á hải đảo, Hán học với các biệt môn Trung-hoa cổ-điển, Trung-hoa hiện-đại, Nhật-bản và Cao-ly học, ngoài ra còn có Thư-viện học, Thư-tịch học.

Nước ta nằm trong lãnh vực của Đông-Nam-Á đại lục. Học giả phụ trách biệt môn này là Giáo sư P.B. Lafont, Trường Cao học Thực tập (Ban IV) Đại học Sorbonne. Theo sự giới thiệu của Giáo sư Lafont, Ban Tồ chức đã mời một số học-giả ở

nước ta, theo tôi biết là quý anh Nghiêm Thâm, Đỗ Trọng Huề, Phạm Cao Dương, Nguyễn Thế Anh, Đỗ Văn Anh... Vì lý do ngân khoản, chỉ có tôi và anh Nguyễn Thế Anh phó hội. Tôi được mời vì ngoài một số công-trình bằng Việt-văn, thỉnh thoảng tôi công-bố những công-trình nghiên-cứu bằng Pháp-văn trên các tạp-chí có tầm phổ-biến quốc-tế. Ngoài ra tôi còn là thông-tin hội-viên của Trung tâm Văn hóa Arthur Rimbaud tại Pháp, hội-viên Hội Nghiên-cứu Trung-Ấn ở Sài-gòn, Tổng-Thư-ký Ủy-ban Dịch-thuật, hội-viên Phong-trào Trí-Thức Công-giáo Pax Romana. Như anh thấy, Ban Tổ-chức chưa biết đến khá nhiều học-giả danh tiếng ở nước ta.

— Trong bài Sinh-hoạt anh Trần Công Sung cho biết Hội nghị qui tụ gần 4.000 chuyên viên; Số tham dự viên đông đảo như vậy có trở ngại gì cho sinh hoạt của Hội-nghị không?

— Con số gần 4.000 tham dự viên là một ước tính đúng như Ban Tổ-chức công bố. Tuy nhiên tuần báo Pháp "Le Nouvel Observateur" lại đưa ra con số 3.000, và Việt Tấn xã lại làm số đó trụt xuống còn 1.000! Chỉ biết rằng, theo Ban Tổ chức thì đã có 172 tham dự viên ghi danh và có mặt trong các phiên nhóm riêng về các vấn đề liên quan đến Việt-nam, bộ môn Đông-Nam-Á!

Với số tham dự viên đông đảo như vậy Ban Tổ chức phải cậy hăng du lịch Havas phụ trách việc tiếp đón, nên cũng nhẹ bớt công việc phần nào. Ai chuyên về bộ môn nào,

biết môn nào thì tùy-nghĩ vào họp tại các giảng-đường liên-hệ. Tất cả các giảng đường của Sorbonne và Pháp-quốc, học viên đều được sử dụng. Ngoài những buổi thuyết trình do các diễn giả tự do chọn đề tài sở-trường đề công-bố những phát kiến mới, còn có những buổi hội thảo và hội-học. Riêng về hội thảo và hội học thì Ban Tổ-chức định đề-tài và liên lạc từ trước với những học giả đề họ nhận lời đặt vấn đề.

— Anh Trần Công Sung có nhận xét sơ lược về một số bài thuyết trình, tham luận của các diễn giả Việt-nam tham dự hội nghị. Anh là người đã tham dự từ ngày đầu đến ngày chót và đã thuyết trình, vậy anh thấy có điều gì cần bổ túc vào bài tường thuật của anh Sung trên Bách-Khoa cho độc giả của chúng tôi có được những nhận định đầy đủ hơn về Hội-nghị không?

— Theo tôi thì anh Trần Công Sung đã phê phán hơi nghiêm khắc đối với bài nói về Thơ V.N. của ông Nguyễn Tiến Lãng và bài nói về Tiểu thuyết V.N. của bác sĩ Nguyễn Trần Huân vì hai vị ấy không thuyết trình mà chỉ đặt vấn đề trong khuôn khổ một cuộc hội thảo về Văn-học Việt-nam hiện đại. Theo tôi ông Nguyễn Tiến Lãng đã có kỳ-công trình bày trong phạm vi nửa giờ lịch sử thơ Việt và nêu đặc điểm từng thời kỳ và các thi sĩ tiêu biểu. Trong bài của ông Nguyễn Trần Huân, tôi nhận thấy ít ra có hai đóng góp đặc sắc: một là ông nêu vấn đề tìm kiếm cuốn tiểu thuyết Việt-nam đầu tiên viết theo kỹ thuật tiểu thuyết



Từ trái qua mặt : Bà Quách Thanh Tâm, Ô. Langlet, Ô. Võ Long Tê, Ô. Tô Văn Quế (nhân viên phái đoàn V.N. cạnh UNESCO).

Tây phương, và đó là cuốn *Trần Đại-Lang*, viết hay in bằng chữ Nôm năm 1872 và được dịch ra Pháp-văn đăng trên *Revue Indochinoise* năm 1905 ; hai là ông thương xác về vấn đề ấn định thời điểm phát triển tiểu thuyết : Trong lúc phần đông các học giả chọn năm 1932 với cuốn *Hồn bướm mơ tiên*, ông chọn năm 1930 với những lý do đã trình bày trong tác phẩm *Introduction à la littérature vietnamienne* do ông hợp soạn với cố giáo sư Maurice Durand. Điều đáng tiếc là vì thiếu thì giờ nên Ban Tổ chức cáo lỗi không mở cuộc thảo luận về các vấn đề được nêu ra.

— Còn những bài thuyết trình của các diễn giả Việt-nam khác ?

— Với bài « Một nền văn-minh giảng dạy trong 47 điều », anh Trần Thanh Hiệp đã đưa ra một chuyên khảo đặc sắc về 47 điều giáo huấn của Lê Huyền Tông (1662-1671). Còn anh

Trần Văn Khê thật sự đã làm thính giả thích thú khi nêu những nét đặc thù của Hát bội Việt-nam so sánh với hát bội Trung-hoa. Những lời khen ngợi thiết tưởng cũng nên dành cho các bài thuyết trình khác : Bài « Sự tiến-triển của môi-trường nhân-sinh Việt-nam » của nhà địa-lý-học Quách Thanh Tâm, nêu một cách xác đáng sự vươn mình của nước ta từ truyền-thống nông-nghiệp đến giai đoạn sơ khai của một cuộc canh tân; bài « Vai-trò của người chết trong sự hình-thành tinh-thần quốc-gia Việt-Nam » của Lm. Nguyễn Hữu Đăng do một tham-dự-viên đọc thay đã nhấn mạnh đến sự sùng kính thần thánh truyền kỳ và anh-hùng lịch sử ; bài « Vai trò Châu-bản trong việc nghiên-cứu lịch sử Việt-Nam » của Giáo-sư Nguyễn Thế Anh, (đến trễ nên do một vị khác đọc thay) đã có những phát-kiến quan trọng.

— Còn về các bài thuyết-trình của anh ?

— Xin anh ghi giúp, tôi rất cảm ơn anh Trần Công Sung đã có lời khen. Tôi biết nói gì thêm mà khỏi mang tiếng thiếu đức khiêm-cung. Sáng 19-7-73 tại giảng-đường Đại-học-viện Paris II, tôi thuyết-trình về « Những thoại cũ và mới của một huyền-truyện suy-nguyên-luận Việt-Nam : Núi Vọng-Phu ». Dựa vào văn-liệu khả tín ký-chú huyền-truyện và dùng các phương-pháp phân-tích, đối-chiếu và tổng-hợp, tôi đã theo dõi huyền-truyện này trải qua các giai-đoạn khai-sinh, hình-thành, biến-chuyển trong sự sáng-tạo của giới bình dân, trong nỗ-lực san-định của các học giả và trong các sáng tạo thành văn. Phân-biệt phần chịu ảnh-hưởng của ngoại-quốc với phần sáng-tạo đặc-thù của dân tộc, tôi đã gắn liền huyền-truyện này với cuộc tranh đấu giành độc-lập và cuộc Nam-tiến, khởi - nguyên từ thoại do Nguyễn Trãi đã chép trong *Dư địa chí* trải qua hơn hai mươi thoại khác cho đến thoại của anh Lê Thương trong ca khúc *Hòn Vọng Phu*. Trường hợp huyền-thoại ký-thác được tình-tự tự-tưởng của nhiều thế-hệ như huyền thoại « Núi Vọng Phu » cũng là trường-hợp của nhiều huyền-thoại khác, chưa được nghiên - cứu đầy đủ.

— Bài thuyết-trình của anh có gây phản ứng gì không ?

— Bà Langlet, Giáo-sư Địa-lý, nêu trường-hợp một sơn-danh mà tôi chưa đề-cập. Một học-giả khác nêu giả-thuyết có thể huyền-truyện này phổ-biến từ Nam ra Bắc nhưng

nhận thấy luận-cứ của tôi, dựa trên những chứng-từ khả tín chưa có thể đánh đổ được. Cuộc thảo-luận khá sôi nổi. Cuối cùng vị chủ-tọa phiên họp, giáo-sư Paul Levy, Cựu Giám-đốc Trường Viễn-Đông bác cổ, nói rộng vấn đề trong lãnh-vực lịch-sử tôn-giáo đề-cập đến ý-nghĩa của sự hóa đá, được ghi nhận trong Cựu-Uớc.

— Còn bài thuyết-trình thứ hai của anh.

— Chiều 20-7-73, tại giảng đường Đại-học-viện Paris I, tôi thuyết-trình về « Việc xuất-bản văn-phẩm Việt-Nam cổ tại Việt-Nam Cộng-hòa ». Thay vì nêu một danh-sách khô-khan, tôi trình-bày nỗ-lực của các nhà xuất-bản tư-nhân và cơ-quan công-quyền cũng như phương-pháp dịch-thuật và chú-giải xuyên qua một số dịch-phẩm tiêu-biểu. Điều đáng chú ý là phần lớn dịch-phẩm in ở Việt-Nam Cộng-hòa và toàn-thể sách của Ủy-Ban Dịch-thuật đều có nguyên-tác. Tôi có nêu sự phát-giác của anh Nguyễn Văn Xuân với cuốn *Chinh-phụ ngâm diễm âm tân khúc* như là văn-chứng xác nhận thuyết của Giáo-sư Hoàng Xuân Hãn trong *Chinh-phụ ngâm bị-khảo*. Như anh biết, dịch-phẩm không thể thay thế chính-văn. Sau khi tôi thuyết-trình có thỉnh giả tham phiên về sự kiện ở Bắc Việt sách dịch không kèm theo nguyên tác và có những chú-giải theo chủ kiến riêng. Theo tôi thấy, học giả ngoại quốc theo dõi việc xuất bản sách cổ ở nước ta và họ đã tìm cách mua để khai dụng

sách in ở Sài Gòn trong việc nghiên cứu.

— Anh có theo dõi những bài thuyết trình của các diễn giả khác không?

— Có chứ, đây là một công việc bổ ích. Nhưng tôi chỉ có thì giờ theo dõi những buổi thuyết trình, hội thảo liên quan đến Việt học mà thôi.

Bà Nicole Louis chuyên khảo về Phan Kế Bính đã nói về « Tư tưởng chính trị của Phan Kế Bính ». Tôi có tham gia ý kiến nên tìm thêm liên hệ của Phan Kế Bính đối với Phong trào Đông Kinh Nghĩa thực, vì Phan Kế Bính cộng tác với Nguyễn văn Vĩnh trên Đông dương tạp chí và một thời Nguyễn văn Vĩnh đã tham gia Phong trào Đông Kinh Nghĩa - thực. Tôi cũng xin diễn - giả lưu ý đến việc so sánh những tư tưởng canh-tân của Phan Kế Bính qua Việt-Nam phong-tục với chủ-trương canh-tân của Tự-lực Văn đoàn sau này. Nhân việc bà than phiền ở Paris không có đủ Đông-dương tạp chí, tôi cho biết Thư-viện Quốc-gia có đủ bộ và nay mai diễn - giả sẽ đến Sài-gòn để tham-khảo. Đâu có phải là tất cả tài-liệu Việt-học đều tập-trung ở Paris.

Ông Charles Fourniau có nói về : « Một hạng người điển-hình lịch sử chống đối cuộc chinh-phục thực-dân : nhà nho kháng chiến «Việt-Nam» Diễn giả theo nhãn quan xã-hội-học phân-tích hai hạng nho-sĩ : hiền nho

và ần-nho đã tham-gia các phong-trào Cần vương và Văn-thân và nhận xét người ky-tô-giáo thử thời đứng ra ngoài quốc-gia. Trong phần thảo luận, tôi đã dựa trên sử-liệu để nhận xét rằng sự phân loại của diễn-giả còn thiếu sót vì không đề cập đến hạng nho-sĩ ky-tô-giáo như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Đức Tuấn... là những người sống trọn vẹn cho tổ quốc và đức tin. Do đó quả quyết rằng ky-tô-hữu đứng ra ngoài quốc-gia lúc bấy giờ là một ngộ-nhận thiếu căn bản lịch-sử. Luật-sư Trần thanh Hiệp góp ý-kiến nên xét thêm sự đối kháng của nho-sĩ trong khuôn khổ sự giao-tiếp hai nền văn-minh.

Anh Trần Công Sung có nhắc đến bài đặt vấn đề của Ông Dauphin về «Tiểu-thuyết ở Bắc Việt». Quả như anh Trần Công Sung đã nhận xét là «thật đáng tội nghiệp». Ông Dauphin đã phân-tích những tiểu-thuyết viết theo ý-thức-hệ Cộng-sản ở Bắc Việt và đã vô tình thú-nhận Mặt trận Giải-phóng Miền Nam lệ-thuộc Bắc-Việt khi đề cập đến tiểu-thuyết xuất-bản dưới dấu-hiệu của Mặt-trận.

Cũng vì thiếu thì giờ nên trong bài nói về ảnh-hưởng Phật-giáo trong văn-học Việt-Nam hiện đại, anh Võ Văn Ái tức thi-sĩ Thi-Vũ chỉ kịp nói về lịch-sử Phật-giáo ở Việt-Nam và nêu những nét đại-cương của ảnh-hưởng Phật-giáo trong văn-chương, chứ không thể đào sâu hơn nữa.

Về bài thuyết-trình của một giáo-sư quốc-tịch Úc gốc Việt (theo tiết-lộ của Ban Tổ-chức): Ông Nguyễn Diên (hay Điền, Điện ?) thì diễn giả đã làm thính giả thất vọng khi ông lẫn-lộn quan-niệm chính-trị với nghiên cứu văn hóa khách-quan. Anh Trần Công Sung cũng đã than phiền về điểm này. Sau khi diễn giả nói xong tôi đã lên tiếng phủ-nhận hoàn-toàn quan-điểm của ông là diễn-giả chưa đủ khách-quan và tài-liệu để trình bày về đề-tài này. Sự thật, những người mà diễn giả cho là lãnh-đạo phong-trào sinh-viên không phải là những sinh-viên thuần túy.

— Ngoài ra có những diễn-giả nào nói về Việt-nam nữa không?

— Tôi xin liệt-kê: Ông J. Pouvat-chy (Sự di dân Việt-Nam đến các nước Đông-Nan-Á (Căm-bốt, Lào, Thái), Ông W. W. Cage (Lịch-sử các thanh Việt) Ông Ph. Langlet (Hội Nghiên-cứu Trung-Ấn qua 90 năm hoạt-động), Ông Nara Vija (Hiện-tình thủ - bản Chăm tại thư - khố Trường Viễn - Đông Bác - cổ Pháp quốc), Ông Ch. Jacques (Tình-hình bi - ký Chăm), Lm . G. Moussay (Truyền-ký Pram Mudit Pram Mulak (Ramayana Chăm), Ông Ch. Nelet (Yếu-tố căn bản của tiếng Việt, Chiến-tranh Việt-Nam: Sự va chạm của hai nền văn-hóa, Bộ môn Việt-học: một khoa - học mới)... Và còn nhiều nữa, đợi khi Kỷ-yếu của Hội-nghị in xong, sẽ tặng anh đề tham cứu.

— Xuyên qua Hội-nghị, anh có ý-

nghĩ gì về hiện-tình và triển-vọng của Đông-phương-học không ?

— Phát sinh cách đây 100 năm ở Âu-châu, Đông - phương - học được xem không thể tách rời với một nền học nhân-bản. Danh-từ biểu-lộ tính chất Âu-châu tự-kỷ (européocentrisme), Đông-phương được hiểu đối-lập với Âu-châu. Theo lời của Giáo-sư Fillozat trong lễ khai mạc, đề cho phù - hợp với thực - trạng, từ nay danh - từ Đông - phương - học được thay thế bằng các danh-từ Á - châu - học, Khoa-học nhân văn về Á-châu, bởi lẽ đã lâu rồi, các học-giả Á-châu đã đóng góp rất nhiều vào sự hiểu-biết về chính nền văn-minh của họ. Do đó mà Báo Le Monde (số ra ngày 22-23.7.73) đã viết rằng "Đông - phương - học đã tử vong" (l' Orientalisme est mort) với ý-nghĩa từ nay sự nghiên-cứu về Á - châu sẽ thực - hiện với tinh - thần mới, tinh - thần khoa-học khách quan phồ - biến với sự đóng góp thực sự của người Đông - phương. Thay vì nhóm họp đông đảo như kỳ này, chuyên-viên từng bộ-môn hay biệt môn sẽ nhóm họp riêng - biệt để thảo - luận. Những Hiệp - hội quốc - tế về từng bộ-môn, biệt-môn sẽ được thành-lập. Lẽ dĩ nhiên cũng vẫn có những hội-nghị liên-khoa để bàn thảo những vấn đề chung. Riêng về bộ môn nghiên - cứu Đông - Nam - Á, chiều 16.7.73, tham-dự-viên các nước liên-hệ đã nhóm họp để thông - qua một bản điều-lệ thành-lập Hiệp-hội Quốc-tế Nghiên-cứu Đông-Nam-Á (Association Internationale des Recherches

en Asie du Sud—Esd) mà thành-viên là các cơ-quan và hiệp-hội nghiên-cứu khoa-học của từng nước. Dự-án điều-lệ này sẽ được chính-thức gởi đến các chính-phủ liên-hệ để tham-khảo ý-kiến và xin các quốc-gia liên-hệ cử thành-viên tham-gia phiên-hợp đầu tiên để chính - thức thành - lập hiệp-hội. Công - thức này nhằm tạo nên sự hợp-tác quốc-tế hữu-hiệu trong lãnh-vực nghiên-cứu khoa-học. Tất cả các hiệp-hội quốc-tế tương-tự sẽ gia nhập Liên- hiệp Quốc-tế Đông-phương học giả.

— Anh đã đệ trình điều này cho chính-phủ chưa? Kết quả thế nào?

— Ngay sau khi phó hội, tôi đã lập phúc trình gởi đến Ông Tổng-trưởng Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên. Như anh thấy, công cuộc nghiên cứu, bảo-tồn, và phát-huy văn-hóa dân - tộc, nói tắt là Việt - học, trước hết phải do chính học-giả, văn-nhân nghệ-sĩ Việt-Nam đóng góp, như từ xưa một Nguyễn-Trãi, một Lê-Quý-Đôn, một Phan-Huy-Chú đã làm, và cũng cần có sự đóng góp của quốc-tế. Môn Việt-học có liên quan mật thiết với bối cảnh lịch sử, địa-lý văn hóa Đông - Nam - Á. Đề bắt đầu, Ông Tổng-trưởng Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên đã chấp-thuận cho xuất-bản một cơ-quan nghiên-cứu và phổ-biến Việt-học là *Bulletin de Vietnamologie*, để làm theo quan điểm quốc-gia và vì thề-thống quốc-gia, công việc của một số tạp-chí cùng loại như Tập-san Trường Viễn-Đông bác cổ Pháp-quốc, Tập san Hội Đô-thành Hiếu-cồ, Tập-san Hội Nghiên-

cứu Trung-Ấn. Tập-san sẽ viết bằng Pháp-văn vì trong thực tế ở nước ta có nhiều tác giả trực tiếp viết bằng Pháp văn và đề tiện phổ-biến học - thuật Việt - Nam trên trường Quốc-tế. Trong tương lai sẽ có thêm những ấn-bản bằng các ngoại-ngữ khác. Ngoài những bài trực-tiếp viết bằng Pháp-văn, bộ biên-tập sẽ xin phép các tác-giả để phiên-dịch những bài có giá-trị đã in trên các tạp-chí Việt-văn. Tập-san sẽ đón nhận sự cộng - tác của các học - giả muốn đóng góp vào sự tiến-triển của bộ môn Việt-học. Song song với tờ *Bulletin de Vietnamologie* sẽ ra đời một ngày gần đây, tôi được biết tờ *Việt-Nam Khảo-cổ tậ-san* cũng sẽ được cải-tiến.

— Bên lề Hội-ngệ có điều gì đáng nói không?

— Nhiều lắm anh ạ. Chẳng hạn như có buổi trình diễn ca nhạc Cổ-truyền Việt Nam do anh Trần Văn Khê và các bạn phụ trách, được các tham dự viên thưởng lãm. Lại có một buổi chiếu phim về Đông Nam Á.

Sang Paris tôi mới biết Ban Tổ-chức có dự-liệu một dạ-hội chiếu phim ở Viện Bảo-Tàng Guimet. Tôi bèn liên lạc với Tòa Đại-sứ Việt-Nam để mượn phim Kim-Vân-Kiều thực hiện với tranh thủ-ấn-họa của Tú-Duyên và một phim về vũ khúc Việt Nam. Các phim này được Tòa Đại-sứ cho trình-chiếu để góp mặt với năm châu và đã được nhiệt-liệt tán-thưởng. Được như vậy là nhờ Ông Đại-sứ Nguyễn duy Quang và

ông Tùy viên Văn hóa Trần Ngọc Quý tận tình giúp đỡ.

Tôi lại có may mắn gặp giáo-sư Nguyễn đình Hòa, Giám-đốc Trung-tâm Việt-Học Đại-học S.I.U. ở Hoa-kỳ sang phó hội, được anh biếu tặng một số ấn-phẩm Việt-học, và mời dùng cơm trưa với vị thầy cũ là Giáo-sư Hoàng Xuân Hãn, mà tôi từng khâm-phục công-trình khảo-cứu mà chưa hề được hân hạnh diện-kiến. Dịp này tôi thấy Giáo-sư Hoàng Xuân Hãn vẫn có thị giác tốt, trái với tin đồn Giáo-sư đã hư mắt. Tôi đã mạn đàm với Giáo-sư về công-trình của anh Nguyễn Văn Xuân về Chính phủ ngâm cùng những công-trình liên hệ, học hỏi được nhiều điều. Một dịp khác tôi xin tường thuật nội dung câu chuyện. Cũng trong dịp này tôi hân hạnh gặp nhà khảo sử Nguyễn Xuân Thọ mà tôi đã đọc bài trên tập san *Sử Địa*.

Bên lề hội nghị nhà văn Nguyễn Tiến Lãng, dịch giả tài hoa truyện

«*Hoa tiên*», đã cho tôi biết thích đọc tập «*L'expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn Mặc Tử*» của tôi in năm ngoái. Lại còn nhiều học giả ngoại quốc chuyên viết về Việt Nam sẵn lòng cộng tác với *Bulletin de Vietnamologie*.

— Nhân nói về sách báo, xin anh cho biết thị trường sách báo V.N ở Paris ra sao ?

— Sách báo V.N. bán rất chạy, nhiều nhà sách muốn làm đại lý sách xuất bản ở Saigon. Riêng về việc phát hành sách của cơ quan văn hóa công lập, tôi đã trình kế hoạch xin ông Tổng trưởng Văn hóa Giáo dục và Thanh niên thẩm định.

— Xin hỏi anh câu chốt : Hội nghị quốc tế các nhà Đông phương học lần thứ 30 sẽ nhóm ở đâu ?

— Các tham dự viên đồng ý chọn Maxico.

BÁCH - KHOA ghi lại.

SÁCH MỚI

Đã phát hành toàn quốc :

- MƯỜI NGÀY CUỐI CÙNG CỦA **HITLER**
- Cuộc săn tìm VŨ KHÍ BÍ MẬT của **HITLER**

Sẽ phát hành cuối tháng 9-1973 :

- CUỘC MƯU SÁT CÁC LÃNH TỰ ĐỒNG MINH

- CÁC Y-SĨ MA QUÁI

Bộ sách tài liệu lịch sử giá trị của nhà xuất bản **SÔNG - KIÊN**.

NGƯỜI SÔNG - KIÊN và **LÊ THỊ DUYÊN** dịch

NGUYỄN NHIỀU phát hành.

Học ngay từ bây giờ để hoàn-tất chương-trình sớm

* Các lớp thường xuyên của Trường dạy theo phương pháp cho từng cá nhân, nhận ghi tên học bất cứ lúc nào là học ngay từ đó, không kể từ đầu tháng, nên học viên có thể hoàn tất chương trình sớm. Thích hợp cho mọi quân nhân, công tư chức trong mọi hoàn cảnh chuẩn bị thi Trung Học Tráng Niên, Tú Tài 2 Mới. Đặc biệt lớp Dự Bị 12 ABC cho các bạn đã học qua lớp 11 hay Đề nghị cũ học thi thăng Tú Tài 2 Mới. N.K. 73-74. Đầy đủ các lớp trung học từ 6 đến 12 ABC.

* Xin ghi tên sớm tại trường hàm thụ thành lập trên 10 năm nay, có uy tín, kết quả thi đậu cao.

ĐẠI HỌC : Nhận lo các dịch vụ và lãnh cours cho các sinh viên luật khoa, văn khoa, xin mời các bạn đã hỏi thẻ hệ liên lạc gấp.

Trường TÂN-HÀM-THỤ

23 Nguyễn-văn-Giai Đakao (Gần cầu Sắt) — Saigon I, ĐT. 95.753

* Cắt hay chép Phiếu dưới đây để lãnh Thẻ Lê, Mẫu Đơn.

Yêu cầu Trường Tân Hàm Thụ, 23 Nguyễn văn Giai, Saigon I, gửi ngay cho các tài liệu trên.

Họ tên _____

Địa chỉ _____



Nhức đầu

Đau

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN 58 121 / BVT / GCOF

Dầu hỏa : khí giới chính trị...

(tiếp theo trang 22)

Về phía Tây Đức, quốc gia được mô tả là kỹ-nghệ-hóa vào bậc nhất Âu Châu, nhưng gần như không có lấy nổi một nguồn dầu hỏa riêng và do đó phải lệ thuộc mạnh mẽ vào các công ty quốc tế, cuộc khủng hoảng dầu hỏa phát xuất từ Libye chắc chắn sẽ mở đường cho sự tăng vọt giá tiêu thụ nhiên liệu (Libye hiện cung cấp khoảng 20% nhu cầu dầu hỏa cho Tây Đức). Để kịp thời đối phó, giới lãnh đạo Tây Đức đã tuyên bố vào tuần lễ đầu tháng 9 rằng họ sẽ thiết lập một công ty dầu hỏa quốc gia. Và cấp kỳ hơn nữa, những kế hoạch đang bắt đầu được đem ra thảo luận nhằm mua thêm dầu của Ba Tư và Algérie, đồng thời cố gắng tìm những nguồn cung cấp mới ngoài khối Ả Rập.

Trong khi đó, nước Ý tỏ ra luôn luôn cần trọng về việc trau dồi mối tương quan ngoại giao đối với các nhà cung cấp dầu hỏa Ả Rập. Những thỏa ước đã được ENI (tổ hợp dầu hỏa quốc gia Ý) ký kết với hầu hết quốc gia sản xuất dầu trong khối Ả Rập. Kết quả của "mối tương quan chặt chẽ" đó là biện pháp của Thủ tướng Libye, Abdel Salaam Jallud, chặn đứng việc trao đổi dầu trên căn bản 50-50 giữa Libye và Ý — một biện pháp được mô tả như thí dụ điển hình nhất để chứng minh thái độ của Kaddafi đối với các công ty dầu hỏa ngoại quốc. Tuy nhiên, nước Ý cũng vẫn còn đủ tự tin ở kỹ nghệ lọc dầu của họ để giữ vững thế đứng

(Tại Ý hiện có 36 xưởng lọc với khả năng 180 triệu tấn mỗi năm, con số đứng đầu Âu Châu). Đồng thời, Ý cũng lập tức mở màn thương thuyết với Algérie, và tìm cách bắt tay với những nguồn sản xuất dầu bên ngoài khối Ả Rập, kể cả Vịnh Bắc Việt và rừng rậm vùng Pérou.

Trong khi đó, tại Pháp, biện pháp của Kaddafi cũng trở thành đề tài sôi nổi. Mặc dù số lượng dầu hỏa Pháp nhập cảng từ Libye đã giảm xuống từ 17% năm 1970 còn 6% năm 1973 tính trên tổng lượng tiêu thụ, những giới chức tại Paris vẫn phải tuyên bố trông đợi biện pháp quốc-hữu-hóa sớm chấm dứt, và họ tỏ ý lo ngại Koweit sẽ theo chân Libye (tỷ lệ cung cấp dầu của Koweit cho Pháp lên tới 17,15%). Trong khi chờ đợi, Pháp tin rằng sự lựa chọn duy nhất của Tây phương trong cuộc khủng hoảng dầu hỏa này chỉ có thể là xoay xở ngay trong những điều kiện hiện hữu (Đây chính là thái-độ của Pháp từ khi những vùng dầu hỏa của họ bị Algérie quốc-hữu-hóa năm 1971.) Đồng thời, để kịp đối phó với sự khan hiếm nhiên liệu, chính phủ Pháp đã áp dụng vài biện pháp phòng bị: một khoản dự trữ 3 tháng, và những sổ cấp phát định phần đã được chuẩn bị sẵn sàng.

Về phía thị-trường Á Châu, kẻ lưu ý nhất đến cuộc khủng hoảng dầu hỏa hiện nay chắc chắn phải là Nhật Bản. Thật ra, Nhật mua của Libye chưa đầy 0,2% tổng lượng tiêu thụ. Nhưng điều

quan trọng là trên tổng lượng này, 99,7% do nhập cảng, và trong số đó, 40% phát xuất từ khối Ả Rập. Bởi vậy, biện pháp quốc-hữu-hóa của Libye sẽ gây một ảnh hưởng gián tiếp nhưng cực kỳ quan trọng đối với Nhật. Một giới chức trong chính quyền Nhật tuyên bố như sau : « Một sự cắt đứt từ Libye sẽ tạo nên sự tăng giá dầu tại Vịnh Ba Tư, sẽ khiến cho Hoa-Kỳ nghiêng thêm về nguồn cung cấp dầu của Nam-Dương và do đó sẽ giảm bớt số cung cấp mà chúng tôi nhận từ Nam Dương. Như vậy nguồn tiếp liệu khắp nơi đều bị bóp nghẹt ». Sự lo ngại của Nhật Bản cố nhiên không phải là vô lý. Chính phủ Đông-Kinh, hơn ai hết, cần phải « tranh đấu để giành giật » dầu hỏa, bởi lẽ số lượng dự trữ của họ không vượt quá 55 ngày phù du. Cuộc tranh đấu không dễ dàng gì, mặc dù về mặt chính trị, Nhật Bản vẫn luôn luôn giữ thái độ khôn khéo, hiểu theo nghĩa hết sức tránh không tỏ bất cứ hành động nào có vẻ thân thiện quá đáng đối với Do Thái. Cái thái độ khôn khéo này liệu có khiến cho khối Ả Rập để Nhật Bản ra ngoài cuộc bóp nghẹt hay chẳng ? Không ai dám quyết đoán, kể cả chính phủ Đông Kinh.

Cuộc khủng hoảng năng lực

Vậy thì phải chăng thế giới quả thật sắp đương đầu với một cuộc khủng hoảng năng lực ?

Dù bi quan hay lạc quan, người ta cũng đều phải công nhận một sự kiện thực tế : Dầu hỏa hiện đang là

nguồn năng lực hàng đầu trên thế giới (40% nguồn sản xuất năng lực).

Thử chú ý đến một đến một vài con số : Từ 1960 đến 1967 số sản xuất dầu hỏa tăng từ 1054 triệu tấn đến 1758 triệu tấn, và vẫn tiếp tục tăng thêm mỗi năm khoảng 100 triệu tấn. Trong số này, mức sản xuất quan trọng vào bậc nhất từng được coi là ở châu Mỹ. Năm 1960 Bắc Mỹ cung cấp trên 1 phần 3 dầu hỏa trên thế giới. Nhưng kể từ 1967 Bắc Mỹ chỉ còn cung cấp khoảng 27% mà thôi, mặc dầu số sản xuất đã tăng lên được 480 triệu tấn. Cũng từ 1967, mức sản xuất của Trung Đông lên đến 505 triệu tấn (hồi 1960 Trung Đông mới chỉ cung cấp 25% trên thế giới). Đi vào chi tiết, chúng ta thấy : năm 1967, Arabia Saoudite và Ba Tư, mỗi nước sản xuất 130 triệu tấn ; Koweit 115 triệu tấn ; Irak 60 triệu tấn.

Trong khi đó, Liên-xô sản xuất 290 triệu tấn (20% trên thế giới) vào năm 1967. Châu Mỹ La-tinh và quần đảo Antilles thì lại sản xuất kém đi, chỉ còn 14,3% trên thế giới.

Một vài con số khác : Vénézuela sản xuất 185 triệu tấn, Nam Dương 26 triệu tấn, Algérie 38 triệu tấn, Nigéria 15,5 triệu tấn. Về phía Khối Tây Âu thì Tây Đức sản xuất 8 triệu tấn, và Pháp 2,8 triệu tấn. Cuối cùng, Libye năm 1961 sản xuất 0,7 triệu tấn, đã tiến lên 80 triệu tấn vào năm 1967.

Cũng nên lưu ý rằng những mỏ dầu hỏa đã tìm thấy so với số lượng dầu còn tích trữ trong lòng đất thì

thật là đáng kể. Nhưng mặt khác, những khám phá các mỏ dầu mới lại tiến triển nhanh hơn là số dầu sản xuất được ở các mỏ cũ: Từ 1939 những mỏ tìm thấy tăng lên 6 lần trong khi số sản xuất chỉ tăng gấp 3 lần trên toàn thế giới.

So với các nguồn nhiên liệu khác, dầu hỏa vẫn luôn luôn được coi như năng lực hàng đầu. Lấy Hoa-kỳ làm thí dụ: Nguyên tử năng chỉ cung ứng 10% nhu cầu năng lực, trong khi phần cung ứng của gaz là 30%, của than là 20%, của thủy điện là 4%, và của dầu hỏa là 45%.

Từ đó suy ra: chiến dịch "bóp nghẹt dầu hỏa" do khối Ả Rập phát động có thể sẽ làm tê liệt cả một loạt những guồng máy kinh tế đứng hàng đầu thế giới chẳng? Và lại từ đó, suy rộng thêm chút nữa: dầu hỏa quả thực có thể được sử dụng như một vũ khí chính trị hữu hiệu tạo ảnh hưởng quyết định đối với cuộc bang giao quốc tế chẳng?

Không phải ai cũng đồng ý với nhau như thế. Một số bình luận gia có uy tín, như Steward Alsop, bắt đầu đặt những giả thuyết nối liền khía cạnh kinh tế với khía cạnh chính trị: Tại sao người ta không nghĩ rằng những cử tri của Hoa Kỳ chẳng hạn, sau khi chịu đựng một mùa đông giá lạnh và một mùa hè bức bối chỉ vì thiếu thốn nhiên liệu, sẽ đâm ra căm giận và thất vọng với các chính trị gia nói chung và với chính phủ Nixon nói riêng. Họ sẽ đặt vấn đề: Chính sách đối ngoại cần được xét

lại, để không tiếp tục đẩy khối Ả Rập vào cái thế chân tường khiến phải sử dụng đến dầu hỏa như một thứ áp lực nguy hại.

Ngược lại, một ý kiến khác cho rằng cái gọi là « cuộc khủng hoảng năng lực trên thế giới » chẳng qua chỉ là một trò tưởng tượng. Những chuyên viên « thứ thiệt », như giáo sư M.A. Aldeman, của Học viện Kỹ-thuật Massachusetts, nhất định không nao núng vì lời đe dọa phát xuất từ khối Ả Rập hay từ bất cứ ở đâu khác. Họ dẫn chứng những con số tượng trưng cho số lượng dầu hỏa dự trữ: Năm 1935, thế giới dự trữ 23 tỷ thùng dầu, tương đương với 3 tỷ tấn. Năm 1950, con số lên đến 76 tỷ thùng. Và cho đến năm nay thì là 500 tỷ thùng. Lẽ dĩ nhiên không phải những khoản dự trữ ấy tự động nhân lên theo sự tăng gia các mỏ mới khai, nhưng dù sao thì các con số nêu trên cũng đủ giúp cho người ta « cứ bình tĩnh ».

Nói về phương diện sản xuất, Nhóm Aldeman cho rằng ở Hoa Kỳ, những mỏ dầu đã được khai thác đến tối đa: 2.222.300 giếng đã đào, tính đến ngày 25-1-1973 và kể từ cái giếng đầu tiên của Drake năm 1859. Tuy nhiên, theo bản kiểm kê địa chất mới đây thì sự khai thác nói trên chưa đến nỗi phản ánh một thực trạng bi quan: Bù lại cho nguồn dự trữ dần cạn, đã có những khám phá mới tại Alaska. Ngoài ra lại còn có những khoản dự trữ được coi như « có thể phục hồi ». Những chuyên viên danh tiếng như T. A.

Hendricks và H. K. Hubbert đã nói tới con số một ngàn tỷ, hay cả đến hai ngàn tỷ thùng dầu thô có thể lấy từ lòng đất Hoa Kỳ bằng các kỹ thuật thích ứng. Trường hợp này cũng tương tự đối với các quốc gia sản xuất khác.

Cũng còn phải lưu ý đến những nguồn năng lực mới, chưa được khai thác đến nơi đến chốn: Than (năng lượng gấp 20 lần hydrocarbure); Nguyên tử năng; Những Phiến nham có chất thạch du (Schistes bitumineux), v.v... Sự khai thác các nguồn năng lực này, nhất là những phiến nham tại các tiểu bang miền Tây Hoa Kỳ có thể cung cấp hàng triệu triệu thùng dầu, theo sự ước lượng đã được những chuyên viên chính thức công nhận. Và như thế, chỉ còn việc thực hiện các kế hoạch khai thác.

oOo

Nhưng những kế hoạch, dự án nêu trên dù sao cũng vẫn còn tùy thuộc vào thời gian. Khách quan mà nhận xét ít ra dầu hỏa còn giữ vai trò quan trọng bậc nhất của nó trong một vài năm sắp tới. Gần hơn nữa, ngay bây giờ, dù không thực sự trở thành một cuộc khủng hoảng, dầu hỏa cũng phải được coi như một vấn đề nghiêm trọng. Về phía khối Ả Rập, chắc chắn họ đã nhìn thấy cái khía cạnh có thể khai thác như một áp lực chính trị. Họ có khai thác nó hay không, và sự khai thác có thành công hay không, đều đó còn tùy

thuộc nhiều yếu tố: sự liên kết giữa các quốc gia trong khối, mức độ phản ứng của giới tiêu thụ, và gần hơn: kết quả của cuộc chiến đang bùng nổ tại lò lửa Trung Đông. Người ta có quyền nghi ngờ yếu tố thứ nhất, căn cứ vào thái độ hăm dọa giữa Kaddafi và Faisal, hay thái độ quý quyết của Sadat chẳng hạn. Người ta cũng có thể đặt rất nhiều giả thuyết đối với yếu tố thứ hai, vì nó lệ thuộc quá rõ rệt vào những chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và các quốc gia Khối Tự do, những chính sách không thể một sớm một chiều thay đổi chỉ vì một cơn khủng hoảng còn nằm trong tương tượng.

Và như vậy, cùng với yếu tố thứ ba, tất cả vẫn còn là vấn đề chờ đợi.

10-1973

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

Sách mới

— Trên Chiếc Vồng Đời, tuyển tập thơ của 10 nhà thơ trẻ, (Xuân-Hữu, Trần-Hữu-Nghiêm, Nguyễn-Yên Nam, Dã-Tràng v.v...) gồm trên 30 bài thơ do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng.

— Trắc nghiệm Vạn Vật lớp 12A của các Giáo sư Nguyễn Ngọc Nam, Trịnh Đại Bằng, Nguyễn Văn Hải, Tôn Thất Trung Nghĩa, Tôn Thất Phong, Trần Đức Thịnh, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 192 trang gồm 21 bài và phần Trắc nghiệm tổng quát cùng Bảng trả lời. Giá 400đ.

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Đài loan - 10-9-73

Anh Ch.

Một tuần rồi tôi nằm ở Đài Loan. Ban ngày đi thăm người này người khác hoặc đi viếng các nơi thì tạm vui, nhưng ban đêm và ngày chủ nhật thật dẽ sợ. Cái phòng trọ với bốn bức tường chật hẹp, cái bàn viết đặt trước tấm gương soi mặt lớn, dẽ ghét, vì ngồi vào bàn cứ phải nhìn mãi cái mặt mình, chán quá.

Anh có đồng ý như thế không, phòng trọ, lữ quán chỉ dành cho mấy thương gia, nhất là lữ quán ở đô-thị. Ban đầu tôi chỉ có ý định sang đây với mục đích xem phong cảnh và nhất là thăm cái Viện Bảo tàng của Đài-loan mà người ta không thể nào chết nhắm mắt được, nếu không có một lần đặt chân đến.

Cụ Tường Giới Thạch lúc rời lục địa, bao nhiêu tàu bè Cụ dùng để chở các thứ bảo vật ở Viện Bảo tàng, còn súng ống vứt lại cả. Anh xem như thế có khôn ngoan không, nếu cụ chở súng ống thì ngày nay chỉ có đưa ra chợ trời bán sắt vụn chứ làm gì. Trái lại, cái Viện Bảo tàng, Đài-loan bây giờ được đứng nhất thế giới, anh có thể nhìn ngắm những cái mai rùa từ đời Nhà Thương Nhà Ân cho đến những bức tranh đời Tống, Nguyên, những ngọc ngà chạm trổ và bao nhiêu thứ khác kể không xiết. Anh sẽ cười và sẽ bảo rằng Đài-loan sao mà giống con Voi và du khách là những kẻ mù, mỗi người chỉ nhìn thấy một khía cạnh...

Có thể bảo rằng ai thích gì thì tìm về điểm ấy và đặt trọng tâm vào điểm ấy. Anh đừng chờ ở tôi nói về các thứ hàng hóa mua được nhé. Có mấy người có hảo ý đã hỏi tôi muốn mua hàng vải thì họ đưa đi, nhưng

tôi từ chối. Thứ nhất là sợ kẹt tiền thứ hai là thế-giới thiếu gì thức đó. Đến đây tôi đã bị hiệu sách dành mất một phần ba số tiền tôi mang theo mà vẫn thấy còn muốn quay trở lại. Hết sách đến tranh, những bức tranh thủy mặc tuy là bản sao của các họa sĩ xưa nhưng vẫn thấy say mê. Giá một cuộn tranh ít nhất cũng phải ba bốn trăm yuan tức là vào quăng mười hai Mỹ kim. Tôi chưa mua tranh, phải chờ ngày cuối lúc trả hết các thứ tiền nếu dư mới dám mua. Tuy nhiên đã mua mấy bức bút tự, và sách nói về Cồ tự rồi. Như thế cũng tạm yên lòng. Rồi Đài-loan mà không có tranh thì hèn ngày giàu hơn vậy.

Ngày thứ 8 sau khi gặp một vài nhân vật quan trọng người ta đưa tôi đi viếng các nơi xa, ra khỏi Đài Bắc. Đêm nay ngủ ở Lê-Sơn, đi đến nơi này thật đã vất vả, phải vượt bao nhiêu là núi cao. Từ Đài Bắc

đến Hoa Liên chỉ có nửa giờ máy bay mà từ Hoa Liên đến Lê Sơn phải mất năm tiếng đồng hồ xe. Vì chẳng có lối đi nào ngoài xe buýt và xe tắc xi, mặc dầu thuê riêng một chiếc xe không phải rẻ. Núi chập chùng, Lê Sơn cao hơn hai nghìn thước, xe đi trong mây mù hàng mấy chục cây số. Đã vậy chúng tôi rời Hoa-Liên hơi muộn, mãi ăn và mãi nhìn các thứ vật dụng trang sức bằng cẩm thạch. Hoa Liên là xứ của cẩm thạch nên hầu hết mọi thứ, cái gì có thể làm được bằng cẩm thạch là người ta không bỏ mất cơ hội. Trong bữa ăn thấy các cô hầu bàn cứ nhìn tôi mà cười, tôi bảo với ông hướng dẫn nên về đây mà cười vợ. Ông ta hỏi tại sao.— Tại xứ cẩm thạch tất cũng sẽ có người bằng cẩm thạch, quý giá chứ sao.

Ông ta cho là hay và cứ nhắc mãi rằng sẽ về Hoa Liên để cưới người cẩm thạch. Khách-sạn Lê Sơn thật đẹp tuy đường đi khó khăn, thỉnh thoảng lại thấy một tấm bảng đề: «Chú ý, lạc thạch». Trời tối dần, đi trong mây một bên thì vực, bên kia thì núi, đường mỗi lúc một lên cao. Ông tài-xế đáng khen thật, mà kiếm được một mối hàng đi riêng như thế cũng hiếm. Chúng tôi lại bao luôn cả ngày mai đi về Đài Trung nên ông ta rất hoan nghênh vì ông ta ở Đài Trung.

Khách-sạn Lê Sơn được xây xất theo lối kiến trúc của người Trung Hoa nên có những nét chạm trổ độc đáo, màu sắc rực rỡ. Màu đỏ của mái nhà, của cột nhà nổi bật lên trên nền núi

xanh. Buổi sáng thức giấc mọi người đều phải ra ngoài dương-dài để nhìn phong cảnh. Ở nơi đồng bằng đô-thị đâu có được hưởng cái cảm-giác đặc biệt, đứng trên cao nhìn xuống mây từng mây ở bên dưới như thế. Có thể gọi là tiểu thiên-thai hay «mi-ni thiên thai» nếu anh muốn gọi thế cho nó hợp thời trang.

Rất nhiều đôi lứa đến đây để hưởng trăng mật cứ nhìn họ săn sóc nhau thì biết, nhất là phía các ông. Vợ chồng già «sức mảy» mà trao cho nhau những cái nhìn thăm thiết «dễ sợ» như vậy.

Người ta đưa tôi đến đây để nghe thuyết-trình về tình trạng kinh tế của Đài-Loan. Anh có muốn nghe không tôi nhắc lại cho mà nghe, hay là anh đã đọc, đã nghe nhiều người đi về nói rồi thì thôi. Tha cho anh cái phần thuyết-trình dài đằng đằng đầy đủ chi tiết nhé. Đại khái thì mọi người, từ bạn đến không bạn đều phải công nhận rằng Đài-Loan có một nền kinh tế rất vững. Mỗi năm số lợi-tức gia tăng đến trên mười phần trăm, tức là đứng bậc nhất thế giới, sản xuất rất nhiều, từ gạo, hoa quả, đậu nành, mắm cho đến các thứ máy truyền-hình, máy quay nước xe hơi, xe đạp bán sang cả Âu-châu, Mỹ-châu, Phi-châu v.v... Nếu kể hết thì chật giấy và anh lại ngỡ rằng tôi bị ông Tàu nào thôi miên rồi nên đi làm quảng cáo không công. Oan, có gì mới nói chứ, nếu đến những xứ rách nát rồi bảo tôi đề cao thì làm sao mà đề cao được.

Từ Đài Trung đi về bằng xe hỏa.

sạch và êm. Ngồi ghế có thể bật ngửa, có trà và khăn lau mặt ướt do các nữ chiêu đãi đưa đến. Đêm này Âu-châu thua xa, đề tôi về xứ Âu sẽ nói cho họ biết họ sang mà học theo.

Về đến Đài Bắc thì tôi gặp vào đêm Trung Thu nhưng tôi mệt quá nên nằm nhà không đi rước đèn với mọi người.

Vì trước khi đi Đài Trung tôi đã chót nhận lời cho đài phát thanh phỏng-vấn nên họ đến đón sớm sợ tôi lại bay đi đâu mất.

Anh biết người ta thắc mắc gì nhất không ?

Tại sao lại gửi một Nữ ký-giả sang Pháp mà không gửi Nam ký-giả ? Biết trả lời sao ? Tôi đành nói quanh là tại tôi ở bên ấy hơi lâu nên quen nước quen cái. Kể cho cô Lãnh-sự nghe — quên nói cho anh hay rằng xứ ta có phụ nữ làm Lãnh-sự nhé và rất đặc lực, đồng hương của tôi đấy. Tôi bị cô Lãnh-sự rầy vì không trả lời: Tại xứ tôi không phân biệt đàn bà đàn ông. Anh tưởng tượng, nếu tôi trả lời vậy chắc các anh sẽ cho rằng hách-xi-xăng chẳng. Làm Lãnh-sự chỉ làm dâu có mỗi một Bộ Ngoại-giao, tối đa là làm dâu các ông bà Nghị sĩ chứ viết văn viết báo còn phải làm dâu đủ mọi tầng lớp độc giả, tuy vẫn được tiếng là tự do. Anh đồng ý không ?

Cuộc phỏng vấn tiếp diễn khá đẹp đẽ, người ta còn bắt tôi nói cả tiếng Trung-hoa cho thính giả nghe.

May quá, tôi cũng là dân Á-đông chứ chẳng phải là « Dương quý tử ». Anh biết tại sao không ? Người Trung-Hoa có câu nói: « Thiên bất phả địa bất phả, tỵ phả Dương quý tử, thuyết Trung-quốc thoại », tức là trời không sợ, đất không sợ, chỉ sợ phải nghe tỵ « Dương quý » nói tiếng Trung quốc.

Khiếp cái bàn của phòng trọ mới ngồi viết có một tiếng đồng hồ đã nghe tức ngực. Những đứa làm nghề của tỵ mình có lẽ không cần gì bằng cần cái bàn anh nhỉ.

Kỳ sau tôi sẽ viết thư kể về đảo Kim-Môn cho anh nghe, kỳ này chỉ nói về Đài-loan thôi. Anh có biết tôi may mắn đến thế nào không ?

Sang đây quen được một hiệu ăn Việt-Nam. Cả xứ Đài-loan có một hiệu Đào Giai, thế mà người ta biết gia đình tôi ngày xưa, ngày tôi còn được gọi là « Cô Út ». Thế mà bây giờ cô Út lang thang sang đây sắp sửa thiếu tiền, đang lo thì ông bà chủ cho cô Út ăn không tiền. Anh xem cái số cô Út có đáng gọi là có ông sao may chiếu mệnh không. Mua nhiều sách quá nên chắc thế nào cũng thiếu tiền trả tiền phòng. Ai sang đây phải nên đề phòng cái điều ấy, anh nhớ rao lên cho các anh em biết nhé. Nhất là những người mê tranh, mê các thứ đồ cồ. Đây là không nói đến ngọc ngà gốm lũa.

Một cô gái Trung Hoa, ký giả, đến tìm tôi, cô ta bảo muốn viết văn, và tưởng rằng hút thuốc thì viết ra văn. Sau khi nghiện thuốc rồi mới

thấy chẳng có gì để viết, hy vọng mười năm nữa mới đủ chất liệu viết. Tôi thấy tại cô ta không được hướng dẫn và khuyến khích thì đúng hơn.

Bên này, đáng phàn nàn nhất là các cô đã từ giã chiếc áo Tàu để mặc Âu-phục. Trừ mấy bà già và các cô chiêu đãi phục vụ trong mỗi khách sạn và Viện Bảo tàng. Thật đáng tiếc, lạy trời cho xứ Việt Nam ta đừng có rơi vào cái hố đó.

Anh chàng làm hướng dẫn viên (Guide) cho tôi do Bộ Thông Tin biệt phái vì biết nói tiếng Pháp tiếng Anh, anh ta kêu rằng tôi biết nhiều về xứ Trung Hoa của anh ta quá và nếp sống của tôi làm anh ta ngạc nhiên. Anh ta bắt đầu thay đổi, hẹn lúc nào cưới vợ sẽ chấp tay lạy vợ để bà mặc áo Tàu. Anh ta lại còn hỏi thăm tôi về trà, muốn biết tôi bắt đầu nghiện từ bao giờ! Thấy tôi có nhiều bút, nghiện mực anh ta ngán luôn. Hình như anh chàng không hề dùng đến các thứ ấy.

Bắt đầu quen biết, tôi sẽ kéo còi báo động để cho các cô cậu bớt Âu-Mỹ-hóa đi mới được. Có lẽ cũng nên kéo còi báo động cả cho xứ mình nữa chẳng. Các bà Tàu đi xem Viện Bảo-tàng thấy tôi mặc áo dài biết khen thăm với nhau là đẹp mà sao họ không làm. Họ tưởng tôi không hiểu tiếng Tàu khi họ phê bình tôi, phê từ đôi hài lên đến đầu tóc.

Mấy hôm nay tôi đang uống thử các thứ trà xem thứ nào độc đoá

nhất mới bỏ công mang về. Đang đi tìm cả Trà kinh, mà chưa tìm ra. Hôm qua trong hiệu sách có mấy người đến nhận mặt vì họ xem báo và truyền hình, một ông viết trao cho tôi một mảnh giấy hỏi có phải tôi là người V.N. không, ông ta viết thêm một câu ở dưới «Hành vạn lý lộ, thẳng độc vạn niên thư». Nghe đẹp tai chưa.

Thôi nhé, phải ngừng đề còn viết thư trả lời cho một người độc nhất đã nghĩ đến mà viết thư cho tui. Kỳ này về chắc anh không nhận ra đâu, Minh Đức giống «cái nị» lắm. Lên tắc-xi nghe đài phát thanh ca bài A-Li-san, tôi cũng cao hứng ca theo «A-Li-san đích cô nương mỹ như thủy, A-li-san đích thiếu niên trắng như sơn». Ông tài xế ngạc nhiên sao Việt-Nam mà biết bài ấy. Tôi bảo tại người Việt chịu khó học.

Thăm anh và hẹn thư sau.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

sách mới

Ru buồn 15 ca khúc Nguyễn-Tất-Vĩnh do Trầm-Hương xuất bản và tác giả gửi tặng. Bản giấy croquis với 15 ca khúc (lời và nhạc) trong số đó 11 bài phổ nhạc vào thơ của Trần-Vân-Lệ, Kim-Tuấn, Du-Tử-Lê, Đông-Trình v.v... Giá : 200đ.

— *Chuyện Tình tập thơ của Trần Hữu Nghiễm, Nhập Cuộc xuất bản, gồm trên 10 bài thơ do tác giả gửi tặng.*

Người trở về

(Đề tưởng nhớ linh hồn Lưu Trọng Đạt)

Hình như Cần thơ là một định mệnh. Cần thơ: với những thằng bạn nhậu, với những quán cà phê và các cô nàng rắn lục, với những cơn say ngất trời. Và định mệnh đã bắt hai thằng bạn thân thiết nhất — Quí và Định — cùng ghé lại trong những ngày đầu của chiến dịch. Ở đó, hai thằng đã có thêm những bạn mới. Những bạn cùng một chí khí nhưng cũng là những anh hùng thua cuộc. Gặp nhau, bắt tay kéo vào quán. Gặp nhau, tuần tự mỗi đêm một nhà. Thằng khóa 11 có căn nhà gần lò cất rượu, có sân thượng nổi giữa xóm nhà lao động, nhưng cũng thật gần với trời, với trăng sao, và cõi đêm huyền diệu. Thằng khóa 24 không có nhà, nhưng cũng cố tìm những chai rượu quí mà Ông nhạc đã gìn giữ trên ro năm trời. Thằng Không quân, căn nhà bán hàng đang thất nghiệp, cũng sẵn sàng mở cửa rượu hai thằng cho đến khuya. Cần thơ đã làm hai thằng muốn rơi nước mắt. Bởi hai thằng đã tìm được ở đây những tấm lòng hào sảng, những gương mặt chân tình, những giờ phút ngất ngây tình bạn hữu. Bởi vì ở đây, đêm trôi qua bằng những tiếng cười, hay những bao thuốc lá. Cuộc sống như một cơn mộng. Cơn mộng ngất trời qua những cốc rượu nồng nồng, và những đêm say mèn nồng nàn hạnh phúc...

...Hầu như gần hai tháng, Quí và

Định đã không về Cần thơ để gặp lũ bạn cũ. Hai thằng đã không có một lúc nào ngơi nghỉ. 5 giờ sáng thức dậy làm một bữa cơm rồi bắt đầu Zulu. Trung đội hai mươi mạng quanh quần với làng mạc, kênh rạch, sinh lầy. Có ngày đụng có ngày vô sự. Có ngày súng nổ nhiều súng nổ ít. Có ngày địch pháo chặn đầu, có ngày địch pháo chặn đuôi. Có ngày tiếp viện đồn bót, có ngày máu đỏ, người chết. Hai thằng chẳng buồn cạo râu cắt tóc. Rồi đêm đến, hết trung đội này đến trung đội khác đi ô. Ba giờ sáng thấy trò lủi thủi ra về, khi màn đêm còn bít bùng kinh dị. Cuộc sống vẫn chừng nấy, mỗi món quen thuộc như một khúc phim chiến tranh. Hai thằng chẳng có lấy một thời gian rảnh rỗi. Nếu có chẳng là dành cho các cuộc nhậu. Thâu đêm suốt sáng. Đời lính chỉ có bấy nhiêu. Chân lý của những kẻ kẻ bên vực thăm cũng chỉ bấy nhiêu. Hai thằng đã sống nương tựa nhau và chưa bao giờ rời xa nhau. Trung đội thằng này tiếng lên xung phong. Trung đội thằng kia bắn yểm trợ. Định nói mấy hỏi han chẳng Quí. Quí nghe mấy chửi thề hỏi han chẳng Định. Cuộc đời lính tráng đã khiến hai thằng khấn khít. Chưa bao giờ chúng nó khấn khít như thế. Phải chăng đó là định mệnh?

Một ngày, hai thằng cùng về phép Cần thơ. Chúng không còn một xu

trong túi. Chúng xuất hiện trước cửa nhà thằng khóa 24 vào ngay xế trưa. Chúng than đói. Thằng 24 chạy tiền rồi dắt hai thằng đến một quán cơm bình dân. Rồi tiếp theo là mục cà phê thuốc lá. Chiều tối cả bọn lại xum vầy trên sân thượng của thằng Không quân bên những chai bia và sò huyết, cá khô sặc. Trời vẫn đầy sao. Đêm hình như thấp xuống. Bóng mấy thằng mờ ảo trong bóng tối. Từng chai bia được khui nắp. Từng cốc rượu được nâng lên. Hai thằng kể thật nhiều chuyện chiến trường, chuyện đánh giặc. Chẳng hạn một lần thằng Quý chém về chạy đến xiêu. Chẳng hạn thằng Quý, tuy bề ngoài, dáng hùng hồ của con nhà tướng, nhưng thật nhát hơn ai. (Khi nghe tiếng súng, hắn ta liền nháy ngay xuống kênh). Chẳng hạn, Định với mấy thằng lính lóc nhóc dàn hàng ngang tiến lên mục tiêu trong khi địch xài toàn B.40, súng cối pháo đầu pháo đuôi. Chiến trường sau ngày ngưng bắn đã quá hung bạo. Hai đứa say mê kể chuyện thời chiến như những trung đội trưởng chai đá kinh nghiệm. Người ta không còn nhận ra, trước kia, hai thằng đã là hai cậu cử nhân với những hoài vọng ngất trời. Rồi thằng Quý lại khích thằng 24. Rượu say, thằng 24 bị khích bèn xà lạng. Từng cốc đưa lên, nốc trọn. Đêm cũng vui buồn với một lũ thằng thất chí, trái nhẹ như một giòng sông ngân hà. Chốc chốc tiếng cười của Quý hi hí, chốc chốc Định a : Hòa nhá. Rượu ngập lụt khiến những thằng trong cuộc nghiêng

ngửa. Không ai còn bận tâm đến giây phút hiện hữu. Chỉ có cuộc vui say ngất trời. Chỉ có những tiếng cười khinh mạn. Bỗng thằng Quý la lên : Uống. Lỡ mai tao chết, thì uống rượu lắm. Không ai trả lời. Thằng nào cũng cảm thấy cái ám ảnh hung bạo đè nặng trên vai mình. Thằng nào cũng thấy trước cái bóng tối kinh dị kia. Nhưng chúng đã cố quên. Chỉ có thằng Quý là nhớ. Phải chăng đó là định mệnh ?

Ngày hôm sau, hai đứa từ già. Trước khi đi, thằng Quý còn nói lần đi phép tới nó sẽ mang lên một món đặc biệt : mẳm cá trê vàng. Nó coi đó là một thức ăn quý báu nhất mà hắn đã khám phá trong những ngày đầu làm lính. Đôi mắt sáng, Quý ca ngợi : lần đầu tao mới thấy loại cá trê vàng. Chúng mầy thấy loại cá trê này chưa ? Thằng 24 nhún vai : Nhiều lắm. Ở trong huyết mã. Nhưng mấy thằng kia đã nhao nhao phản đối : Đó là cá trê đen. Khó mà gặp thứ cá trê vàng kia lắm.

Quý càng được thể, càng khoe : Tao có nếm thứ mẳm cá trê vàng một lần. Ngon như chưa bao giờ ngon đến thế. Thằng khóa 11 hỏi : Ở đâu ? Quý nói : bí mật ! tao có người quen. Chắc chắn kỳ tới, chúng mầy sẽ được nếm một thức ăn ngon nhất trần gian !

oOo

Trung đội Quý đi đầu. 20 thằng được lệnh tiên phong tiến về đồn binh đang bị địch vây bủa. Trung đội Định đi sau. Địch đông đảo và hùng hậu không ngờ. Địch

chờ Trung đội thắng Quí qua khỏi con kênh mới chặn đánh, đồng thời pháo dữ dội các đũa con đi sau. Trung đội Quí bị lọt vòng vây. Trung đội Định nhào lên tiếp ứng bị đánh chặn lại. B.40, súng cối, đại liên địch nã như mưa bấc. 10 phút sau, Định không nghe Quí lên máy. Im lặng ghê rợn. Định cố nhào lên. Địch lại pháo. Đám quân sau rút lui. Định núp dưới bờ kênh, không dám ngóc đầu. Súng vẫn nổ rất ở đầu toán quân tiền phong. Định biết Quí đang bắn rất và địch cũng đang xung phong. Định la trong máy gọi Quí. Im lặng ghê rợn. Định ngóc đầu lên. Đạn địch lại pháo đến. Mồ hôi đầm đầy mặt. Quần áo bùn bết. Một lát, trong máy có giọng Quí: Tôi là Chuẩn úy Quí. Tôi đã bị bắt... Quí nói nhiều lắm. Định nghe giọng Quí chứa chan cảm hờn, tức tối, xen lẫn nước mắt. Định cắn môi. Giọng Quí vẫn rõ như những lời cuối cùng của một con thú sa cơ. Bất giác, Định khóc mũi mẫm. Tôi là Chuẩn úy Quí đây. Định run tay, đầu hoa lên. Sao mày lại như thế? Há Quí. Định gào to. Nhưng tiếng gào của Định đã chìm trong những cơn địa chấn lớn nhứt địa cầu...

...Dường như có một phép màu nhiệm đã giúp thắng Định được bình yên trở về. Bọn địch đã phân tán rồi rút lui, ngay trên đầu nó. Lần đầu tiên, nó thấy rõ một nỗi vui mừng tốt cùng trong buổi đầu tiên của đời lính. Nó thấy thế nào là vẻ đẹp kỳ diệu của những đám mây trắng lơ lửng giữa nền trời

xanh lơ. Tiếng súng đã im. «Ông thầy theo đường kênh này về.» Có tiếng đục hót hải, bên cạnh. Thắng mang máy không đợi lệnh đã bỏ lui. Định cũng lò dò bỏ theo. Nhưng nó vẫn còn đục thắng mang máy cố gắng nghe. May ra, Chuẩn úy Quí lên tiếng. Một lát, có tiếng gọi từ một tần số xa: Chuẩn úy Định về trình diện hậu cứ. Lý do cho biết sau.

Lý do thứ nhất: có thân phụ đang đợi ở Cần thơ. Lý do thứ hai: Nhận giấy phạt của Tiểu khu để vào trại quân kỷ. Bởi vì trong đội có binh sĩ bỏ đi nhiều nhất. Trong giấy phạt có tên Chuẩn úy Quí. Định cầm giấy không biết cười hay khóc.

oOo

Thế là thắng Định trở về Cần thơ như một loài dã thú. Tóc tai dài quá ót. Quần áo bạc phếch màu bùn. Trên vai, chiếc ba-lô nặng trĩu dành cho những ngày trong trại kỷ luật. Nó đón đò máy đôi mắt nhìn phía chân trời cũ, như muốn chảy nước mắt. Nắng chói lòa một khúc sông. Trên bầu trời cao, những đám mây trắng óng mượt như bông gòn. Bất giác, Định nhớ đến bạn. Nhớ thê thiết. Đây là lần đầu tiên có một người lính trở về lẻ loi một mình. Định nghe lòng như mất một cái gì hết sức to lớn và thân yêu. Định gọi khẽ: Quí, mày có nghe tao gọi không? Mày có thấy tờ giấy phạt có ghi tên mày tên tao với lý do 2 trung đội có lính bỏ đi nhiều không? Mày có thấy mày không

được may mắn không? Nếu tờ giấy này từ Tiểu khu đến sớm thì mọi sự sẽ thay đổi một cách màu nhiệm, và dĩ nhiên tao với mày sẽ có cùng một chuyến trở về... Nặng chói lọi, giòng sông màu nước phù sa nhìn đến nhức nhối. Định không dám nhìn con sông. Định đã sợ mình rơi nước mắt khi liên tưởng một kẻ đồng hành với những lời nói tức tối, giận hờn, trách móc cuối cùng; trong máy P. RC 25: Tôi là Chuẩn úy Quí đây. Tôi đã bị bắt... Con đồ vẫn rẽ nước. Định không còn mang cảm giác nôn nao rạo rức như những lần trước kia. Đối với Định, bây giờ con đồ đang đưa nó về một bên bờ vô định. Và cuối bờ kia là một khoảng hư vô rức rở.

oOo

Gặp nhau, Định kể chuyện đã qua. Cả bốn ngậm ngùi nhớ một thằng xa vắng. Thằng khóa 24 nói: Thằng Quí đã không bao giờ mang về mảnh cá trê vàng như hắn đã hứa. Định nói nhỏ cùng mấy thằng bạn: bọn mày đừng nói với ông bố tao là tao bị nằm ấp. Ông bố Định ghen lời nghe thằng con trai kể chuyện Chiến trường. Ông bảo ông có mang một chiếc áo giáp vệ cho con. Định bùi ngùi: Bố mang làm gì cho nặng. chiến trường sinh lầy không có thể mang áo giáp được. Mang vào, làm sao mà lợi sinh. Cha con, bạn bè, cùng nhau nâng ly. Uống từ trưa đến chiều, đến tối. Uống như chưa bao giờ uống đến thế. Đêm bốc rượu, bốc men. Đêm đầy trăng sao. Nhưng đêm có một kẻ vắng bóng. Những cốc rượu uống vào, để dành

tưởng nhớ một người bạn, một người bạn không may sau ngày ngưng bắn.

Những cốc rượu uống vào để chúc mừng một thằng được may mắn bên bờ vực thẳm. Cả bọn nói năng huyền thuyên, nhắc nhở những kỷ niệm cũ. Duy chỉ có người bố già là yên lặng suốt buổi. Ông đang nhìn đứa con trai được may mắn trở về. Không ai biết ở hai khoé mắt già nua đã ngấn lệ.

oOo

Một ngày thượng tuần tháng 8, Định lại về. Đêm đó, Định và thằng khóa 11 đến nhà thằng khóa 24. Lại tìm một ngôi quán quen thuộc. Trên đường tối mập mờ ánh đèn, gió gây gây lạnh, không gian còn ẩm ướt do một cơn mưa rào vừa dứt. Thằng khóa 24 dừng cạnh một quán thuốc lá bên đường mua một bao thuốc đầu lọc. Một điều tao mời đứa con của chiến trường, bình an trở về thành phố. Que diêm bật cháy. Gương mặt xương và xạm nắng của võ dưới ánh lửa. Tiếng cười buồn. Hòa nhã mà. Hòa nhã. Cả bọn cùng cười. Định mếu máo liên tưởng đến ý nghĩa của danh từ. Phải hòa nhã. Hòa nhã vì có hòa bình vì có ngưng bắn, vì các phe cùng ngồi lại long trọng đặt bút ký, long trọng nâng cao cốc Champagne. Nhưng, ở một nơi kia, đã không thấy điều đó, vẫn chiến trường hung bạo, vẫn đánh giặc, lợi sinh, đóng đồn, làm ăn đêm. Vẫn tấn công, pháo kích, người chết, người bị thương, máu

nước mắt theo mùa mưa hòa trong tháng ngày gian khổ. Quán tối, nhạc nức nở, cô hàng tóc mun, đôi mắt tỏ than. Cả bọn kêu nhớ Saigon, thương Saigon. Cả bọn nhớ những ngày lãng mạn. Cả bọn kêu nhớ thằng Quý. Định cười : Hy vọng kỳ trao trả tù binh, nó có mặt cho vui cửa vui nhà. Những điều thuốc chuyện, nồng nàn tình bạn hữu. Đêm trôi bên ngoài. Nhưng trong này, đêm như ngừng lại, vĩnh cửu. Đêm thăm thì lời hát, tiếng dương cầm, những giọt cà-phê đen sậm. Trông Định hôm nay buồn và ít nói. Thằng khóa 24 nghĩ vậy. Ngày trước, nó vẫn thường kể lại những chuyện ở chiến trường. Còn Định nhìn gì trong bóng tối mà đôi mắt ươn ươn làm sao. Quán càng lúc càng vắng. Nhạc càng lúc càng rõ và nức nở hơn. Tất cả im lặng, lắng nghe tiếng lòng, tiếng đêm, tiếng băng khuâng của những đứa trên dưới 30... Không đứa nào nghĩ đến chiến tranh. Chiến tranh ở đâu đó, xa xôi như một cơn ác mộng. Chỉ có cơn mộng dịu dàng ru cả bọn, bất chững bất động như những pho tượng đá mà thôi.

● Buổi sáng Định kêu thêm phở Kỳ này tao phải ăn cả chục tô. Buổi sáng, lại cà-phê lại quán phở, lại tâm sự mãi mê. Cần thơ, trong cơn gió đầu mùa, như mùa thu xứ Huế. Bầu trời xám trắng, màu lông cừu, lướt thướt trên cao. Những cơn gió mạnh thổi qua, rừng lá vàng lại rụng xuống mặt đường như mưa bắc. Điều thuốc lại cảm hơi. Thành phố như một người con gái lười ủ dột. Đường

còn mờ sương. Thằng khóa 24 kể lại những lời của Lập ở Sài-gòn : « Mày sắp sửa được về Phú Đầu Rồng. Hiện giấy tờ thuyền chuyến đang còn chờ ký... Ráng mà giữ mình. » Rồi thằng khóa 24 cười : « Thằng Lập bảo kỳ này mày về Saigon mà không đãi nó một chầu rượu chết bỏ, nó sẽ chửi mày »... Định cười : « Hòa nhả... » Cả bọn cùng cười. Định lại nói tiếp : « Tao sắp đi phép thường niên rồi. Chừng vài ngày nữa thôi ». Nụ cười hớn hở, đôi mắt vui... Thế rồi, hẳn nhờ thằng khóa 11 bỏ giùm mấy lá thư cho người yêu ». « Rán giúp giùm tao. Ưu tiên đấy. » Định nheo mắt như trao niềm vui thầm kín.

Rồi Định quay lại hỏi thằng khóa 24 :

— Viết thêm một truyện mới nào không ?

Thằng 24 gật gật đầu, hút thêm một hơi thuốc lá :

— Tao mới thai nghén một truyện. Nhan đề là «Sao chồi».

Định cười đùa :

— Tên gì nghe dữ dội.

— Nhưng tao rất bằng lòng.

— Mày viết về gì ?

— Tao viết về chuyện những ngôi tháp Chăm. Ngày trước, đơn vị tao đóng trên đồi có những ngọn Tháp Chăm. Suốt mấy năm, tao gần gũi và chứng kiến nhiều cảnh đau buồn xảy ra. Tao mô tả một đứa con của chiến trường, mang sẵn một niềm tin

tuyệt đối, hay nói khác hơn, tìm thấy Thượng-đế ở ngọn Tháp... Nhưng, càng lúc hần càng thấy bao cảnh ô uế, bần thiêu xảy ra ở nơi chốn thiêng liêng và càng lúc hần càng suy nghiệm ra những điều mà từ bé hần chưa hề ý thức. Đó là luật nhân quả. Đó là cái buổi tàn cuộc trên một đất nước mà nền văn minh khí giới đổ xuống những trận động đất khủng khiếp nhất địa cầu.

Đó là chủ đề của tác phẩm...

— Được đấy. Chừng nào ra mắt?

— Không biết chừng nào. Bây giờ văn chương chỉ đòi hỏi những thứ khác... Như hiện tượng sách dịch, như hiện tượng rong chơi, như hiện tượng tình yêu tuyệt vời kiểu Roméo Juliette... Viết đã là một cực hình, nhưng ra mắt quả là một hình phạt...

Định cười vỗ vai thằng khóa 24 :

— Yên chí. Chừng nào đòi về Saigon, tao sẽ lo cho mày.

— Dĩ nhiên, nếu mày không lo, thì tao sẽ không bao giờ nhìn mặt mày đâu...

— Hòa nhã mà...

Thằng khóa 24 nói tiếp :

— Tao muốn mô tả một đơn vị quây quần cùng ngọn tháp, như người con bên cha mẹ. Và cuối cùng...

— Cuối cùng, cả đơn vị chỉ còn lại cái di tích đau đớn ấy. Đám con kia đã xuống đời hết ráo...

— Không. Chỉ còn một đứa. Hần sẽ còn lại đến tháp để khóc cùng tháp, như một kẻ cuối cùng của buổi tận thế.

Thằng khóa 11 thêm

— Mày phải thêm vào những buổi nhậu đông đủ có thằng Quí, thằng Định, tao mày, thằng Nhân... Rồi cuối cùng thằng Quí bị bắt sống...

— Nhứt là những thằng có mặt sau ngày ngưng bắn đang ngóng đợi Tin Mừng...

— Vâng. Tao sẽ thêm vào tất cả. Nhà văn là ông Vua mà...

Cả bọn cùng cười. Thằng khóa 24 chợt đứng dậy gấp rút :

— Đợi một lát. Có một truyện tao viết dành riêng cho thằng Định tao mang đến bây giờ.

Rồi thằng khóa 24 hấp tấp lên xe về nhà. «Người trở về» là đầu đề mà hần đã viết xong cách đây hai ba tuần, sau khi Quí bị bắt, và Định trở về thành phố báo tin hần bị nằm trong trại kỷ luật. Thằng khóa 24 đã viết về tình bạn thăm thiết giữa Quí và Định cũng như hần và thằng khóa 11, với những cuộc nhậu ngật trời và với cái định-mệnh của tuổi trẻ sau ngày gọi là hòa bình ngưng bắn. Thằng khóa 24 viết sau cái đêm rượu đầy trên bao lơn thằng Không quân và hần khóc khi nghĩ đến một thằng vắng mặt. Năm phút sau, thằng khóa 24 mang truyện đến. 8 tờ giấy đầy chữ đánh máy. Trên hết đề :

NGƯỜI TRỞ VỀ

Tặng Định

Định nhận truyện, rưng rưng xúc động. Hần âu yếm đọc một mạch, và càng đọc, gương mặt hần càng

đắm chìm trong một nỗi buồn không nói nên lời. Truyện đã nhắc hẳn trở lại cùng những ngày tháng cũ, cùng những buổi rượu nồng, cùng cái tên một thành phố được coi là định mệnh, cùng thằng Quý... Buổi sáng đã tắm những ngọn nắng đầu tiên. Nhưng mặt đường vẫn còn đầy lá vàng, và mỗi cơn gió thổi qua là một trận lá lại cuốn là là trên mặt nhựa.

Thế rồi, Định lại từ già. Khác với mọi lần, Định có vẻ buồn. Một vẻ buồn từ hai con mắt, từ cái dáng cao lêu nghêu, từ bộ quần áo trận màu xanh bạc từ cái cổ áo đã sờn, từ chiếc đầu tóc dài như dã thú, từ đôi giày bố bê bết bùn. Con đường vắng, những ô xi-măng tiếp tục đan nhau, những thân cây tiếp tục cúi đầu, và Định bước, đầu cúi xuống, đôi vai, như khom lại, chịu đựng như một người lữ hành cô đơn.

oOo

3 giờ trưa ngày 22-8, một cú điện thoại ngăn ngủi gọi thằng khóa 11. *Chuẩn-úy Định chết. Xác nằm trong nhà Vĩnh biệt.* Thằng khóa 11 la lớn đôi mắt sững sờ. Rồi hẳn báo tin cho thằng khóa 24. Thằng khóa 24 nghe nhói mạnh trong lồng ngực, như một khối đá tảng búa nặng xuống con tim mình. Bàng hoàng như kẻ không bao giờ nghĩ cái chuyện đó xảy ra mà vẫn xảy ra, thằng 24 hỏi lại một lần nữa: Chắc thằng Định không? Thằng 11

hốt hải: Đi với tao xuống nhà Vĩnh biệt. Coi thử phải thằng Định không. Hai đứa đeo nhau bằng Honda. Thằng 24 ngồi ở sau, ôm tim ôm ngực. Càng lúc, hẳn càng cảm thấy cay đắng. Trời tuy chớm thu, nhưng rõ ràng thằng 24 nghe cả châu thân nổi da gà. Ngực càng nặng chùng, những cơn đau nhói chặn lấy cả nhịp thở. Xe cũ nên chạy chậm. Đẳng sau, thằng 24 cứ nói: Không thể nào như thế. Tao không tin có chuyện đau đớn như vậy. Mới đây, điện thoại từ Sài Gòn xuống báo tin giấy tờ chuyển chuyển về Sài Gòn đã được ký. Chỉ còn vài ngày nữa là thằng Định có tin mừng... Giọng thằng khóa 11 sững lẹ: Tao cũng tin vậy. Hy vọng không phải...

Xe gần đến nhà Vĩnh biệt, trời đang nắng bỗng nổi một trận mưa giông. Hai đứa dầm dề run rẩy. Xe qua Nghĩa trang quân đội. Một hàng hàng lớp lớp bạt trùng, với những hàng thánh giá trơ trọi. Xe đến cửa nhà xác. Hai thằng cuống cuống chạy vào. Thằng khóa 24 chạy lại hai quan tài tìm tên tuổi. Không phải Định. Thằng khóa 11 tìm người gác. Thừa ông, có xác nào mang tên Chuẩn úy Định không? Ông gác gật đầu: Có. Thế thôi. Chỉ có một tiếng. Là một đời vĩnh biệt. Là một cơn mộng phũ phàng hung bạo. Thằng khóa 24 nhìn thằng khóa 11. Bên tai, tiếng hỏi của lão gác cửa: Hai Thầy là gì của Chuẩn úy Định?

— Bạn. Bạn thân.

Rồi thằng 24 dục:

— Ông làm ơn dẫn chúng tôi đến nhìn mặt bạn chúng tôi đi...

Phòng lạnh. Những ngăn hòm vĩ đại. Số 19. Người lính kéo ngăn. Định nằm ngủ. Hân nằm ngủ thật đẹp, thật dễ thương như một thiên thần. Gương mặt xạm, đầy xương, đôi mắt nhắm. Thân thể trần, chỉ có mỗi một chiếc quần đùi màu oliu. Trên ngực, 5, 6 vết thủng bầm tím. Miệng mìn. Thằng khóa 24 rơm rớm nước mắt, thằng khóa 11 đôi mắt đỏ hoe. Chúng đã thấy rõ kể từ giờ phút này Định đã mất, mất hẳn. Định đã xa, mà dù có một phép màu to tát của Thượng-đế, Định vẫn không thể mở đôi mắt, nở lại nụ cười đẹp trên chiếc cằm xương kia nữa.

Mưa vẫn tiếp tục rơi ngoài nhà Vinh biệt. Bên trong này, không còn nghe thấy một tiếng động nào khác, trừ tiếng nói đầy thương tiếc của người giữ nhà xác :

— Tội nghiệp cho ông. Tôi nghe những người lính bạn ông nói với nhau rằng đơn vị của ông đã nhận được công điện bảo ông về trình diện Sài-gòn. Lúc ấy đơn vị ông đang bị địch tấn công và ông bị mìn. Trận này còn có một chuẩn úy khác tử trận.

— Ai thế ông ?

— Chuẩn úy Lộc. Chuẩn úy Vinh Lộc.

Thằng 11 la lên :

— Vâng, tôi biết.

Và nó quay sang bạn :

— Lộc cùng học VH với thằng Định, cùng lấy Cử nhân, cùng chọn một đơn vị. Lộc là cây bút nổi tiếng của VH.

Thằng 11 dục ông gác nhà Vinh biệt cho nó thấy mặt Lộc. Ngăn lại được kéo. Một con mắt bị móc. Tim bị móc. Cả hai choáng váng muốn ngã quỵ. Tóc gáy dựng ngược, mồ hôi toát lạnh. Thằng 24 thở hồn hèn, vừa ôm ngực vừa lết ra ngoài phòng lạnh. Chiến tranh là thế đó. Tội ác, chỉ có tội ác ngập lụt từ mọi nơi, mọi chốn. Không thể ngờ một người Việt đối với một người Việt mà như thế được...

— Tao không hiểu nổi Tiến ơi...

Thằng 24 rên rì, mắt nhòa lệ. Thằng 11 lắc đầu, nhìn sững ra ngoài sân :

— Cái chết của Định như cái chết của tên lính vào giờ thứ 25.

— Không giờ thứ 27.

Thằng 24 mếu máo : Khi hẳn ra trường, hẳn ngỡ đã «hòa nhã» vì người ta đã ký bản ngưng bắn. Sau đó, đến bản Thông cáo chung. Rồi bây giờ...

Mưa tự dừng tạnh. Hai thằng ra về. Không thằng nào nói với nhau một lời. Mỗi thằng chỉ còn thấy một thi thể trần truồng, một gương mặt im lìm, một đôi mắt khép trong ngăn kéo của phòng lạnh.

Và đêm đó, hai thằng đi tìm rượu. Ngồi tại một quán cóc, hai thằng còn lại nốc hết cốc rượu để này đến cốc

rượu để khác. Men rượu hòa nhập cùng cơn buồn khủng khiếp, bóng hai thằng lom khom in trên mặt đường. Thành phố vẫn rộn ràng xe cộ vẫn náo nhiệt, thị dân vẫn nhàn rỗi dạo chơi. Thằng 24 đã uống nhiều hơn mọi bạn, lệ nóng theo từng hớp để nồng, cồ đắng, nhưng rõ ràng nó không say. Càng uống, nó càng thấy cái dáng cao lêu khêu, bộ quần áo trập bạc màu, đầu tóc dài như đã thụt từ từ mất dần trên con đường đầy những lá vàng.

Ngày mai, ông bố Định xuống Cần thơ vào buổi trưa. Gặp thằng 24 ở nhà xác, ông vẫn bắt tay bình tĩnh. Thằng 24 dẫn ông vào phòng lạnh. Người phụ trách lại mở ngăn kéo số 19. Thằng 24 nhìn ông già khóc òa. Nhưng người cha bất hạnh ấy không khóc không gào, mà đứng lặng, nhìn mấy vết thương tí ti bầm tím trên ngực con, rồi ngậm ngùi: Sao con lại không chịu mang áo giáp ?

TRẦN HOÀI THU

**hãy
hút...**



BASTOS

TRẦN



ĐẦU LOC
tuyệt hảo

VỌNG ÂM

Thơ TẠ TỰ

Bỗng dưng gió đổi hướng trời

Lãng du ngày cũ trong tôi hiện về

Hồn hoang rối loạn cơn mê

Rượu gây tưởng nhớ, môi tê nét cười

Vào say, chợt nhớ đến người

Thả dong tâm sự giữa mười ngón tay

Hờ ơi, những khiếp lưu đây

Phương nào hoa nở, phương này lá rơi

Người tình hồi, bạn bè ơi !

Gió lên, có thấy cõi đời buồn không ?...

Nguồn yêu rời bỏ nơi lòng

Từ khi tuổi tóc thôi lồng nụ hôn

Quay lưng mắt khép tủi hờn

Giã từ vai nhỏ xuôi dòng viễn khơi

Thời gian đập vỡ cuộc chơi

Mây che nửa mặt, rã rời trầm tư

Người tình đấy, bạn bè ư ?

Ngó nhau khoảnh khắc cũng dư đó mà

Lời nào dứt nỗi giọng ca

Đáy sâu tam thức mủi lòng vọng âm !...

T A O N

Thơ TR THẦN TUỆ MAI

Ru mình trong giấc Quê Hương
thấy tôi sống giữa tình thương giống nòi.

Thấy anh như hạt nắng tươi
gọi muôn chim hát tụng trời Việt nam.
thấy anh rắc cánh hoa thơm
điềm tô Đất Mẹ : chốn thương nhiệm mầu
(ôi vùng đất mẹ khổ đau
chuỗi qua là cả chuỗi sầu tử sinh
nuôi con thiếu chất ngọt lành
nuôi con trong những đấu tranh nhọc nhằn
bốn ngàn năm trải khó khăn
máu xương từng đợt đuổi ngăn ngoại cường).

Ru mình trong giấc Đông Phương
thấy tôi sống với yêu thương bạn bè.

Thấy anh như suối vỗ về
yêu người lớn giữa tình quê hiền hòa.

Nắng mưa lòng vẫn ươm hoa
tạ ơn Đất Mẹ Quê Cha sinh thành
dạy cho gìn giữ tâm lành
dạy cho đẹp nghĩa đấu tranh sinh tồn.

Tóc tơ này cũng tạ ơn
giấc hoa vàng nở cung đàn đồng tâm

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH: 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghị SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xò-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xò-số
- 4% mỗi năm : để xò-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :



- Từ 14% đến 28%.

Chuyện trong tháng...

● THU HIPPIY

Saigon, một ngày cuối thu

Thưa các Cụ,

Như em đã thuyết trình với các Cụ lần trước, cái labô của bà cô em hồi này đang đậm chân tại chỗ, nghĩa là làm việc cầm chừng. Vì vậy, con Thảo Gàn bạn em, làm ở Phòng Giao tế nhân sự và quảng cáo, nó đấu láo lu bù suốt ngày. Lúc nào em rảnh là em nhào tới với nó liền, vui như Tết ý các Cụ ơi, đầy đủ tin tức, rất nhiều đề tài, nếu lại có con nhỏ nào có sáng kiến mang theo một gói cóc dầm nũa cho cả đảng vừa đấu vừa nhai gau gấu thì coi như buổi hội thảo có kết quả hoàn toàn mỹ mãn.

Hôm nay, nhân tiện bà già em sai đi đóng tiền hội, em đi vội đi vàng cho xong rồi tới trình diện Thảo Gàn liền. Nó đang ngồi hoa chân múa tay với 2 con nhỏ nũa, coi bộ cũng lễ phép, ngoan ngoãn nhưng thoáng nhìn biết ngay mức độ cù lẩn trong máu tụi nó cũng khá cao. Sau khi Thảo Gàn đi một đường giới thiệu 2 con nhỏ, một con tên Huệ, một con tên Cúc, cùng làm ở Labô, bên phòng phát lương, em hỏi: «Đang thảo luận đề tài gì vậy mày?» — Thảo Gàn đáp: «Đang chửi bới vùng vít. Mày có đọc báo chuyện anh dân biểu nào anh ấy vào thăm bà con họ hàng làng nước gì một tí ở một bệnh viện, rồi về anh ấy bôi đen người ta như máy không?» Em vội cắt ngang: «Chắc cũng đen ông mấy sơn màu đen chứ? ông mất công sơn đen dây cả sơn đen ra tay mà mày còn nói xàm nũa». Thảo Gàn cãi: «Nếu vậy còn nói gì, nhưng con Huệ này nó có thắng anh rề làm ở đồn canh bệnh viện ấy, thắng anh nó là Thượng-sĩ nhất lặn mày ơi, con nhỏ này coi vậy mà gốc lớn lắm.



Con Thảo nó hay thắc mắc nhiều cái ầm ớ lắm các cụ ời. Như hôm nọ, nó lăm cầm mang chuyện có tờ báo họ phân nân các chủ tiệm cầm đồ bình dân bóc lột đồng bào, nhà nước cho lời 3 phần trăm mà cứ nhất định ăn nhiều phần hơn số phần nhà nước cho, có tiệm đóp 6 phần trăm lận, làm má em nghe, bả buồn thiu. Chả nhà em có một tiệm cầm đồ bình dân, tiệm cầm đồ này bân lu bù tối ngày

gạo, xăng lên giá ào ào, nên chút chút có chuyện gì bất thường cần chi địa là chỉ có cách cầm đồ. Cầm đồng hồ, cầm nhẫn cưới, cầm radio, cầm xể thì thường quá rồi, hôm kia có một bà cần tiền đong gạo vì ông chồng thất nghiệp đã ba tháng nay, cả nhà chả còn cái gì mà cầm nữa, nên bà khóc sụt sụt đòi cầm đũa con gái lên ba tuổi bả còn bế trên tay. Má em nghe mà sững sờ — Ôi, đồng bào tôi ! — và biểu bả ba bò về mua bánh mì ăn tạm vậy, chứ ai mà cầm con nít bao giờ. Má em vậy các Cụ ời, má em thương người lắm, má em mở tiệm cầm đồ với một tinh thần bác ái, lấy lời vừa phải, để giúp cho người ta những lúc kẹt tiền. Nghe có vẻ khôi hài, phải không các Cụ ? Cụ nào khó tính dám đập bàn nôi con thịnh nộ : « Con nhỏ này này đúng là mẹ hát con khen hay ! Cầm đồ bình dân mà dám nói đến tinh thần bác ái !

Phần nào thôi, phần nào thôi, Thu l»

Ba má em còn cho thuê xích lô, ba chục cái xích lô mí lý 2 chục cái taxi. Nhưng taxi hồi này năm ụ mất mười mấy cái, xăng nắc quá, đồng bào thì kẹt tiền ít có ai đi taxi, mà cứ chạy vòng vòng xe không đón khứa thì tiền đâu mà trả tiền xăng ? Cho nên họ trả lại taxi gần hết, má em gọi bán nhưng cũng chả có ma nào mua, xe cũ quá đóp xăng như người ta nhậu la-de ai rước về làm chi ? Chỉ có xích-lô bi giờ thì lại nhiều người mượn, nhiều người mượn thôi chứ đạp xích-lô kiếm cũng chả bằng nửa ngày trước, đồng bào thân mến hồi này chề tất cả các thứ xe kể cả xe ôm, nhất định tập dượt đi bộ, chắc để sửa soạn cho Thể-vận-hội kỳ tới, cương quyết mang huy chương vàng về môn nhịn đói đi bộ về cho Việt-nam ta.

Khứa mượn xích-lô để chạy mỗi ngày một nhiều vì lẽ không phải xuất vốn đồ xăng, chỉ cần có khúc bánh mì coi như xăng đặc đổ vào cái bao tử dễ tính nhất thế giới là cái bao tử của dân mít. Nếu không sớm có dầu hỏa đề. Nước mình giàu có linh đình theo như những nhà kinh tế yêu quý trừ tính thì một ngày kia, đạp xích-lô sẽ trở thành một nghề

và con ghế tụi em khi đó kén chồng sẽ ưu tiên lựa kếp nào có cái bắp chân to bằng bắp chuối, với rất nhiều gân xanh gân vàng chạy lằng nhằng bay bướm.

Cũng vì má em mở tiệm cầm đồ mí lý cho thuê taxi và xích lô mà chuyện

em với thằng Hoàng không đi đến đâu. Thằng này là kếp em, sinh-viên Quân-y, tục danh Hoàng-Tiểu-Bảo đẹp trai nhà giàu, học giỏi, nhưng hơi dãn. Một hôm nó ngỏ ý mời em đến nhà nó ăn cơm để nó giới thiệu với gia đình và cần thận dặn em : « Toa nhớ nói ba má toa làm nghề xuất nhập cảng, đừng nói mở tiệm cầm đồ và cho thuê xích lô, nghe không được lịch sự ». Thế là em nổi cơn tam bành, em mình định lập trường : « Toa với moa chỉ là bạn mí nhau, việc gì moa phải nói dối ? Moa bãnh diện vì nghề của ba má moa, toa cho là xấu thì toa có quyền đi chỗ khác chơi. Moa nghĩ : Hơn nhau chỉ ở chỗ dám ngẩng mặt nhìn đời mà không thẹn thùng, chứ còn ăn thua gì vài miếng dính chung mí lì một chút hư danh ? »

Em thuyết trình rất ly kỳ, một phần vì hôm đó cùng đi với Hoàng Tiểu-Bảo có thằng đồ đệ mặt đen của nó. Em biết thằng mặt đen này, sau lưng em, vưỡn gọi em là Thu « Xích-lô » nhưng trước mặt em thì nó sợ một phép, một điều : « Thừa chị », hai điều « Thừa chị », nên em muốn nhân tiện dãn mặt nó một chút. Dãn mặt một chút thôi, với mục đích giáo dục phổ thông, chứ em thương nó vì nó còn trẻ người non dạ, chưa biết điều hay lẽ thiệt.

Ôi, chuyện « tạp lục » muôn thuở. Em có thể nói suốt ngày không hết, nhưng thôi để hôm khác, hôm nay em làm mất nhiều thời giờ của các Cự quá rồi.

Xin chào tạm biệt.

THU HIPPY

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Nguyệt san Minh Đức

Bách khoa đã nhận được Nguyệt san Minh Đức từ số ra mắt (tháng 6 và 7/72) đến số 7 (tháng 8-9-73) Mỗi số nhằm một chủ đề. Số 1 và 2 : Phát triển và Giáo dục ; Số 3 Phát triển và Y-tế ; Số 4 : Phát triển Công lý và Hòa bình ; Số 5 : Phát triển và Cần lao ; Số 6 : Phát triển và Canh nông ; Số 7 : Phát triển và Kinh tế. Mỗi số, ngoài chủ đề

nêu trên, còn có mục thường-xuyên về : «Diễn đàn phát triển văn hóa»

Nguyệt san Minh Đức của Viện Đại-học Minh Đức Saigon do L.M : Bùi Quang Diệm làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút L.M. Trần Hữu Thanh Quản lý và G.s. Nguyễn Đăng Trúc Tổng Thư ký, mỗi số dày từ 200 đến 240 trang, giá 200đ (số 7 dày 260 trang, giá 250đ) gồm nhiều bài biên khảo nghị luận công phu và giá trị của nhiều cây bút tên tuổi.

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



CAPSTAN điều dài đầu lọc

Cuộc chiến Tam quốc Trung-Đông và hai ông thầy Nga, Mỹ.

**Dư âm chiến thắng
48, 56 và 67**

Ngày 14/5/1948 quốc gia Do-Thái ra đời và chỉ vài giờ sau khi tuyên cáo thì quân đội các nước Ai Cập, Jordanie, Si-Ri, Ly-băng, I-Rắc và các đơn vị Ả-Rập Séoudite từ phía ào ạt tràn vào tấn công nước Do-Thái bé nhỏ. Nhưng chỉ trong một thời gian ngắn ngui quân đội Do-Thái đã thắng tất cả quân đội các nước xung quanh.

Ngày 29-10-1956, lấy cớ Ai Cập chuẩn bị xâm lăng, Do-Thái xua quân tấn công bán đảo Sinai. Vài ngày sau vì tiếc rẻ quyền lợi tại kinh Suez mới bị Ai Cập quốc-hữu-hóa, Anh và Pháp công khai giúp Do-Thái trong cuộc chiến này. Sau một trăm giờ tấn công, Do-Thái chiếm thêm được giải đất Gaza ở phía Nam, rồi phải ngừng bắn theo lệnh Liên-Hiệp-Quốc.

Cuối tháng 5 năm 1967 Ai Cập chiếm giải Gaza và phong tỏa vịnh Aqaba không cho tàu bè Do Thái qua lại. Ngày 5-6-1967 Do-Thái bất thần mở cuộc tấn công đại quy mô vào Ai Cập, Si Ri, và Jordanie. Chỉ sáu ngày sau Do-Thái đã chiếm trọn vẹn bán đảo Sinai của Ai Cập, Cao nguyên Golan của Si-Ri và miền Tây ngạn sông Jourdain của Jordanie.

Qua ba trận tốc chiến tốc thắng

kề trên, thế giới — ngay cả người Ả Rập—đều thăm thán phục quân đội Do Thái. Người ta cho rằng không bao giờ phe Ả-Rập dám tấn công Do-Thái nữa. Nhất là người Do Thái tự cho mình là bách thắng trước người Ả Rập nên đã coi thường kẻ thù. Và cuộc tấn công Do-Thái ngày 6-10-1973 đã đem lại nhiều bất ngờ cho cả người Do Thái lẫn các quan sát viên quốc tế.

**Mười bảy ngày,
hai thành đánh một...**

Xế trưa thứ bảy 6-10-73, trong lúc toàn dân Do Thái nghỉ việc để tham dự lễ Kippour, ngày lễ trọng đại nhất của người Do Thái, thì quân đội Si Ri và Ai Cập đã đồng loạt, mở hai mặt trận tấn công vào những vùng Do Thái chiếm đóng.

Trên mặt Bắc quân đội Si Ri tung ra khoảng 6 sư đoàn lữ 100.000 binh sĩ và khoảng 1400 chiến xa tràn lên Cao nguyên Golan. Nhiều căn cứ Do Thái tại đây đã thất thủ trước lối đánh biên người của Si Ri.

Tại phía Nam, Ai Cập huy động khoảng 120.000 binh sĩ, 2000 chiến xa và 700 phi cơ tấn công suốt dọc kênh Suez. Quân Ai Cập dùng cầu nổi bắc qua kênh tại nhiều điểm, cho thiết giáp tràn qua Đông ngạn.

Với khí thế dũng mãnh lúc đầu quân Ai Cập đã tiến sâu qua phía

Đông kênh Suêz từ 10 tới 15 cây số. Chiến tuyến Barlev, một chiến tuyến kiên cố của Do Thái bên Đông ngạn kinh cũng lọt vào tay quân Ai Cập. Thiết đoàn 190 kỵ binh Do Thái không chịu nổi vũ khí chống chiến xa dồi dào và tối tân của Ai Cập nên đã tan rã hoàn toàn. Đại tá Chỉ huy trưởng Assaf Yakouri bị bắt sống và đưa lên truyền hình Ai Cập ngay tối hôm thất trận. Tướng Do Thái Abraham Mender cũng tử thương trên chiến trường Sinai mà quân Do Thái vẫn không thể đẩy lui được quân đội Ai Cập,

Nhiều người cho rằng cuộc tấn công của phe Ả Rập được phát động hoàn toàn bất ngờ nên đã đạt được nhiều thắng lợi lúc đầu khiến Do Thái trở tay không kịp. Kế hoạch tấn công Golan và Suez được các cấp quân sự Ả Rập giữ bí mật tuyệt đối. Binh sĩ Ai Cập được học tập trên sa bàn tháng này qua tháng khác các cách vượt sông, nhưng Do Thái vẫn không ngờ Ai Cập dám tấn công.

Về phía Do Thái họ không cho rằng họ bị đánh bất ngờ mà họ biết trước việc đó. Bốn giờ đồng hồ sau khi cuộc tấn công xảy ra, Thủ tướng Golda Meir, trong một tuyên cáo với quốc dân, đã nói :

«Những kẻ thù của chúng ta đã tưởng nhân ngày lễ Kippour nhân dân ta lo cầu nguyện mà quên chiến đấu. Họ đã lầm. Chúng ta không hề bị đánh bất ngờ. Trong nhiều ngày nay các cơ quan tình báo đã biết kẻ thù của chúng ta đang chuẩn bị tấn

công nhưng chúng ta chỉ kêu gọi chính giới lưu ý vấn đề này mà chúng ta không tấn công trước. Đề phòng mọi bất chắc tôi đã triệu tập Hội đồng nội các họp khẩn ngay trong ngày lễ Kippour và cuộc họp đang dang dở thì địch mở cuộc tấn công».

Do Thái đã biết trước như vậy sao không thể chống đỡ nổi. Vì Do Thái đã quá coi thường sức chiến đấu của quân sĩ Ả Rập, đã quá khinh địch. Mặc khác Do Thái đã không thể đẩy lui được quân Ai vì hai ưu điểm của Do Thái là không quân và chiến xa đều bị các vũ khí tối tân của phe Ả Rập chặn lại.

Trong 4 ngày đầu của cuộc chiến Do Thái đã mất một phần tư số phi cơ phóng pháo khu trục vì hỏa tiễn SAM 6 của địch quân. Số chiến xa tung ra trận của đôi bên cũng lớn lao và những trận xa chiến giữa Ai Cập và Do Thái được mô tả như những trận xa chiến lớn nhất trong lịch sử chiến tranh. Thật vậy, nếu so với trận xa chiến tại El Alamein (Ai Cập) năm 1942 thì số chiến xa dự trận năm 1973 nhiều gấp bội và với những hỏa tiễn mới mẻ, tối tân.

Cùng một lúc kháng cự tại hai mặt trận, Do Thái đã mở những cuộc oanh tạc vào thủ đô Damas của Si Ri và nhiều thành phố Ai Cập trong khi không quân Ả Rập không thể tới oanh tạc lãnh thổ Do Thái. Tuy nhiên những cuộc dội bom cũng chỉ là để yểm trợ tinh thần chứ không thể làm cho Si Ri và Ai Cập nao

núng. Ván bài quyết định vẫn là những cuộc tiến quân chiếm đóng lãnh thổ đối phương.

Mở đầu cho cuộc phản công, chiều ngày 10/10 Do Thái tập trung một lực lượng chiến xa hùng hậu vượt Cao nguyên Golan tiến sâu vào lãnh thổ Si Ri trên đường đi Damas. Quân Do Thái tiến như vũ bão tới gần thủ đô Si Ri, trong vài ngày chỉ còn cách thủ đô Si Ri khoảng 30 cây số và từ đó có thể bắn trọng pháo vào Damas. Quân đội I Rắc tới tăng cường cho Si Ri đã bị Do Thái đánh tan tác ngay trong ngày đầu đụng độ. Chiều 16/10, chính Tổng Thống Hafaz Assad đã phải công nhận Do Thái phá vỡ nhiều tuyến phòng thủ của Si Ri.

Tại mặt trận Suez, Do Thái không thể đẩy lui được những vị trí mà Ai Cập chiếm đóng tại Sinai nên phải táo bạo quyết định huy động một lực lượng đặc nhiệm gồm 15.000 người và 350 chiến xa vượt kênh Suez ở phía Nam đánh vào lãnh thổ Ai Cập. Lực lượng này đã tiêu diệt hầu hết các dàn hỏa tiễn SAM của Ai Cập và tiến sâu vào lãnh thổ Ai phía Tây ngạn kênh Suez hơn 20 cây số. Khi các dàn hỏa tiễn Ai Cập bị phá hủy rồi, không quân Do Thái lại làm chủ không phận. Lực lượng Do Thái bắt đầu tung hoành bên Tây ngạn Suez, lần lượt quân Do Thái đã chiếm tới trên 60 cây số trong 160 cây số bề dài theo Tây ngạn. Do Thái cũng chiếm lại hai phi trường Fayid và Abu Suweir gần hải cảng Suez và bao vây Ismailia.

Nếu cuộc chiến Trung Đông có những trận ác chiến nhất trong lịch sử chiến tranh thì cũng phải kể tới những nước giúp đỡ vũ khí cho hai bên để những cuộc chiến trở nên ác chiến.

Chỉ năm ngày sau, khi chiến tranh bùng nổ, Nga sô đã lập một cầu không vận tiếp tế chiến cụ cho phe Ả Rập. Hoa Kỳ cũng lập không vận 9 ngày sau khi cuộc chiến bắt đầu. Người ta cho rằng hai cầu không vận này được kể như lớn nhất trong lịch sử không vận từ trước tới nay. Phía Nga trên 10 ngàn tấn vũ khí được chở tới Ai Cập và Si Ri bằng những phi cơ không lồ trong đó có phản lực cơ AN 22. Phía Mỹ cũng chuyên chở tới Do Thái một số chiến cụ tương đương trên các phản lực cơ không lồ C-5A Galaxy. Chiến cụ của hai phe chở tới gồm đủ loại: phản lực cơ, chiến xa, hỏa tiễn.

Sau 17 ngày giao chiến, ngày thứ hai 22-10 cả hai phe Ai Cập và Do Thái đều tuyên bố chấp thuận đề nghị ngưng bắn của Liên Hiệp Quốc. Nhưng chỉ ít giờ sau hai bên lại tấn công lẫn nhau hòng chiếm thêm một vài ưu thế. Liên Hiệp Quốc ra một quyết nghị ngưng bắn lần thứ hai. Và lần này cả ba phe Ai Cập, Si Ri và Do Thái đều chấp thuận.

Một cuộc ngưng bắn da beo được thực hiện. Ai Cập chiếm lại được một giải đất khoảng 10 tới 15 cây số bên Đông ngạn kênh Suez, nhưng bị Do Thái chiếm một giải đất bên Tây ngạn mà trước ngày bùng nổ chiến

tranh còn thuộc về Ai Cập. Phía Si Ri không chiếm giữ được Cao Nguyên Golan mà họ đã chiếm trong mấy ngày đầu, lại còn bị Do Thái chiếm thêm một dải đất dài trên đường từ Golan dẫn tới gần thủ đô Damas nữa.

Sau lệnh ngưng chiến, Do Thái rửa được cái nhục những ngày thất trận bằng hai việc có ý nghĩa. Việc thứ nhất Do Thái đồng ý cử một viên tướng gặp gỡ tướng Ai Cập để thảo luận thực thi ngưng bắn, nhưng gặp nhau trên phần đất Ai Cập do lực lượng đặc nhiệm Do Thái đang chiếm đóng. Việc thứ hai là Do Thái chấp thuận cho 100 xe của Ai Cập, do tài xế Liên Hiệp Quốc lái, được đi qua vùng Do Thái chiếm đóng để tiếp tế cho 20.000 quân sĩ thuộc quân đoàn 3 của Ai Cập bị Do Thái bao vây đói khát từ nhiều ngày nay.

Hậu thuẫn, thực lực và tổn thất đôi bên

Cuộc chiến tranh Trung Đông 1973 do Ai Cập và Si Ri phát khởi là một cuộc chiến tranh phục hận, phục hận không riêng gì cho hai nước có đất đai bị Do Thái chiếm mà phục hận tinh thần cho cả thế giới Ả Rập. Từ ba cuộc thất trận trước đây, phe Ai Cập ngày đêm nuôi chí phục thù. Vì vậy khi Ai Cập và Si Ri nổ súng tấn công hầu như cả thế giới Ả Rập đồng loạt ủng hộ hai nước này dù rằng sự ủng hộ của họ phần nhiều chỉ bằng thông cáo.

Tuy có một số quốc gia gửi quân giúp đỡ Ai Cập, Si Ri, nhưng không thấm thía vào đâu và không vì thế mà làm mất thăng bằng cán cân lực lượng giữa hai phe lâm chiến.

Vào cuối tuần lễ thứ nhất khi Do Thái tràn qua Si Ri, thì I Rắc mới gửi một số quân thiết kỵ đông đảo giúp Si Ri nhưng bị đánh tan ngay. Jordanie, một nước Ả Rập có quân đội thiện chiến, có một biên giới chung với Do Thái dài nhất, nếu mở một mặt trận thứ ba đánh ngang hông Do Thái sẽ gây nhiều khó khăn cho nước này. Nhưng Jordanie đã không làm vậy mà cũng chờ đợi nhiều ngày sau cuộc chiến mới gửi một số quân tượng trưng tới chiến đấu bên cạnh quân lực Si Ri.

Maroc có 500 binh sĩ đồn trú tại vùng Golan từ trước khi cuộc chiến bùng nổ và gửi thêm 3000 quân nữa sau khi chiến tranh xảy ra nhưng cũng không được thành tích nào đáng kể. Những nước Ả Rập Séoudite, Tunisie, yểm trợ số quân không tới 1000 người, Algérie ủng hộ bằng vài chuyến bay vận tải.

Quốc vương Fayçal của Ả Rập Séoudite là vị lãnh tụ có tín nhiệm của khối Ả Rập, cụ thể hơn và hành động như phong thái một nhà tư bản, khi biểu không Tổng Thống Ai 500 triệu Mỹ kim để chi dùng vào cuộc chiến.

Xa xa một vài nước Phi Châu hay Á Châu theo Hồi giáo và kể cả Ấn Độ theo Ấn giáo cũng ủng hộ khối Ả Rập bằng những lời tuyên bố hay những cuộc biểu tình đập phá nhỏ.

Một số quốc gia khác như Công Gô (nay đổi quốc hiệu là Zaire) chẳng hạn cắt đứt bang giao với Do Thái nâng tổng số những nước đoạn giao với Do Thái lên khoảng 10 nước.

Duy chỉ có một người Ả Rập hung hăng nhất, luôn luôn hô hào tiêu diệt Do Thái là Tổng Thống Gaddafi của Libye thì lại chẳng làm gì để giúp đỡ đồng minh của ông suốt từ khi cuộc chiến phát khởi cho tới khi ngưng chiến.

Nước Pháp là nước vì quyền lợi tại kênh Suez nên đã triệt để bênh vực Do Thái trong cuộc chiến năm 1956 thì nay lại ngả sang phe Ả Rập. Tại thủ đô Pháp, Ngoại trưởng Jobert chắc chắn là có hỏi ý Tổng Tổng Pompidou khi tuyên bố rằng cuộc tấn công của phe Ả Rập chỉ là một sự trở về nhà cũ nên không thể gọi là một cuộc xâm lăng.

Ngoài ra áp lực về dầu hỏa của các nước sản xuất dầu cũng là một yếu tố đáng kể. Nhưng cố nhiên sự trợ giúp của Nga cho Si Ri, Ai Cập vẫn là chính yếu.

Nếu phe Ả Rập có nhiều sự hậu thuẫn từ bên trong cũng như bên ngoài các nước trực tiếp tham chiến thì Do Thái cũng có những người yểm trợ mình.

Trước hết là chính phủ Mỹ và nhân dân Mỹ nhất là những người Mỹ gốc Do Thái ở Mỹ. Những người Do Thái ở khắp các nơi trên thế giới cố nhiên phải ủng hộ chính quốc của họ. Tuy rằng dân số Do Thái tại quốc gia Do Thái ở Trung Đông chỉ có khoảng 3 triệu người nhưng số người gốc Do Thái rải rác trên thế giới lên tới vài chục triệu. Phần lớn những người gốc Do Thái ở hải ngoại là những

người có tinh thần, giàu có và sẵn sàng ủng hộ cuộc chiến đấu tại nước nhà.

Trong những ngày đầu của cuộc chiến, người Mỹ gốc Do tại Mỹ đã quyên ngay được 100 triệu đô-la gửi về Do Thái. Cô đào chiếu bóng Elisabeth Taylor cũng tổ chức một dạ tiệc quyên giúp một triệu khác.

Có nhiều người đã tình nguyện trở về Do Thái ngay để làm việc thay thế những người đang phải ra mặt trận chiến đấu. Trong một tuần đầu đã có hàng trăm người lên đường và họ tự đảm trách vé đi về và sẽ làm việc tại Do Thái trong thời gian 6 tháng.

Ngoài ra còn phải kể tới dư luận nhiều quốc gia trung lập hay thuộc thế giới tự do ủng hộ tinh thần Do Thái vì tình cảm, vì thương một nước bé nhỏ tài giỏi nhưng bị phe đông ăn hiếp hay vì chủ trương chống Cộng nên không thể ngả theo những nước Ả Rập nhận vũ khí của Cộng sản Nga.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

...2

Kỳ tới : Tổng kết ngưng bắn

CÁO-LỖI

Vì lý do ngoài ý muốn, **BÁCH-KHOA** số này ra trễ tới hơn 10 hôm. Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc và hy vọng số tới sẽ ra mắt bạn đọc được mau mắn hơn.

Ban Chủ trương Bách-Khoa,

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Nụ cười Việt-nam tại Hoa-kỳ



CHÓE tự họa

Trên Bách-Khoa số trước, 398, Mục Sinh-hoạt có đề cập đến Hợp-đồng ký kết giữa nhà văn Nhã-Ca và Ô. Barry Hilton, đại diện nhà xuất bản Glade Publications ở Bắc Carolina Hoa-kỳ. Nay cũng nhà xuất bản này lại mới ấn hành một tập tranh của một cây bút hí-họa Việt-Nam rất độc đáo: Anh Nguyễn-Hải-Chí. Nguyễn Hải Chí hiện vẽ hàng ngày những tranh hài hước về thời cuộc cho các nhật báo Hòa Bình (ký tên là: CAP) và Sóng Thần (ký tên là CHÓE). Anh cũng vẽ chân dung các nhân vật V.N. trên nhật báo Đại Dân-tộc (ký tên là KIT). Nhưng tên ký ở các tranh hí họa đầu tiên của Nguyễn Hải Chí là CHÓE, nên cuốn sách của nhà Glade Publications xuất bản đã mang tên là: «The World of CHÓE» (Thế giới của Choe).

trong đó nhà xuất bản đã lựa các tranh hí họa và chân dung anh vẽ trong 3, 4 năm nay trên các nhật báo, lấy chừng 120 tranh, rồi sắp xếp theo một thứ tự riêng, thành từng chương, mang những nhan đề:

Chân dung, Việt - Nam, Nixon, Kissinger, Tìm kiếm hòa bình, Các siêu cường, Vụ Watergate...

Tại đây người ta thấy đủ mặt chân dung các chính khách quốc tế và quốc nội, các tranh hài hước về những biến cố hoặc sự kiện chính trị ở Việt Nam hay Hoa Kỳ, nhất là về đề tài chiến tranh và hòa bình ở Việt Nam. Trong cuốn này mang nhiều bộ mặt nhất là 2 ông Kissinger và Nixon. Theo lời Tựa của cuốn sách, do Barry Hilton viết, thì một trong những thức mà Tòa Đại-sứ Hoa-Kỳ soạn cho ông Kissinger, vào thời kỳ ngược xuôi bấn loạn nhất của ông để cho ra Hiệp định Hòa bình ở Việt Nam (cuối 72 và đầu 73), là tập tranh hí họa về ông trên các nhật báo V.N. và những tranh đặc sắc nhất chính là những tranh mang các chữ ký; Choe, Cap...

Không phải tới bây giờ Choe mới được báo chí nước ngoài biết tới. Các báo Time, New York Times đôi khi vẫn đăng lại những tranh hí họa đặc sắc của anh với giá khoảng 40 Mỹ-kim mỗi tranh và tờ «Chicago Daily News» trong số ra ngày 25-26 tháng 8/73, ký giả Larry Green cũng đã viết một bài về Nguyễn Hải Chí,

coi anh là một cây bút vẽ có uy tín nhất của miền Nam Việt Nam cùng trích một số tranh hí họa của anh về thời sự và nhân vật quốc tế.

Điều làm những người ngoại quốc — và cả người trong nước — ngạc nhiên là người họa sĩ có những ý nghĩ và nét bút nhiều khi rất Tây phương thực ra lại không hề biết một ngôn ngữ Tây phương nào, không tốt nghiệp ở một trường hội họa nào cũng như tự học vẽ ở một cuốn sách dạy vẽ Tây phương nào, vì một lẽ giản dị là anh chỉ được học hành cho tới năm lên 9 tuổi.

Nguyễn Hải Chí sinh năm 1944 tại một làng quê miệt An Giang. Lên 5 tuổi, lúc cậu bé Chí bắt đầu cầm bút học viết cũng là lúc cậu cầm bút tập vẽ. Vẽ, nặn đất sét, đắp cát bất cứ cái gì cậu thấy. Vẽ và nặn cả những nhân vật trên bộ tranh treo trong nhà. Nhưng lên 9 tuổi thì Chí đã phải nghỉ học để làm các công việc giúp gia đình. Vài ba năm sau Chí đã phải làm những việc nặng nhọc của người lớn như đập đá ở núi Sam, đốn củi ở núi Dài v.v... Tới năm 17 tuổi — 1961 — Chí trở về Long Xuyên làm ruộng, làm rẫy. Trong suốt thời gian nói trên đây, anh lao động như một nông dân thuần túy và anh đã tâm sự rằng cho tới năm 20 tuổi anh không biết ông Nhất Linh là ai. Về báo chí anh chỉ được đọc tờ Saigon Mới do chị hàng xóm cho mượn và về các nhà văn thì anh chỉ biết đến: Bà Tùng Long, Dương Hà, Trọng Nguyên v.v...

Mãi mãi năm 1964 anh được một

nhà vẽ quảng cáo ở Long Xuyên thuê nhận giúp việc nên anh lại được trở về với cái đam mê thời thơ ấu.

Từ cuối năm 64 trở đi, anh rời Long Xuyên và cũng bắt đầu từ đây cuộc đời anh có những đổi thay quan trọng. Anh có dịp sống ở Saigon. Anh có dịp làm quen với nhiều người làm văn nghệ trong số đó có nhà văn Viên Linh, lúc đó đang trông nom tuần báo *Khởi Hành* và Chủ bút tuần báo *Diễn Đàn*. Viên Linh thấy anh vẽ được, liền kéo về vẽ cho 2 tờ tuần báo của anh. Bức hí họa đầu tiên của Nguyễn Hải Chí là bức « Thành phần đứng giữa » trên *Diễn Đàn*, năm 1969, đã được mọi người chú ý. Bút hiệu CHOẾ cũng là do Viên Linh từ tên CHÍ mà góp ý đặt thành. Thời đó anh cũng vẽ cả cho tờ « Tinh Thần ». Nhưng phải đợi đến năm sau — 1970 — khi nhà văn Lê Tất Điều giới thiệu Nguyễn Hải Chí với nhà thơ Trần Dạ Từ, chủ trương nhật báo *Đen* thì các bức hí họa ký tên CHOẾ mới được xuất hiện thường xuyên trên nhật báo này. Nhật báo « Đen » đóng cửa. Các tranh của Nguyễn Hải Chí lại được đăng hàng ngày trên nhật báo Hòa Bình rồi Sóng Thần và Đại Dân Tộc. Nguyễn Hải Chí đã từ một nông dân miền kinh rạch trở thành một họa sĩ chuyên nghiệp về hí họa ở Saigon và các tranh mang những tên CHOẾ, CAP, KII đã trở thành hết sức quen thuộc với độc giả Việt Nam trong mấy năm nay.

Thường thường mỗi tranh, Nguyễn Hải Chí chỉ vẽ trong 5, 10 phút hoặc

nhiều lắm là 20 phút. Nhưng anh phải đọc báo, phải theo dõi tin tức, thời cuộc, phải suy nghĩ để tìm đề tài, tìm ý kiến, tìm đường nét đặc biệt. Vì tới nay, các nhật báo mà anh đang cộng tác đều tin nhiệm anh, phó mặc cho anh lựa chọn, tìm kiếm lấy đề tài tranh hài hước mỗi ngày. Về chân dung, anh có thể nhìn người vẽ ngay trong mấy phút hoặc nhìn hình mà vẽ lại.

Nhưng không phải Nguyễn Hải Chí chỉ biết vẽ và thích vẽ. Có một điều ít ai ngờ tới là Nguyễn Hải Chí viết truyện và say mê viết truyện còn hơn là vẽ nữa. Anh đã viết nhiều truyện ngắn đăng trên đủ mọi báo: Khởi Hành, Tinh Thần, Tin Vịt, Bến Hải...

Bằng một giọng nói chậm chạp, nhỏ nhẹ cố hữu và nụ cười ranh mãnh anh thường kể lại những đoạn lý thú nhất trong các truyện của anh, anh thuật lại một trường hợp đặt tên truyện như sau: "Bà xã tôi đọc xong bản thảo một truyện tôi viết

cho tờ *Tin Vịt* liền bảo tôi: «Ông là đồ quý.» Thế là tôi đặt luôn tên truyện đó là *Đồ quý*! Anh còn nói «Các anh em khác viết về mùa gặt chẳng hạn là đứng ở ngoài nhìn vào thấy nắng vàng, lúa chín, người gặt hát hò vui vẻ .. nhưng tôi đã ở trong con người gặt lúa thực sự, tôi thấy nắng cháy da, thấy lưng đau mỏi... tôi nhìn mùa gặt từ người nông dân đương cắt lúa nhìn ra nên thấy nhiều cái khác với anh em lắm.»

Thực ra trong những truyện anh đã viết, những truyện thành công nhất cũng vẫn là những truyện có khung cảnh sinh hoạt của những người sống trên đồng ruộng, trên kinh rạch... là những môi trường mà anh đã từng sống qua thuở trước. Hi vọng trong một ngày gần đây, chúng ta sẽ được cái vui thích đọc tập truyện đầu tay xuất bản của Nguyễn Hải Chí cũng như chúng ta vui thích được thấy những nụ cười của Chóc đã phổ biến tại Hoa kỳ.

Tổ-chức Y-tế Quốc-tế 25 tuổi.

Tổ chức Y-tế Quốc-tế (OMS) vừa ăn mừng lễ sinh-nhật thứ hai mươi lăm. Đây cũng là một dịp để tổ-chức này kiểm-điểm lại các thành-quả đã đạt được trong một phần tư thế-kỷ vừa qua và tự cảnh-giác đối với những mối đe-dọa vẫn còn tồn-tại.

Thành quả :

— Hy vọng về tuổi thọ : So sánh

hai năm 1950 và 1970 thì thấy ở các quốc-gia tiên-tiến, tuổi thọ trung-bình tăng từ 64,6 lên 70,4 năm, nhưng ở các quốc-gia đang mở-mang thì chỉ tăng từ 41,7 lên 49,6 năm và ở Tây Phi-châu thì còn khiêm-tốn hơn nữa, chỉ tăng từ 32,5 lên 39,2 năm.

— Từ vọng ăn nhí : Giảm-thiểu một cách khá-quan ở Ba-lan (103 từ

vong trong năm thứ nhất trên số 1000 trẻ em sống lúc chào đời vào năm 1950 còn 34,3 năm 1969); ở Nam-tu (từ 118 xuống còn 58,9); ở Pháp (từ 51 xuống còn 19,6). Ở Thụy-điền, phân xuất tử vong ấu-nhi giảm-thiểu còn 13,4. Nhưng vẫn còn cao ở nhiều quốc-gia (130 ở Hồi-quốc, 92 ở Guatemala, 91,6 ở Chí-lợi).

— *Đậu mùa* : Gần bị thanh-toán đến nơi. Năm 1972, có 64.000 ca, trong khi năm 1950 có đến hằng trăm ngàn ca. Bệnh chỉ còn nằm vùng ở năm quốc-gia.

— *Bệnh ấu-liệt* : Gần như biến mất ở các quốc-gia có tổ-chức chủng ngừa đứng đắn.

— *Sốt rét* : Bị đẩy lui ở khắp mọi nơi. 56% những dân-tộc trước kia bị đe-dọa, nay đã được bảo-vệ.

— *Lao* : Còn đến 20 triệu ca, nhưng tỷ-số tử-vong đã giảm bớt ở khắp nơi.

Tai họa :

— *Bệnh hủi* : Còn đến mười triệu người bị hủi trên mặt địa-cầu.

— *Bệnh đau mắt hột* : Năm trăm triệu ca, khiến hai triệu người bị mù.

— *Các bệnh tim-mạch* : Tại các nước tiền tiến, cứ hai người chết thì có một người vì bệnh tim-mạch.

— *Bệnh đái đường* : Phân-xuất tử-vong đang gia-tăng. Trong mười lăm năm trở lại đây, phân xuất ấy lên gấp đôi ở Ý, ở Áo, ở Thụy-sĩ ở Venezuela ; và gấp ba ở Nhật-bản.

THẾ-NHÂN

Sách Nam Cường phát hành

Bách khoa trân trọng cảm ơn Nhà Phát hành Nam Cường đã gửi tặng những sách sau đây và xin giới thiệu cùng bạn đọc :

— *Vết Chàm tiền thuyết* của Nguyễn Thị Vinh, do Anh Em xuất bản. Tác phẩm thứ 8 được xuất bản của tác giả dày 390 trang. Giá 680 đ.

— *Xóm Cầu Mới*, quyển I và quyển II, truyện dài của Nhất Linh do Phượng Giang xuất bản. Cuốn tiền thuyết chưa từng được xuất bản toàn bộ của nhà văn-báo, quá cố, lãnh-tu Tr-lạc Văn-đoàn, dày 713 trang kèm theo 30 trang phụ lục : Tranh vẽ, Sơ đồ Xóm Cầu Mới, Dàn truyện, Hình nhân vật trong truyện của chính Nhất

Linh; Tranh bìa nhiều màu của Nguyễn Gia Trí. Giá trọn bộ : 1200đ.

— *Tội Công Thành* nguyên tác «Le zéro et l'infini» của Arthur Koestler, bản dịch của Quốc Ấn, do Đen Trắng xuất bản. Sách dày 312 trang. Giá 480 đ.

— *Chuyện Tình* nguyên tác «Love Story» của Erich Segal bản Việt văn của Phan Lệ Thanh do Ngày Mới xuất bản. Sách dày 208 trang. Giá 350 đ.

— *Thời gian của một tiếng thở dài*, nguyên tác «Le temps d'un soupir», bản Việt văn của Phan Thị Thanh Tuyên, do Lạc Việt xuất bản. Sách dày 156 trang. Giá 200 đ.

Sách Bs. Hoàng văn Đức

Bách-khoa đã nhận được những tập sau đây do Bác sĩ Hoàng văn Đức, Chủ tịch Phong trào Liên bang Đông-Nam-Á gửi tặng:

— Kiến Tạo Hòa-bình và Công-lý cho Việt-Nam, của Hoàng văn Đức và Trần Minh Tiết, dày 38 trang.

— Thực chất chánh-trị kinh-tế của Nhật-bản của Hoàng văn Đức và Văn-đề khủng-hoảng tiền-tệ thế-giới của Hoàng văn Đức và Trần Minh Tiết, dày 58 trang.

— Định hướng dân tộc và

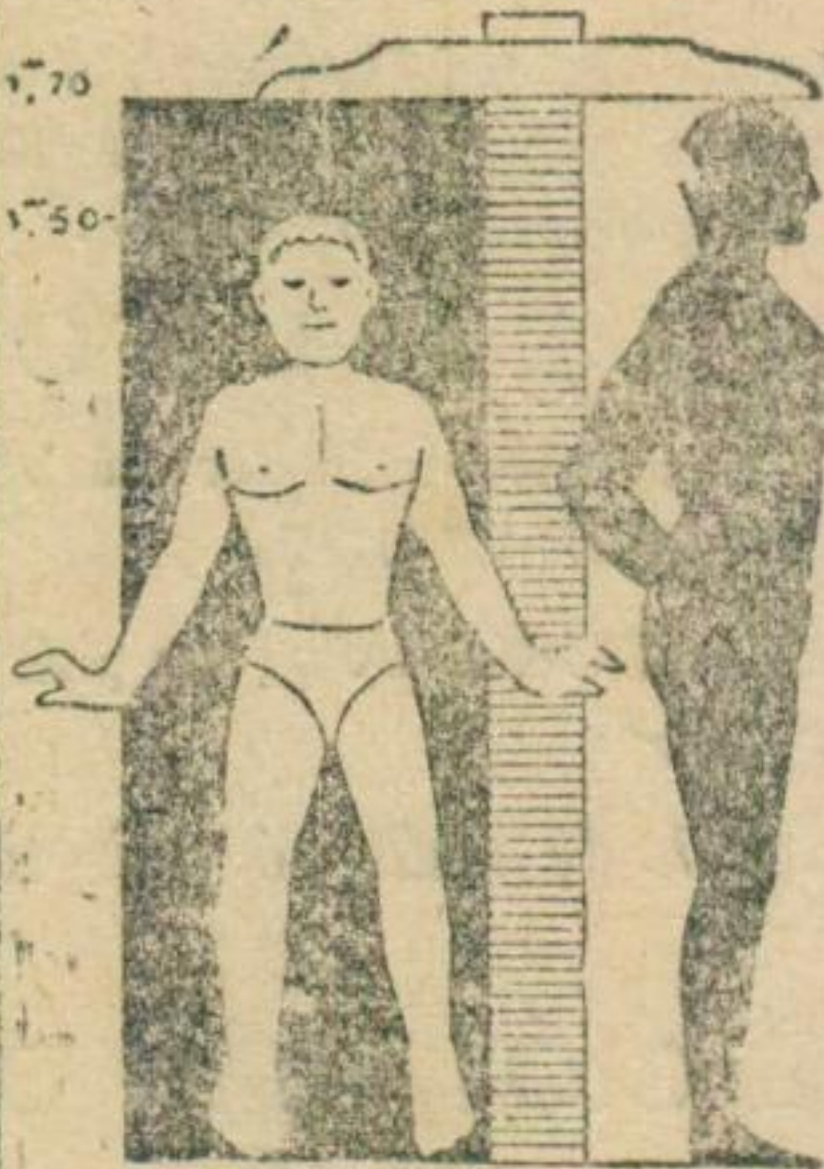
con đường Việt-hóa tư-tưởng nghệ - thuật Đông - phương qua sự nghiệp thi ca của Phạm Thiên Thư, dày 44 trang, của Hoàng Vũ (Bác sĩ Hoàng văn Đức).

Những tập trên đây đều là những bài phân tích, nhận định, biên khảo công phu và giá trị của Bác sĩ Hoàng văn Đức và Luật gia Trần Minh Tiết, các nhà sáng lập và lãnh đạo Phong trào Liên bang Đông-Nam-Á.

Xin giới thiệu cùng bạn đọc và trân trọng cảm ơn Bác sĩ Hoàng văn Đức.

Vilaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHỎE.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABCHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

THẾ-GIỚI NGỮ

Thế-Giới-Ngữ không phải tiếng nói của một nước nào. Thế-Giới-Ngữ là ngôn-ngữ của mọi chủng-tộc, là mộng-trước của triết-gia Descartes, là sáng-kiến của nhà bác-học Zamenhof, là cơn thống-khoái của văn-hào Tolstoi...!

Học-Khóa Thế-Giới-Ngữ học từ 4 giờ mỗi chiều chúa-nhật tại 386/43 Trương-minh-Giảng, Sài-Gòn 3. Sau một khóa học ba tháng, Quý-Vị có thể hiểu rành ngôn-ngữ duy-lý đó, rất phổ-biến ở ngoại-quốc. Nhận học-viên mới mỗi tuần; ghi-danh ngay trước giờ học. Có dạy hàm-thụ cho người ở xa.

Người anh hùng BÁT-TỬ từng làm chấn-động toàn cõi ÂU-CHÂU đã có mặt trên toàn quốc :

NAPOLÉON

- với ☐ Những chiến công lừng vang
☐ Những mối tình thật khôi hài thơ mộng, bi thương, thống thiết đã được ghi vào lịch sử :

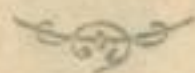
NAPOLÉON

- ☐ Cuốn sách hiển dăng quý vị những cảnh tượng sắt máu bi hùng. Những cảm hoài man mác của một mẫu anh hùng hào hoa, đa tình đã một thời làm cho thế giới phải rung chuyển.

NAPOLÉON

- ☐ Cuốn sách đã làm say mê hàng triệu triệu độc giả bên trời Âu do ngòi bút lừng danh của PIERRE CLUZEL

NGUYỄN - QUANG - TÔ dịch — ĐỒNG NAI Tổng phát hành



Sắp phát-hành cuốn sách đệ nhất vô nhị từ thư viện Pháp gửi về :

VĂN HỌC THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

Gồm hơn 100 danh nhân nổi tiếng nhất của các nước trên thế giới và đầy đủ phụ trang hình ảnh.

CÔ LIÊU dịch — AN - TIÊM xuất - bản

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nobel Văn chương 73

Giải Nobel Văn chương năm nay được trao cho một tiểu-thuyết-gia người Úc: Patrick White. Ông White sinh tại Anh quốc ngày 28-5-1912 và đã cho xuất bản 2 cuốn tiểu thuyết đầu tay tại Anh: *Happy Valley* (1939) và *The Living and the Dead* (1941). Trong đệ nhị Thế chiến ông đã phục vụ trong ngành tình báo của Không lực Anh.

Tác phẩm lớn đầu tiên của ông là « *The Aunt's story* » (1948) và tác phẩm mới nhất của ông là *Vivisector* (1970). Ông cũng là tác giả của nhiều kịch phẩm và tân truyện.

Người ta còn nhớ giải Nobel văn chương năm 1970 được tặng cho tiểu-thuyết-gia Nga-xô Alexandre I. Solzhenitsyn, năm 1971 được trao cho Thi sĩ Chí lợi Pablo Neruda (vừa từ trần 23-9-73) và năm 1972 được trao cho Tiểu-thuyết-gia Đức Heinrich Boll.

Giải Nobel Kinh-tế năm nay được trao cho giáo sư Wassily Leontief, 67 tuổi, thuộc Đại học Harvard Hoa-kỳ.

Giải Nobel Hòa bình năm nay được trao cho 2 ông Kissinger và Lê Đức Thọ. Quyết định này của Ủy ban giải Nobel — do Quốc hội Na-Uy bầu ra với nhiệm kỳ 6 năm — đã làm xôn xao dư luận thế giới với nhiều ý kiến phản kháng. Chính 2 trong 5 nhân viên của Ủy ban giải Nobel đã bỏ phiếu chống cũng từ chức sau cuộc biểu quyết giải thưởng

Hòa-bình này.

Đại hội Quốc-tế Thi sĩ kỳ 2

Đại-hội Quốc-tế Thi-sĩ (World Congress of Poets) kỳ 1 đã họp ở Manila, thủ đô Phi-luật-tân, vào năm 1969. Đại-hội kỳ 2 sẽ họp ở Đài Bắc, Trung-hoa Quốc gia, từ 11 đến 17 tháng 11/1973, dưới sự bảo trợ của Hiệp-hội Thi-sĩ Trung-hoa. Các báo chí loan tin tại Việt nam những nhà thơ sau đây đã được mời tham dự Đại hội kỳ 2: Á nam Trần Tuấn Khải, Vũ Hoàng Chương, Bằng Bá Lân, Nguyễn Sa, Bùi Giáng, Tường Linh, Trần Tuấn Kiệt, Trần Dạ Từ, Tuệ Mai, Hoàng Hương Trang. Trong lúc gạo cao, giấy đắt như thế này mà các thi sĩ được mời dường như lại phải tự túc về phương tiện di chuyển, nên tới nay chưa thấy vị nào có tên trên đây ngỏ ý nhận tham dự cả. Riêng có nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã sốt sắng viết ngay một lá thư bằng chữ Hán mừng Đại-hội như sau:

Đài-Bắc Quốc-Tế Thi-Hội

Thi thành, chính-khi tự cao ngâm,
Khước hữu Bồng-Lai truyền hảo âm.
Nhật nguyệt truyền sinh đàm thủy
thượng,
Đông Tây nhất phiến hòa-bình tâm.

Việt Nam thi nhân
Vũ Hoàng Chương

Dịch Nôm

Thơ Vàng chính-trị vút cao xanh,
Giây phút Bồng-Lai đã ứng thanh.
Nhật nguyệt trên hồ kia chẳng lặn,
Đông Tây một trái tim hòa-bình.

Tác giả ghi chú như sau :

« Bài thơ Hán-tự trên đây đã được gửi sang Đài-Bắc từ đầu tháng 9-73, và thi sĩ Tin Wen-Chung, Chủ tịch Hội-ngệ Đài-Bắc, đã có thư phúc đáp ngay sau đó. Còn bản dịch Nôm, thì Vũ-Hoàng-Chương chỉ tự dịch đề làm ghi, nên có những chữ không đúng hẳn ý nguyên tác. Cũng nói thêm rằng Nhật-Nguyệt-Đàm là 1 thắng cảnh tiêu biểu cho Đài-Loan-đảo ».

Cũng xin ghi thêm chủ đề của Thi-Hội kỳ này cũng như kỳ trước vẫn là : « Tình huynh đệ quốc tế và Hòa bình qua thi ca ».

Chữa mẹo

Nhà thơ Lê Minh Ngọc, giải thưởng Văn học Nghệ thuật 1969, tác giả các tập thơ *Hoa thề*, *Tình yêu tuổi học trò*, *Nước mắt cho quê hương*, vừa thoát hiểm trong một cơn bệnh thập tử nhất sinh. Căn cứ theo các hình chụp gần đây tại một Bệnh viện công thì anh mắc chứng ung thư bao tử, muốn khỏi chỉ có cách giải phẫu. Nhưng ung thư vốn là một bệnh nan y của thời đại nên các bạn Lê Minh Ngọc khuyên anh đừng phó mặc cho Tây y mà « còn nước còn tát » hãy « chữa mẹo » đã. « Chữa mẹo » đây, là cách hút vài điếu...á phiện mỗi lần lên cơn. Nhà thơ trong cơn tuyệt vọng vội làm theo ngay và cũng từ đó anh trở thành duyên nợ với nàng Tiên Nâu càng ngày càng đắm thắm, đến độ sắp cưới về nhà. Nhưng vừa qua anh bỗng lên cơn dữ dội liền trong mấy ngày, thân nhân

vội đưa anh vào một dưỡng đường tư điều trị. Tại đây, sau khi chiếu điện chụp hình, bác sĩ cho biết không phải anh bị ung thư mà chỉ bị loét bao tử và chính vì chắm « chữa mẹo » quá nên thuốc phiện đã làm cho chỗ loét đau thêm. Sau hơn 2 tuần chạy chữa tác giả « Tình yêu tuổi học trò » đã bình phục đồng thời lại ly dị luôn được cả với nàng Tiên Nâu. Điều đáng ghi là trong thời kỳ chờ đợi tử thần trong bệnh viện, Lê Minh Ngọc lại sáng tác được một Trường Ca 3 đoạn gồm hơn 200 câu thơ nhan đề là « *Hỡi người bạn trẻ anh đi về đâu* ».

Họa phẩm Trần Đình Thụy

Tại Trung Tâm Thông Tấn Xã hội trường Tự do từ ngày 6-10 đến 10-10-1973, Họa sĩ Trần Đình Thụy đã cho khai mạc Phòng Triển Lãm tranh của ông.

Tất cả có 56 họa phẩm gồm nhiều đề tài : Phong cảnh, chân dung, tĩnh vật, thiếu nữ v.v... được thực hiện bằng sơn dầu, màu nước, và phấn màu.

Ngoài những bức phong cảnh núi cao, biển rộng thành quách lâu đài ghi lại những nơi ông đã đặt chân đến, đặc sắc nhất vẫn là những bức chân dung diễn tả khuôn mặt thiếu nữ, các sắc dân thiểu số miền Cao Nguyên hoặc miền Thượng du Bắc Việt.

Nói đến chân dung, giới thưởng ngoạn Nghệ Thuật Saigon hẳn chưa quên phòng Triển Lãm cuối năm 1963 của ông trước đây với đề tài

đặc biệt « *Những Nụ Cười* » một đề tài khó thực hiện vì chỉ có ống kính chớp thật nhanh, thật trung thực mới có thể ghi được những nụ cười chỉ nở ra trong nháy mắt. Qua giây phút ngắn ngủi ấy, nét mặt đã đổi khác mà chính người mẫu dù soi gương cũng không thể nhận thấy nét mặt mình trong giây phút hồn nhiên

Với màu sắc thật êm ái, dịu dàng biểu lộ cá tính tác giả, bố cục vững vàng cộng thêm kỹ thuật điều luyện trong việc xử dụng phần màu mỏng và nhẹ với những « touches » linh động cũng như kỹ thuật xử dụng màu nước trong và nhanh, họa sĩ Trần Đình Thụy đã tạo nên nhiều tác phẩm tả chân đặc sắc, khiến người ta liên tưởng đến Lương xuân

Nhị, Tô Ngọc Vân trong các phòng tranh thời tiền chiến ở Hà nội thuở nào.

Được biết, thượng tuần tháng 12-1973 tới đây họa sĩ Trần Đình Thụy sẽ viếng thăm Hoa kỳ để tổ chức các buổi nói chuyện về hội họa và Triển lãm họa phẩm theo lời mời của Trường Đại Học Illinois.

Cũng trong chuyến đi này, Họa sĩ Trần đình Thụy có mang theo nhiều họa phẩm chân dung các văn nghệ sĩ Việt nam để trưng bày cùng với các họa phẩm khác.

Trên đường về họa sĩ sẽ ghé thăm Âu Châu và Tổ chức Triển Lãm tranh tại Ý đại Lợi.

VĂN THANH

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây của quý bạn :

THƠ : Nguyễn Hồng Ân, Nguyễn Ngọc Hoàng, Hồng Băng, Võ Duy Chung, Lê Duy Hùng, Trương Tri, Trần Hữu Dũng, Hoàng Bảo Nga, Đặng Thường Diễm Thy, Nguyễn Hạnh, Trần Hữu Nghiễm, Dã Châu, Trần Văn Nhơn, Nghiêm Duy, Lý Thiện Ngộ, Phù Hư, Nguyễn Lương Vị, Đông Đình, Trần Dza Lữ, Lêsa, Nguyễn Huyền Lâm, Anh Việt Thi, Trần Châu Kỳ, Trần Kiên Thảo, Trần Văn Phụng, Quan San — IP, Trần Đình Chính, Trần Anh Xuân, Lê thị Ái Niệm, Bùi Ngọc Sáng, Phạm Phú Ba, Huỳnh Thụ Khánh, Nguyễn An Phong, Phạm Việt Thiên, Lý Thiện Ngộ, Hoài Diễm Từ, Bùi Đức Long, Huyền Hoa Tử, Trần Hoàng Vy, Diệp Hồng Phương, Chinh Phục, Nghiễm Duy, Nguyễn Vĩnh Phúc, Ngô Bích Nguyên, Lê Văn Trúc Tự, Trần Vạn Giã, Dương Linh, Thanh Lệ, Ngân Hà, Không Gian, Huỳnh Kim Sơn...

TRUYỆN : Lê Đức Tùng, (Buổi hội thảo Hiệu Trưởng, Nụ cười băng khuâng, Người lính trên tàu), Nguyễn Hồng Ân (Thoáng qua), Lê Bá Lăng (Một chút tình sầu của Nguyệt), Trịnh Nguyên (Còn có điều vẫn vơ nào), Lê Văn Linh (Chuyện năm xưa), Ngô Văn Châu (Bãi Trắng), Thượng Hồ (Lửa kín), Nguyễn Huyền Lâm (Kẻ hèn nhất), Hồ Minh Dũng (Giàn hỏa thiêu mây), Nguyễn Cẩn Thục (Một chút mù võ tan

trong nắng), Hoàng Chu Ân (Trên bãi cỏ, Trong lồng kính), Đoàn Văn Chờ (Trên lô cốt), Nguyễn Hoài (Hà Châu), Thảo (Vì một cái chết), Rừng (Nhân vật, Một nơi để nhớ nhau), Mường Mán (Cửa giồng xuôi ngược chiều hôm), Nguyễn Hà (Tiếng hát nơi cầu sương thạch), Trần Quang Thiếu (Bao vây), Mặc Thúy (Như loài hoa phù dung), Huyền Hoa Tử (Chiều bóng đứng), Lê Hữu Dũng (Huyền thoại Thượng đế).

BIÊN KHẢO : Trần Duy Thức (Đầu tư nhân lực trong việc phát triển kinh tế V.N), Nguyễn Văn Kế (Giáo chức Tiểu học...), Nguyễn Bội Liên (Xác định lại địa danh Hải phố...), Trần Hữu Nghiễm (Bệnh Bác Bệnh Tây), Huyền Hoa Tử (Nguyễn Huỳnh Đức).

Ô. Trương văn Thanh (Saigon)
Chúng tôi đã nhận được bài góp ý của ông về Tủ sách xã thôn nhưng kẹt bài quá nên chưa đăng được. Chúng tôi sẽ đăng trên số tới đây trong mục Sinh Hoạt.

Ô. Trần Vạn Giã : Đã nhận được thư và một số bài thơ của anh. Xin trả lời đề anh rõ : Hiện nay với giá giấy báo tăng mỗi ngày mỗi khác nên số trang sẽ phải rất giới hạn, bởi thế không thể đăng thơ và truyện nhiều như ý chúng tôi vẫn mong muốn. Và cũng vì vậy một số lớn sáng tác văn nghệ bị kẹt lại, không phải do giá trị bài hơn kém, mà chỉ vì thực tế không thể đăng mau chóng được, nhất là từ Tết đến nay mỗi kỳ đều phải trên 20 ngày mới ra được số báo. Vậy mong anh thông cảm cho